

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 172

**BẢO VƯƠNG TAM MUỘI
NIỆM PHẬT TRỰC CHỈ**

SỐ 1974
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1974

BẢO VƯƠNG TAM MUỘI NIỆM PHẬT TRỰC CHỈ

LỜI TỰA

Niệm Phật Tam-muội được gọi là Bảo vương cũng ví như ngọc Ma-ni là báu vật tươi nhuận khắp tất cả báu Tam-muội. Cũng như vua Chuyển Luân là vị vua thống lãnh khắp các vua Tam-muội, vì đó là pháp môn hoàn hảo và nhanh chóng nhất (viên đốn). Suốt cả một đời thuyết pháp giáo hóa của Đức Phật, đầu tiên là kinh Hoa Nghiêm, cuối cùng là kinh Pháp Hoa; không thời nào là không tán dương khen ngợi Bảo vương Tam-muội này. Trên từ các Ngài Văn-thù, Phổ Hiền cho đến các Ngài Vĩnh Minh, Sở Thạch, tất cả các bậc Thánh tổ Bồ-tát đều tu chứng và hoằng truyền rộng rãi môn tam muội Bảo vương này. Ở đời vẫn còn lắm kẻ ngu muội, ấy cũng chỉ vì cho tự tánh Di-đà không phải là giáo chủ cõi Tây phương và duy tâm Tịnh độ không phải cách đây mười vạn ức cõi nên cứ lầm nhận ảnh duyên của lục trần làm tướng của tự tâm, hoàn toàn không biết gì đến mười phương pháp giới mỗi mỗi đều là tâm tự tánh, há chẳng buồn ư?

Cuối đời Nguyên đầu nhà Minh, tại Ngân giang có bậc Đại Thiện tri thức là Ngài Diệu Diệp vì thương kẻ mê lầm tà kiến mà soạn ra bộ niệm Phật trực chỉ gồm hai mươi hai thiên nhưng đã thất truyền từ lâu. Cho nên Ngài Vân Thê mỗi khi muốn xem cũng không biết tìm đâu ra được.

Khoảng niên hiệu Thần miếu, trong đồng sách cũ cổ xưa Ngài Vạn Dung Thiền Bá may mắn tìm được pho kinh này, đồng như Pháp sư

Đường Phi Tích soạn bộ Bảo vương luận cũng là một loại sách mà Đại lão Vân Thê chưa hề thấy. Cư sĩ Hàn Triều Tập trước tiên khắc gỗ bộ Bảo vương luận đem trao cho Ngài Vân Thê, và tiếp tục khắc bản bộ Trục chỉ này để làm cho mặt trời Phật pháp ngày càng sáng thêm. Năm ngoái tạm ngụ ở Trường vu, trong đó có cư sĩ Xa Mật Phiền, nhân thọ quy giới và nghe giảng về Duy thức tâm yếu và Đại thừa chỉ quán của Nam Nhạc, bèn chuyên tâm tu hạnh Tịnh độ. Nhân ba tháng hạ cấm túc, chuyên tu thọ trì danh hiệu Phật, ông nghĩ rằng bọn người cuồng vọng ngày nay đa phần khinh thường pháp môn niệm Phật, nên đã mở lòng đại Bi thương xót ra tay góp nhặt các lời pháp ngữ xưa về Tịnh độ, soạn thành một bộ sách tên niệm Phật tu tri, chia làm bốn phần tín giải, phát nguyện, tu hành và chứng nghiệm, bao trùm cả tín hạnh nguyện. Đó là cái bè thiết yếu giúp người vãng sinh cõi Tây phương. Nay muốn chứng minh sự linh nghiệm thì phải nêu rõ cái quả để khuyến khích cái nhân tu hành. Sách vừa soạn xong đầy đủ các tiết mục, vừa lúc tôi (tác giả Trí Húc) nhận lời mời của Tổ đường lại đi về Trường Vu. Thật lòng thiết tha mong tôi đem hai bản sách ra để so sánh xem có sai lầm gì chẳng. Tôi bảo: “Ý muốn của cư sĩ rất tốt, nhưng pháp ngữ về Tịnh độ từ xưa đến nay thật đã quá nhiều, sao bằng chọn lựa những điều ngắn gọn tinh yếu cốt lõi nhất để phổ biến trên đời, tất dễ tạo niềm tin hơn chẳng? Vì tôi nhận thấy yếu chỉ trong sách của cư sĩ so với bộ trục chỉ của Sư Diệu Diệp rất giống nhau. Vì sao nói thế? Bởi ở mục một nói về y chánh của Cực lạc, mục hai nói về dẹp vọng bày chân, mục ba nói về quả trách hiểu lầm cho đến mục tám nói chiết nhiếp thì đều thuộc phần cư sĩ gọi là Tín giải. Còn mục chín nói về khuyến tu tức là phần cư sĩ gọi là phát nguyện. Mục mười là khuyên cấm sát sinh cho đến mục mười tám là hiển bày các nghĩa, đó là phần mà cư sĩ gọi là tu hành. Còn mục mười chín là một nguyện bốn nghĩa, đó là giới, giải, hạnh, hưởng tức lại nói về lấy nguyện mà nhiếp giữ tín-hạnh. Giới thì cũng là hạnh, giải tức là tín, còn hưởng tức là nguyện. Vậy một nguyện đủ bốn nghĩa, bốn nghĩa là trọn cả một nguyện. Nói rõ tín hạnh nguyện vốn không riêng biệt. Nguyện ở giữa mà thống lãnh cả trước sau. Mục hai mươi nói về nghĩa diệt tội. Mục hai mươi một nêu các hạnh của chư Tổ đều thuộc phần của cư sĩ gọi là chứng nghiệm. Mục hai mươi hai trình bày chính thức về hồi hướng, khắp khuyên cầu vãng sinh, việc này giống như phần lưu thông ở các kinh, luận đều có, từ đầu đến cuối đều hòa hợp hài hòa với ý chỉ của cư sĩ cả. Nay vì sao cư sĩ không bỏ phần mình mà theo người để cùng người chung vui làm việc thiện ư? Lúc đó Xa cư

sĩ rất vui mừng quỳ lạy cúi đầu tạ rằng: “Nay con mới biết Đại sư Diệu Diệp đã sớm thấu rõ và đồng nhất với ước muốn của con, lại có thể khai phát những gì con chưa phát. Nay được phụng trì sách quý của Ngài để lại, con nguyện xin truyền bá rộng rãi để dâng công lên người xưa hầu sớm được vãng sinh Tịnh độ. Con lại nguyện cùng khắp pháp giới hữu tình tin chắc vào pháp môn này không hề thối chuyển. Xin Ngài viết tựa để nêu rõ duyên này để nói cùng người đồng chí hướng.”

Ôi, Xa cư sĩ kia thật đáng là dũng sĩ trong việc tự lợi lợi tha. Những ai đọc sách này xin thận trọng chớ phụ sự khổ tâm nhọc trí của cư sĩ ấy. Mùa đông, tháng 11 năm Canh dần (thuộc đời nhà Thanh, năm Thuận trị thứ bảy).

Cổ Ngô Ngẫu Ích Đạo nhân Trí Húc ghi lại tại Đại bi đàn ở Tổ đường chùa U Thê.

Lời tựa khắc “Bảo Vương Tam-muội niệm Phật trực chỉ”

Ngẫu Ích đạo sư- Trí Húc viết.

Tam-muội niệm Phật là phương tiện vô cùng kỳ lạ của Đức Như Lai, thâm nhiếp cả Phàm Thánh, bao trùm cả căn cơ lợi độn, từ một niệm và liền về biển Phật, có thể nói đó là pháp liễu nghĩa đứng đầu tới viên đốn. Nhưng người đời tối nghĩa, mê đắm danh tự thấy nói chúng sinh tạo tội ngũ nghịch và các ác nghiệp chỉ trong mười niệm liền được vãng sinh trở lại cho là pháp môn này chỉ chuyên để thâm nhiếp kẻ phàm phu thấp hèn và kẻ độn căn. Đó chính là mù mịt ý chỉ vi diệu của Phật, bài báng kinh sâu xa. Tôi nhân đây cảm thấy bùi ngùi rằng người tu hành đời Mạt pháp quá nhiều nghi ngờ, nghiệp chướng, khó thể khai ngộ. Do đây mà pháp môn thâm diệu không bị chấp sự quen lý thì cũng chấp lý bỏ sự. Kẻ chấp vào sự còn có thể tạo nhân sinh vào phẩm hạ, kẻ chấp vào lý rốt cuộc rơi vào chấp không. Đến mức này thì con đường chỉ thẳng lại trở thành hầm sâu chết người. Chẳng nhờ kim bài thì ai đỡ đần kẻ đau mắt? Do vậy có Đạo sư Diệu Diệp tiếp nối tông thừa, lập ra Liên xã, thuận theo Giác (?) Hổ ký của Vĩnh Minh, thỏa thích với luận bàn về Bảo Vương Tam-muội. Cảnh và quán đều rõ, chút nghi ngờ đâu phá sạch, nói rõ tận cùng duy tâm, y, chánh rõ ràng, bày gốc tự tánh thì cảm ứng không sai sót. Kẻ thông đạt lấy lý để dung hòa sự, nhưng lý không nằm ngoài sự, kẻ ngu cũng từ sự mà vào lý, nhưng sự ỷ nhờ vào công của lý, trở thành mằm móng trừ lậu hoặc, bằng cứ sinh về Tây phương, nhìn lại hơn hai trăm năm, chẳng bao lâu đã thành sách bị vứt bỏ, sự lưu thông bị ngưng trệ, Liên Đại sư muốn xem còn chưa thể nhưng không vì vậy mà nguyện lực tiêu mòn. Hàn cư sĩ gặp được nơi Thiền sư Vạn

Dung và tôi đã được mượn đọc, như được no đầy vị đề hồ, xót xa cho kiếp trước sâu nặng, vui mừng vì đã có bến cầu. Mau tìm cách khắc in để rộng lưu hành, khắp nguyện người thấy nghe tùy hỷ mà trồng nhân trọt vụn của Tịnh độ; đọc tụng suy nghĩ mà chứng đắc pháp ấn của Bảo Vương. Truyền trao nhau để cùng hiểu cùng ngộ mà đồng thoát khỏi trầm luân mới không cô phụ duyên lành hiếm có này.

SỐ 1974

BẢO VƯƠNG TAM-MUỘI NIỆM PHẬT TRỰC CHỈ

Đời nhà Minh, đất Tứ Minh, Ngân Giang, Sa-môn Diệu Diệp soạn.

QUYỂN THƯỢNG

LỜI TỰA

Niệm Phật Tam-muội gọi là Bảo vương, vì đó là thứ Tam-muội cao tột nhất trong các thứ Tam-muội. Đầu tiên được nói ra ở Lô Sơn, về sau được truyền khắp trong thiên hạ. Kế tiếp nhiều đời người tu pháp môn này được vãng sinh không phải một, làm văn minh chứng sự linh nghiệm để lại cho đời kể cũng khá nhiều. Từ xưa đến nay rất nhiều sách vở hoặc Thiên hoặc Giáo đều tôn sùng, cả phàm lẫn Thánh đều kính ngưỡng. Chỉ vì đời mạt pháp căn cơ cạn kiệt nên nhân làm thuốc mà thành bệnh. Vì đối với Cực lạc Tịnh độ lại không cầu vãng sinh Tây phương mà chỉ tìm cầu phân biệt các duyên ảnh. Phần nhiều đều do cái thấy này mà mang phải đau thương. Than ôi, luống uống biết bao công khổ nhọc tu hành mà chẳng chiêu cảm được gì.

Nay đối với các kinh nói về Tịnh độ cùng các lời sơ lời sao của các tông thuyết mà nhật nhật chọn lọc những yếu chỉ sâu sắc để soạn thành một bộ sách. Dẫu rằng lời văn còn thô thiển nhưng chẳng dám theo ý riêng tư mà luôn tự cảnh tỉnh mình và dám mong nghe lời dạy bảo của các bậc cao thâm, nên mạo muội đặt tên cho sách là Bảo vương Tam-muội niệm Phật trực chỉ.

1. Ý chánh của Cực lạc.

Vả chẳng, trí giác chánh biến tri vô thượng của Thánh chủ Thế Tôn đều thích hợp khắp mọi cơ nghi, trình độ, hoàn cảnh, nên từ cung trời Đâu-suất giáng thân sinh ra đời, suốt bốn mươi năm nói pháp hơn ba trăm hội đều khiến chúng sinh đồng chứng chân thường. Cho đến hội

Linh sơn sau cùng mới thuyết giảng kinh Pháp Hoa là để khiến chúng sinh được khai thị ngộ nhập vào Phật tri kiến bốn hoài xuất thế do đây được thông suốt. Nhưng đạo ra đời độ sinh đâu phải chỉ một mình Đức Thích-ca mà chung cả ba đời Như Lai đều như thế cả. Song trong số các pháp môn trọn một đời giáo hóa của Đức Thích-ca nói ra, pháp môn thích hợp với mọi căn cơ trình độ để chúng sinh cùng Phật cảm duyên nhau sâu chắc nhất, giản dị nhất mà công hiệu nhanh nhạy nhất thì không gì bằng một pháp môn cầu vãng sinh Tịnh độ.

Bởi pháp môn niệm Phật này đầu tiên là do Ngài Pháp Tạng Tỳ-kheo ở vô lượng kiếp trước là một vị đại Quốc vương, khi nghe Đức Phật Thế Tự Tại Vương thuyết pháp liền bỏ ngôi báu mà xuất gia làm Tỳ-kheo. Lại được Đức Phật nói cho nghe các việc khác nhau về lành dữ, thô diệu của trời người ở khắp cả hai trăm mười ức cõi Phật trang nghiêm. Nghe xong Ngài Pháp Tạng ở trước Đức Phật mà phát bốn mươi tám lời đại nguyện, nguyện khi thành Phật rồi thì trong cõi nước của Ngài không có các thứ chướng ngại như ba đường dữ, ba độc, tám khổ, tám nạn, chín não, mười phiền v.v... người sinh vào cõi nước ấy đều trụ vào chánh định, là người được Vô sinh pháp nhẫn, giác ngộ bản tâm, có thắng trí giải thoát. Cho đến chỉ niệm mười niệm cũng được vãng sinh, nếu không được như thế thì nguyện không thành chánh giác. Khi đó đất bằng đều rung động, trời mưa hoa quý, trên không trung vang rền tiếng nhạc trời. Đức Phật liền thọ ký cho Ngài Pháp Tạng. Từ ngày chứng quả Phật đến nay đã được mười kiếp. Do sức nguyện xưa cao quý nên có công đức, thần thông, hào quang ánh sáng và các lực vô úy v.v... trội hơn mười phương Phật khác, hiệu là A-di-đà. Cõi nước của Đức Phật A-di-đà gọi là Cực lạc hoặc An lạc, ở cách thế giới Ta-bà này về phía tây hơn mười vạn ức cõi nước. Do lời đại nguyện xưa và do sức thần thông, Ngài đang ở cõi nước ấy thuyết pháp nhiếp thọ tất cả chúng sinh niệm Phật ở khắp mười phương thế giới. Chúng sinh nào sinh lên cõi ấy đều được bất thoái chuyển, chỉ trong khoảnh khắc số đông đã không thể tính đếm được huống là trải suốt các kiếp thì số người được độ thoát sinh lên cõi ấy đông vô hạn, nhiều như bụi vi trần, hằng sa cũng không ví dụ được. Cõi nước của Đức Phật ấy trang nghiêm đẹp đẽ vượt trội hơn cả mười phương. Có nhiều ao báu lớn nhỏ đều toàn bằng bảy báu. Hoặc có ao rộng lớn mênh mông đầy nước, đáy toàn cát bằng vàng, quanh mặt ao có đường rộng dẫn xuống ao bằng những bậc thêm. Lại có nhiều tòa lầu các đồ sộ, chồng chất lên muôn vạn tầng, rộng rãi đẹp đẽ, ánh sáng rực rỡ không thể kể xiết. Trong ao có nước tám công

đức trong xanh thơm mát bổ dưỡng đầy ấp làm mười bốn chi, theo dòng lên xuống các vật đẹp quý ấy vang lên tiếng giảng nói vô lượng pháp môn. Trong ao nước lại có sáu mươi ức hoa sen bằng bảy báu tròn đầy ngay ngắn. Nước chảy vào lá sen tỏa ra ánh sáng bốn màu. Các hoa thứ tự sắp theo ba hàng chín bậc, tỏa ngát hương thơm kỳ diệu, chiếu sáng khắp nước. Ở cõi nước ấy đất đai đều bằng phẳng, ấy là do nguyên lực mà thành. Trên mặt đất lại có bảy lớp rào (lan can), bảy hàng cây báu, cột báu dài tạ cờ xí, phan phướng, tàn lọng chuỗi ngọc, mỗi thứ đều nhiều vô lượng đẹp quý lạ lùng, có mặt khắp nơi để làm đẹp cho cõi nước ấy. Lại trên không trung thường mưa xuống các thứ áo trời, hương trời, hoa trời, nhạc trời, mỗi thứ đều nhiều vô số, lấp lánh rực rỡ bay tản mát khắp hư không. Như thế vô số các vật báu trang nghiêm ấy đều toàn bằng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, Tỳ-lăng-già, Chân-thúc-ca v.v... Các thứ kim cang, ma-ni, châu như ý, các báu tạo nên cũng không thể nghĩ bàn. Trong các vật báu ấy mỗi thứ đều phóng ra vô lượng trăm ngàn vạn ức ánh sáng bảo sắc chứa, lấp lánh soi chiếu vào nhau mỗi mỗi chiếu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Các ánh sáng ấy giao chiếu nhau không hề trở ngại, tận bờ mé cõi hư không cũng sáng chiếu mãi không cùng tận. Như thế vô số mỗi mỗi ánh sáng mỗi mỗi thứ trang nghiêm đều cùng các thứ âm nhạc, hương hoa trời, các loài chim quý, các chuông quý kết thành lưới trong hư không cùng hòa giọng, tiết tấu êm ái, âm điệu trong trẻo Thánh thốt, phát ra vô lượng vô biên âm thanh kỳ diệu. Âm thanh ấy ngân vang mãi khắp nơi không dứt, luôn luôn diễn nói về các thứ như: khổ, không, vô ngã, các pháp Ba-la-mật, khen ngợi đạo Bồ-đề, khen ngợi Phật Pháp Tăng, hoặc nói về tứ Niệm xứ, tứ Chánh cần, ngũ Căn, ngũ Lực, thất Giác chi, bát Thánh đạo, các hạnh của Bồ-tát, các đế, duyên, nguyện, độ, các lực vô úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả v.v... vô lượng các pháp môn không thể nghĩ bàn. Các pháp ấy thì đều dung thông vô ngại tất cả tâm, sắc, y báo chánh báo khắp mười phương ba đời. Và lại khuyên mọi người cố gắng tinh tấn giống y như tiếng Phật nói không khác. Chúng sinh ở cõi nước ấy khi nghe pháp rồi thì mỗi niệm đều tùy sự ham thích mà có thể nhanh chóng chứng nhập vào các thắng hạnh của Tam Thừa, có tất cả đạo phẩm, được vô lượng giải thoát, giống như nghe từ đích thân Đức Phật giảng thuyết. Dẫu là phàm phu, khi nghe pháp này rồi thì tự nhiên siêng năng tinh tấn, tâm không hề có một niệm mỗi một thì làm sao lại có lui sụt thối chuyển.

Lại ở cõi nước ấy toàn là người nam không có người nữ chỉ hóa

sinh từ hoa sen mà không hề ở trong bào thai, mặc đẹp ăn ngon lại hay thành tựu được pháp hỷ, cho nên tùy theo ý muốn nghĩ gì sẽ có vậy. Ở cõi ấy không có lạnh nóng, ngày đêm, không có sinh già bệnh chết, không có các núi đất đá, không có ba đường dữ, qua lại trên không trung, đi kinh hành dưới cõi cây, hoặc muốn làm các Phật sự hay hóa hiện thần thông, tất cả đều do tâm nghĩ ra. Lại ở đấy có tuổi thọ vô cùng, các thứ vui sướng cũng vô cùng nên gọi là Cực lạc. Đó là chúng sinh và cõi nước, còn đức Thế Tôn Di-đà thì công đức, ánh sáng, oai thần, tướng đẹp... mỗi thứ đều có số tám vạn bốn ngàn, cao lớn như tòa núi vàng tía, ngồi trên tòa sư tử ở trong hoa sen thật to, trang nghiêm chói lọi, vượt cả hư không, biển cả núi cao không thể sánh kịp. Và lông trắng giữa mày, công đức càng thêm cao quý như ánh thái dương tỏa sáng át hẳn các ánh sáng khác. Trong hào quang ấy có vô số hóa Phật, Bồ-tát, Thanh văn đều phóng quang chiếu khắp các cõi nước nhiều như bụi vi trần để nhiếp thọ chúng sinh. Cả hai vị đại sĩ Bồ-tát cũng thế, tức Ngài Văn-thù-sư-lợi và Ngài Phổ Hiền Đại Hạnh và các đại Bồ-tát đều ở cõi nước ấy. Các vị Nhất sinh bổ xứ rất đông, các bậc thượng thiện nhân tụ họp ở một nơi đều là bạn hiền, vì cùng kính Phật làm thầy luôn gần gũi đáng từ dung nghe học Đệ nhất nghĩa. Nhanh chóng vượt thoát ba cõi liền chứng được vô sinh, vượt lên Thập địa cao siêu, tròn đủ hai giác, huống là trong từng niệm đều cúng dường mười phương Tam bảo thành tựu tất cả pháp môn, dùng thần thông dạo chơi khắp các Tịnh độ của chư Phật, cho đến nhập vào cả ba đường sáu nẻo phóng quang phá tan bóng tối, cứu khổ muôn loài. Hoặc phân thân khắp vô số cõi nước khác mà tùy căn cơ hoàn cảnh chúng sinh để giáo hóa dẫn dắt, tùy bệnh cho thuốc, mở rộng lòng Từ bi giống Phật. Trong mỗi niệm đều đầy đủ hạnh nguyện Phổ Hiền vẹn toàn trí tuệ Văn-thù, có sức mạnh lớn cùng đức Quán Thế Âm đồng chứng Bồ-đề, đồng ở chỗ Phật. Tất cả chúng sinh tuy còn mê muội ngu si nhưng nghe lời nói này hỏi ai không vui mừng mà sinh tin tưởng ưa thích. Song cõi nước kỳ diệu với mọi thứ trang nghiêm đẹp đẽ kia dù tất cả đều đầy đủ ở tâm ta, nhưng nếu không phải Đức Như Lai Di-đà ở đời quá khứ vì muốn độ thoát chúng sinh mà tu đạo Bồ-tát nhiều không kể xiết thì đâu được như thế. Nên biết rằng Đức Phật ấy thì hạnh nguyện vô biên, trang nghiêm vô tận, thế nên Đức Như Lai ở cõi nước ấy do đại nguyện đã tròn vẹn nên cõi báu riêng thành và y chánh báo trang nghiêm tất cả đều đầy đủ. Như thế tất cả cảnh giới y chánh trang nghiêm đó giả sử ở các cõi nước khắp mười phương có vi trần số Bồ-tát và Thanh văn nhiều như toàn thể số cát của một trăm con

sông Hằng mà dùng đại biện tài khen ngợi đúng thực các sự thể ấy thì suốt kiếp vị lai cũng không nói hết được. Nếu kẻ thiện nam tín nữ nào nghe nói như thế mà thành tâm tin ưa muốn sinh về cõi ấy thì nên theo đúng lời Phật dạy, trọn phát ba tâm, đầy đủ giới hạnh không phạm oai nghi, sau đó chánh tâm hướng thẳng quán tưởng về cảnh giới ở cõi nước ấy với tất cả y chánh có vô lượng thứ trang nghiêm đẹp đẽ kỳ diệu và quán tưởng về thân công đức, quang minh thanh tịnh với tám vạn vẻ đẹp của Đức Như Lai ấy, hoặc quán tưởng riêng về cảnh giới hay thân tướng đẹp, cho đến quán tưởng về ánh hào quang từ lông trắng giữa chận mày phóng ra mà xa lánh tất cả hư vọng. Hoặc niệm danh hiệu từ một đến mười, từ một ngày đến bảy ngày thì trong khoảnh khắc nhanh chóng như thời gian kẻ dưng sĩ co duỗi tay liền được vãng sinh.

Như có người tin chắc là có cõi nước ấy, có Đức Như Lai ấy đầy đủ nguyện lực oai thần không hề nghi ngờ, chỉ hay nhất tâm bất loạn trì danh hiệu, không ước hẹn kỳ hạn thì cũng được vãng sinh lên cõi ấy, đâu cần phải đợi thân này chết đi rồi mới vãng sinh. Nên biết rằng Đức Phật Di-đà tiếp độ chúng sinh khiến họ thoát khỏi bể khổ, thương xót còn hơn cha mẹ vì ở trong kiếp trước, Ngài đã lập lời nguyện lớn là không khổ não nào không chịu đựng, không hạnh nào không đạt đến, không nguyện nào không lập, không pháp nào không giảng nói. Tất cả vì để độ thoát chúng ta mà có trăm ngàn phương tiện, nay chính lúc mắt ta nhắm nghiền thì Ngài liền duỗi tay tiếp dẫn. Trải suốt mười kiếp nhớ mãi không rời còn hơn ban xé cả tim. Lắm lúc thương quá Ngài dẫn thân vào chốn sinh tử, trải khắp ba nẻo dữ, xông vào cả lửa đỏ ở địa ngục, không nài mệt nhọc khó khăn. Nếu tu biết hồi tâm hướng Phật như con thơ luôn nhớ thương mẹ hiền đau đáu bên lòng thì không đầy một niệm liền được vãng sinh, hà tất phải trải qua thời gian cả mười niệm rồi mới được vãng sinh.

2. Bác vọng bày chân.

(Phụ thêm bản vẽ nói về tâm cảnh chân vọng).

Người tu hành muốn cầu sinh về cõi ấy lánh xa chốn sinh tử thì trước hết phải nhận thức sâu sắc về tâm chân vọng cầu sinh lên cõi ấy. Vả lại nói về thế giới Cực lạc kia là ở cảnh hay ở tâm. Nếu là ở tâm thì chỉ là hư tưởng vì không có cõi nào để sinh đến cả. Còn nếu ở tại cảnh thì tuy có chỗ sinh nhưng lại mất tâm. Nếu là tâm cảnh cả hai đều cầu sinh thì thân và tâm ta là một đầu thể sinh hai chỗ. Nếu bảo tâm cảnh là một, nhất tâm cầu sinh thì từ nay tâm cảnh đã rõ ràng ra đó khó nói là một được. Lại Cực lạc và Ta-bà thì sạch nhơ có khác, hướng là đức

Thế Tôn đã dạy khiến phải bỏ như mà cầu sạch thì nói là một nghĩa sao được? Cả bốn trường hợp đều không thể cầu. Hoặc lại bảo nơi nào cũng là Tây phương Cực lạc cả, hoặc bảo tâm tịnh thì là Cực lạc, hoặc nói Cực lạc không lìa cái ấy. Nếu hiểu như thế thì đều gọi là tà kiến. Nhân đó tôi không thể nào làm thính được. Nếu bảo Cực lạc ở tại tâm thì liên vọng nhân tâm này ở trong thân ta, mà đã ở trong thân thì phải gọi là cầu tâm chứ sao gọi là cầu sinh. Chẳng lẽ đức Thế Tôn ta biết Cực lạc ở tại tâm lại nói cõi ấy ở phương Tây cách đây mười vạn cõi nước. Há lại chẳng thể nói tâm ở bên trong mà chỉ nói cầu cảnh bên ngoài được sao? Nay tại thế giới Cực lạc ở phương Tây Đức Phật A-di-đà hiện đang nói pháp ở đó, cảnh thật đã rõ ràng. Đây là lời thành thật của Phật Thánh nói sao dám không tin? Nhưng không biết rằng cảnh Cực lạc ngoài tâm ảnh duyên này chính là chân tâm của ta. Chơn tâm của ta đây nó như biển cả không thêm không bớt, mà ông vọng bảo là cảnh, ông cho rằng cảnh Cực lạc ở trong tâm ảnh duyên. Mà tâm ảnh duyên này giống như một đóm bọt biển, sinh đó mất đó toàn vọng. Nay ông vọng bảo đó là tâm, rồi cố chấp vào cái vọng thấy này mà không tin là có cảnh Cực lạc ở bên ngoài, ông chỉ tin là nó ở trong tâm ảnh duyên của ông. Mà tâm ảnh duyên của ông không có tự thể không thể lấy tâm mà cầu sinh ở tâm. Mà không biết cõi Cực lạc kia tuy ở tại Tây phương nhưng Tây phương chính là chân tâm của ta. Mà chân tâm thì không có tự tánh, chính cái gọi là thể là cốt để hiển bày tâm ta, nên gọi thể vốn không cũng tức là tâm ta mà chỉ cái tướng của nó.

Tâm và cảnh là một thể, chúng sinh và Phật đồng nguồn. Cầu Đức Phật ấy chính là cầu tự tâm mình, không phải là cầu cái gì ở bên ngoài. Tìm xét tự tâm thì cần phải cầu Phật ấy, há lại lầm với người khác ư? Như thế thì lấy bỏ ham chán hững hấy chấp tướng mặc tình mong cầu đâu có ở ngoài tâm, vì tâm có đầy đủ tất cả thì biết được tất cả cảnh giới y chánh trong tâm tròn đầy này cho đến cả sắc và tâm, sạch và như, chúng sinh và Phật, nhân và quả và các pháp khắp mười phương suốt ba đời đều bao gồm cả không sót và đồng thọ dụng. Nếu chỉ cầu một tướng bên ngoài thì rất không thể được. Tuy là không có tướng bên ngoài nhưng không chia mà chia, sạch và như rất rõ ràng. Cho nên phải biết như thế mà cầu, há lại đi cầu ở vọng tâm. Nguyên cầu như thế thì Phật sẽ chứng nhận. Còn nếu ở đời không biết bốn tâm, ngu si vô trí, không cầu Đức Phật ở Tây phương Cực lạc mà chỉ hướng vào vọng tâm ảnh duyên trong đồng thị của mình mà cầu rồi gọi là duy tâm Tịnh độ, bốn tánh Di-đà thì thật là quá xa xôi.

Song cõi nước Cực lạc ấy không phải nương vào ảnh duyên vọng tâm, lại sắc thân của Đức Phật ấy cũng không ở trong ấm thể của chúng sinh. Nếu nay ta hưởng vào thân tâm duyên của bốn đại mà cầu ông Phật bốn tánh của mình, không cầu Đức Phật ở Tây phương Cực lạc thì vì vọng tâm có sinh diệt, nên ông Phật ấy cũng sinh diệt. Vì ông Phật có sinh diệt nên Tam-muội không thành. Dầu cầu mà có được thì chỉ thành ông Phật có sinh diệt, lại sinh vào cõi có sinh diệt mà không thành Chánh hạnh. Kinh nói: “Nếu lấy tâm luân hồi mà sinh cái thấy luân hồi thì dầu có thành tánh viên giác thì cũng đồng với luân hồi mà chuyển” là đồng với nghĩa này vậy. Nếu muốn lìa các vọng kiến vãng sinh thẳng đến cõi ấy thì chỉ nên cầu Đức Phật Di-đà cõi Cực lạc ở phương Tây cách đây mười vạn ức cõi nước. Nên lấy Diệu quan sát trí xứng tánh đúng thực mà quán tưởng thì sẽ khiến tướng đẹp bốn giác của Như Lai kia ở cõi ấy hiện ra hòa hợp với cái chân tâm thủy giác của chúng sinh. Sự phát minh này thì thủy bản thâm hợp, chúng sinh và Phật cảm thông thì Tam-muội liền thành, Chánh hạnh được lập, thì mới có thể sinh vào cõi không còn sinh diệt được, cho nên biết tâm này biến khắp mọi nơi không rảnh rang ở chốn địa ngục thì làm sao nghỉ ngơi được ở cõi Cực lạc. Nay chỉ là thuận tánh mà cầu lìa khổ ở địa ngục và cũng thuận tánh mà cầu sinh vào chín phẩm sen vàng ở Cực lạc. Chỉ luôn nương vào kinh giáo, thuận theo pháp âm của Phật mà cầu lìa khổ được vui, từ hàng phàm phu được vào bậc Thánh, thật không ra ngoài tâm tánh của chúng ta, nên gọi là Duy tâm Tịnh độ, bản tánh Di-đà, chứ không phải nói từ vọng tâm mà cầu vọng tâm không tự thể thì sao gọi được là Phật duy tâm bốn tánh ư? Nếu kẻ ấy hưởng vào vọng tâm ảnh duyên của mình mà cầu thì sắc thân và sơn hà đại địa cùng các cõi nước ở mười phương đều là cảnh bên ngoài. Còn người hưởng vào chân tâm bất động của mình mà cầu thì lập tức cả cõi nước mười phương, sơn hà đại địa đều là ở trong tâm. Nếu biết mười phương cõi nước chính là nội tâm thì nhờ thành một khối, cho nên ta mặc tình trong đó mà bỏ như lấy sạch, chán cõi phương Đông ham thích cõi phương Tây, hoàn toàn không ra ngoài tự tâm, vì cho rằng thật có quả Phật và đại nguyện ấy hay tiếp dẫn chúng sinh cho nên hề cầu thì được. Nếu bảo các cõi nước ở mười phương là ngoại cảnh thì sẽ chia thành hai khối, cho nên vừa động niệm thì liền trái với pháp thể, liền mất đi cái dụng, nên không được tự tâm. Vì chỉ khi nào tánh đầy đủ nhân Phật này không còn lực dụng nữa thì dầu có cầu mà vẫn không được. Lại vọng tâm thì chỉ là ảnh duyên hư vọng rồi lầm cho bên trong sắc thân này không có cõi nào để

sinh đến. Còn chân tâm thì gồm nuôi tất cả vô số cõi nước, vốn đầy đủ y chánh ở Cực lạc nên cầu thì liền sinh. Vọng tâm thì bỏ bên ngoài mà hướng vào trong, còn chân tâm thì tức ngoài là trong, trong mà không ngoài, cho nên cầu bên ngoài thì có tướng, quả, Phật tức là cầu chính tự tâm vì bên trong không phải thật có. Còn cầu bên trong mà ảnh duyên không tự thể nên không thấy tự tâm. Vọng tâm thì tâm và cảnh rạch ròi, còn chân tâm thì tức tâm tức cảnh, vọng tâm thì sinh diệt không căn cứ, còn chân tâm thì không lay không động. Vọng tâm thì ở nhân mà không quả, trước sau có sinh diệt, còn chân tâm thì nhân quả là một, tánh và tu giao nhau mà thông suốt, cho nên biết do chân tâm hay vọng tâm mà cầu có khác nhau. Nếu thế khi luận về thời gian thì ngày và kiếp đâu có dài ngắn khác nhau, còn luận về nơi chốn thì trời và đất chỉ là một. Nếu luận về thể, nếu là chân thì trong viên lại có đủ mười hư, nếu là vọng thì ở chính trong thân này. Còn luận về dụng nếu chân thì cắt đứt ngang Ta-bà mà thoát ngay cõi sinh tử, nếu là vọng thì là nấu cát làm cơm trái mấy kiếp cũng khó thành. Thế nên người tu phát tâm Bồ-đề cầu sinh cõi Tịnh độ, há chỉ cầu cái vọng tâm ảnh duyên của mình mà không cầu chân Phật ở Cực lạc Tây phương. Thật khá đau xót. Ví như muốn đi về hướng Tây mà cứ quay mặt về Đông, muốn bay lên cao mà ôm nhiều đá, tìm nước trong lửa, tìm lửa trong nước, làm sao được.

Than ôi, người thời nay không biết chân tâm ở khắp mọi nơi, chính nơi sắc làm rõ tự thể mà vọng nhận việc duyên trần ảnh gọi đó là bản tánh thật quá lắm vậy. Ví như có người nhận giặc cướp làm con thì cả gia tài báu vật đều bị mất hết. Việc phân biệt bóng mà vọng nhận là tâm thì cũng y thế. Nếu như biết con chính là giặc thì không bị giặc hại, biết ý là vọng thì vọng nào mà hại được, chỉ vì không thể nhận biết đó là y chánh báo Cực lạc vậy. Ngài Tứ Minh Pháp Trí Đại Sư nói sớ dĩ có thuyết chỉ vọng tức chân, quán Phật, quán tâm v.v... mà trọn không hề bác bỏ thật cảnh y chánh Cực lạc thì đời sau đâu có bọn tà kiến như ong vỡ tổ, đám ma phỉ hễ hừng phá diệt Phật pháp, đoạn dứt Phật chủng tánh. Vì mãi vọng chấp cõi Cực lạc nhiệm mầu kia là ở trong tâm ảnh duyên của ta mà không chịu cầu ở Tây phương, thì là quá mê lầm điên đảo vậy. Những kẻ ở trong vùng xa xôi hẻo lánh chưa hề nghe chánh thuyết, chỉ lấy cái tà kiến này mà lén lút truyền trao, mê hoặc lòng người, dù không chạy trốn cái khổ báo chốn địa ngục thì còn dung thứ được. Chứ như bọn tứ chúng xuất gia chúng ta đầu tròn áo vuông mà còn tin theo nhận thức ấy thì thật đáng thương xót. Nếu chính vì sinh tử thì phải xem lời nói này là đúng.

Nếu có kẻ chướng nặng không tùy thuận theo được pháp môn này thì càng nên xét kỹ vọng tâm ảnh duyên cảnh giới nó như thế nào? Cái tâm hư vọng này đã không có tự thể chỉ sinh diệt theo ta, rồi vọng nhận là ta. Vì vọng nhận là ta nên bảo tâm nào đang ở trong sắc thân ta, rồi bảo sắc thân ta đang ở trong thế giới, và bảo thế giới đây đang ở trong khoảng hư không này. Mà tánh hư không này thì rộng lớn khó lường bao gồm khắp các cõi. Như thế thì hư không là lớn mà cõi giới là nhỏ, tâm kém hơn thân, một niệm liền biến thành nhỏ, thật khó chỉ ra được. Há có thể lấy một niệm bé nhỏ yếu ớt của vọng tâm vô thể ở đó mà cầu được cảnh giới mâu nhiệm y chánh Cực lạc. Ở chỗ không thể cầu mà cầu đâu không quá lằm lạp. Đã hiểu rõ nghĩa này thì biết tánh không như thế là vô biên tuy không thể lường nhưng không ở ngoài cái tâm đại giác thanh tịnh của ta, tánh không ấy chỉ như là một vầng mây trong khoảng bao la xanh ngắt, hướng là các thế giới ở trong khoảng hư không, hướng là sắc thân ở trong thế giới này, hướng là vọng tâm này ở trong sắc thân, cho nên biết đó là vọng chấp cái thân bé nhỏ này cùng cõi giới to lớn và khoảng hư không bao la, nhưng từ nhỏ nhất cho đến to lớn thế nào đi nữa đều không ra khỏi cái bản tâm ta hiện nay. Cho nên biết tâm ta như hư không còn khoảng không kia chỉ là hạt bụi. Tâm ta rộng lớn mênh mông không bờ không đáy gồm chứa khắp mười phương ba đời tất cả hư không vi trần cõi nước và tất cả sắc thân vọng niệm của chúng sinh. Cho nên muốn cầu một pháp ở ngoài tâm rất không thể được. Cớ sao lại riêng cho Tây phương Cực lạc không phải ở ngoài tâm? Đã mãi lần lửa điên đảo còn không chịu rời thì nói gì đến việc trang nghiêm tịnh hạnh. Nếu muốn sinh về cõi Tây phương nhanh chóng thoát khỏi sinh tử há chỉ cầu bên ngoài mà được sao?

Kinh nói rằng nhận mê trong ngộ lấy mờ tối làm hư không, trong khoảng không mờ tối, kết tối đen làm sắc. Sắc xen vọng tưởng nên tưởng tượng làm thân. Nhóm duyên bên trong luôn động, hướng về bên ngoài chạy nhảy buông lung, lấy tướng tối mờ quấy rối làm tâm tánh. Một khi tâm mê thì nhất định là có mê mờ trong thân xác. Không biết rằng ngoài sắc thân cho đến sông núi hư không, đại địa đều là vật ở trong chân tâm diệu minh. Ví như trăm ngàn biển cả lắng trong mà bỏ đi chỉ nhận lấy một đám bọt bèo trôi nổi làm toàn thể, rồi bảo toàn là nước cả biển khơi. Các ông như thế là đám người mê trong mê, như ta nay rũ tay thì tất cả đều không khác.

Lại nói Minh tâm diệu giác ở khắp các cõi mười phương gồm nuôi các cõi nước của mười phương Như Lai, nó là cõi chúa Diệu giác

bầu đẹp thanh tịnh. Lại nói các cõi hư không ở mười phương sinh ra trong tâm ông cũng chỉ là một vẩn mây điểm trên khoảng bao la xanh thẳm, huống là các thế giới trong hư không ấy. Quán theo nghĩa này thì các cõi và hư không ở khắp mười phương, y chánh, sắc tâm... đều là ta vốn có. Nay ta quyết định cầu vãng sinh ở cõi ta vốn có, cầu thấy Đức Phật vốn có thì có gì mà không được, mà bảo là cầu ở bên ngoài, vì ta đã nguyện cầu thì tâm liền cảm thấu. Đức Phật kia khi vì ta hiện ra thì chính là tâm Phật vốn có tự đáy sâu của ta hiện ra, tâm Phật chân thật ấy không hề từ ngoài đến, đã không từ ngoài đến thì khi Phật đó hiện ra tức là tâm ta hiện ra, khi tâm ta hiện ra tức Phật đó hiện ra. Tâm ta tức là tâm Phật ấy, Phật ấy tức là Phật của tâm ta, một thể không hai, tánh vốn viên dung. Cớ sao lại có thể bỏ đi Đức Phật nội tâm ở Tây phương Cực lạc mà vọng chấp là chỉ riêng có Phật duy tâm?

Hoặc hỏi: Tuy là vọng tâm há lại không đủ cả y chánh, sao lại phải khiến người cầu ở cảnh bên ngoài?

Đáp: Vọng tâm nếu đầy đủ tất cả pháp y chánh, há lại không đầy đủ cả Tây phương Cực lạc. Nếu biết Tây phương Cực lạc là thật cảnh nhất như với Ta-bà có thể cầu, có thể nói tâm đầy đủ. Nếu bảo tâm này là đó, ngoài tâm là cảnh không thật, thì đây chỉ là vọng tâm hư tưởng có gì là thật đâu mà bảo là tâm đầy đủ. Lại tâm tức cảnh thì gọi là chân tâm, tâm lìa cảnh thì gọi là vọng tâm cho nên biết chân vọng tuy đồng mà “tức và lìa” là khác, được “tức” thì mất “lìa”, “tức” phải thì “lìa” quấy, ý chỉ rất rõ ràng.

Lại như Pháp sư Thiếu Khang tu nhân niệm Phật. Khi niệm danh hiệu Phật thì Phật trong miệng bay ra giống như các hạt ngọc liền nhau, hình dạng ấy lưu lại, khiến cả chúng hội đều thấy. Phật còn có hình tướng thì cõi nước sao chẳng thật có. Lại có một nhóm bảo đối với sự thì có, đối với lý thì không, hoặc bảo chốn chốn đều là Tịnh độ. Thật đáng thương thay cho đám người này lắm sâu khó bỏ. Lại như Ngài Nam Dương pháp sư thuộc phái Thiền tông đã vô tình nói pháp thoại với Thiền khách rằng: “Tuy tôi không chuyên nói về chỉ thú Tịnh độ nhưng cũng đau lòng vì đời Mạt pháp số người hưởng về ảnh duyên mà cầu Phật thì quá nhiều.” Cho nên ở đây không thể không nói đầy đủ.

Phần phụ: Hình vẽ nói về cảnh tâm chân vọng.

- Hình vuông lớn là dụ cho chân tâm đại giác không sinh diệt, lượng của tâm không thể lấy gì làm dụ, nên nay lấy hình vuông như thế.

- Hình tròn là dụ cho vô biên hư không ở mười phương.

- Mười hình vuông nhỏ là dụ cho mỗi vi trần số thế giới ở mười phương.

- Chữ tâm ở giữa thân người là dụ cho bụng ông hiện đang chứa ảnh duyên vọng tâm lục trần. Tâm vọng ảnh này đang ở trong thân ta, thân ta ở trong thế giới, thế giới ở trong hư không, hư không ở trong chân tâm đại giác sẵn có, cho nên biết hai cõi Đông thì dơ mà Tây thì sạch. Cảnh thật có hai hình, cách nhau mười vạn ức cõi nước đâu có thể ở trong tâm ảnh duyên hư vọng hiện tại của ông.

- Phật, Tổ có nói duy tâm Tịnh độ, bốn tánh Di-đà là ở đây lấy hình vuông mà dụ. Nó hay gồm chứa chân tâm thập hư đại giác không sinh diệt. Nếu bảo nó ở trong tâm ảnh duyên vọng tưởng hiện có của ông thì có thể bảo là mê hoặc qua mức vậy.

Kinh Lăng-nghiêm có nói: Ví như có trăm ngàn biển cả lắng trong lại bỏ đi chỉ nhận lấy bọt nước trôi nổi làm thể rồi bảo là toàn nước khắp các bể khơi. Đây thật là đám người mê trong mê, tức là nghĩa này vậy. Lại nói các hư không ở mười phương sinh ra trong tâm ông cũng như vẫn mây điểm trên khoảng không hướng là các thế giới trong hư không há lại có thể lìa cái chân tâm vốn có của ta sao? Lại bảo hư không sinh trong đại giác giống như một bọt nước trong biển cả, vi trần cõi nước hữu lậu đều nương vào hư không sinh ra, như thế thì các cõi sạch như không thể lìa chân tâm thì vì sao lại trở ngại mà trước tướng cầu sinh. Nếu hiểu rõ thì xa tức là gần, cầu tức không cầu, tự hợp với lý thú. Về hai tâm chân vọng này người xưa đã giải thích rất nhiều rất hay, không thể dẫn đủ. Kẻ tu hành há chẳng noi theo?

3. Quả trách hiểu lầm.

Niệm Phật Tam-muội gọi là Tam-muội vương là vì cảnh giới của nó rất sâu, rất khó cùng tột. Xưa nay các tổ sư truyền trao cho nhau không giống, đến như tông Thiên Thai nói là đầy đủ nhất thì Từ Ân, Hiền Thủ mỗi vị dẫn ra khá dài. Kịp đến Thiền tông của ta cũng rất sáng rõ chỉ vì kẻ hậu học dần độn cạn cợt, không hiểu được chỗ hướng về, còn chưa lên tòa nói pháp đâu thể nhập thất ngồi yên. Chưa tìm được pháp môn mà dị kiến đã quá nhiều bèn đem thiền tông Lục tổ, chỗ đại sư trong Đàn kinh nói về Tịnh độ, trong đêm tối đoán mò, căn cứ vào lời nói mà hiểu càng rồi bảo vốn không có Tịnh độ, bất tất phải cầu vãng sinh, mà không biết là đại sư ta không phải chỉ nói tùy cơ nghi mà thật ra nghĩa rất phù hợp với ý chỉ của kinh. Vả như theo lời ấy thì chỉ nói Tịnh độ bất tất phải cầu sinh cũng không nói là không có Tịnh độ. Tịnh độ đã có thì lý vãng sinh tất rõ ràng, vì sao kẻ mới học lại chấp

ngón tay là mặt trăng. Nếu căn cứ vào lời Đại Sư nói thì: “Người mê thì niệm Phật cầu vãng sinh vào cõi ấy, còn người ngộ thì tự tịnh tâm mình.” Lại bảo: “Người ở Đông phương chỉ cần tâm tịnh liền không tội, dầu người ở Tây phương mà tâm không tịnh thì cũng có lỗi. Người Đông phương tạo tội niệm Phật cầu sinh Tây phương, còn người Tây phương tạo tội niệm Phật thì cầu sinh vào cõi nào? Kẻ phàm phu không hiểu rõ không biết Tịnh độ ở trong thân nên nguyện Đông nguyện Tây, người ngộ thì biết đây là một thứ.”

Lại nói Tịnh độ xa gần là do chúng sinh có thiện căn không đồng, mà cõi Phật đâu có xa gần khác nhau. Thế nên gọi là “bất tất phải cầu sinh”. Song điều cần yếu là chúng sinh dứt hẳn mười ác và tám tà, tu đủ thập thiện và bát chánh, lại khiến biết rõ tâm địa tánh vương không lìa thân này, chỉ vì mê ngộ mà có khác. Nếu ngộ thì hay thật hành Từ Bi Hỷ Xả, các việc thiện, bằng, thẳng v.v... tức là Quán Âm, Thế Chí, Thích-ca, Di-đà. Nếu mê thì phân biệt người và ta, tâm tà hư vọng trần lao khác nhau tức là có cảnh núi Tu-di và biển nước, có các phe nhóm rồng, quỷ, địa ngục v.v... nay hiểu rõ ý chỉ của Đại Sư là chỉ hay tâm tịnh thì chỗ nào cũng đều tịnh. Thật ra nghĩa không khác gì với việc ở pháp hội Duy-ma, Đức Phật lấy chân bắm đất biến nơ thành sạch, tất cả chúng hội đều tự thấy mình đang ngồi trên tòa sen báu nghĩa thật không hai. Đây là kinh này ý nói tùy mình tâm tịnh thì Phật độ liền tịnh, lời nói này thật đã sáng tỏ. Lời biện luận của Đại sư kia đâu chẳng khen ngợi tâm Phật rất phù hợp với ý kinh. Chỉ có Thánh nhân nói pháp giá và biểu không đồng. Có vị lại chưa diễn đạt hết, chớ nên dẫn pháp giá đó mà tự dối lừa hưởng lại là cả một tạng đại giáo điển. Hoặc có khi nói pháp giá tất cả đều quấy, thì là tất cả phải cầu vãng sinh. Hoặc có khi nói pháp biểu tất cả đều phải cầu vãng sinh. Hai cách nói này đều chính miệng Phật nói ra, nghĩa không hề sai khác. Đâu có thể chỉ riêng chấp lời nói về pháp giá mà liền vội vã bỏ đi cái nghĩa cầu vãng sinh của pháp biểu. Nếu ngay ở quả mà bảo cõi nước không cần phải bỏ nơ lấy sạch mà chỉ cốt tịnh tâm mình thì Đại sư cũng sẽ bảo chỉ nên tịnh tâm mà thôi, bất tất phải khiến người đoạn dứt các nghiệp ác mà tu các hạnh thiện. Nay đã khiến người dứt ác tu thiện thì tất là đối với cõi nước cái nghĩa bỏ nơ lấy sạch càng sáng tỏ. Cho nên khi Phật nói pháp giá là cốt muốn hiển bày cái pháp biểu khiến cầu vãng sinh, khi nói pháp biểu, chính là căn cứ vào pháp giá mà biết không sinh, cho nên biết Ngài Tào Khê khiến người đối với tâm làm nhân trước phải tịnh thì báo cảnh sẽ tự tịnh mà không khiến phải cầu sinh đó là pháp giá

vậy. Còn Ngài Lô Sơn khiến người nhập vào báo cảnh tịnh của Phật thì tâm là nhân phải tự tịnh nên dạy phải cầu sinh đó là pháp biểu. Song Phật và Tổ khi nói pháp thì nhân quả không hai, không trước không sau, hai nghĩa chưa từng trái nhau. Tuy khiến người có chỗ vào không đồng nhưng pháp thể vẫn là một. Vì sao người thời nay vừa nghe lời nói về pháp giá liền bảo là đúng và vội cho lời nói của pháp biểu là sai, rồi tự sinh ra chứng lui sụt. Thật đáng thương thay, mà không biết rằng Đại Sư nói pháp giá “không cần cầu sinh” chính là vì hiển bày pháp biểu khiến phải cầu sinh Tịnh độ vậy. Lại như đức Thế Tôn cả một đời Thánh giáo trải nói rất nhiều bộ kinh nhưng đều là một vị, nhưng đối với pháp hiển thuyết thì nhất định luôn khen ngợi sự nói thẳng rõ ràng, còn đối với nghĩa mật thuyết thì riêng rẽ nêu mật thuyết. Tùy các tông các bộ mà đặt ra biệt đàm, song há là Đức Phật ở đây không có biệt đàm kỳ diệu ư? Bởi vì muốn ứng hợp căn cơ khiến chúng hội phải vâng làm với ý chí không chút do dự. Nay ở cuối thời tượng pháp hộ trì tông giáo đâu không có chê bỏ hay khen ngợi. Đức Lục tổ vì muốn rộng truyền Nhất hạnh Tam-muội nên lý phải dẹp hết các thừa, còn Ngài Lô Sơn vì đặc biệt muốn phát huy niệm Phật Tam-muội nên khiến cắt đứt vượt ngang gồm nhiếp mọi căn cơ. Kẻ hậu học chớ nên lầm sinh hai cái thấy mà phải cân nhắc suy xét kỹ lưỡng.

Lại bảo người ở Đông phương, Tây phương hễ tâm tịnh thì không tội, tâm không tịnh thì có tội, chính là bảo ở Đông phương cảnh ác thô mạnh, Phật đã diệt độ rồi thì tâm càng khó tịnh. Cũng như kẻ tục ở tại gia nhà lửa muôn việc kéo níu nung nấu, dầu có tu cũng mất, khác nào cục đá nhỏ cho vào nước liền chìm, cho nên cần phải cầu sinh Tây phương. Ở đây Di-đà, Thánh chúng đều hiện tiền đầy đủ, cảnh đẹp hạnh sâu, đưa con đi hoang đã trở về, Đức Phật thân thiết dạy khuyên bổ ích. Còn như người xuất gia ở chùa, thiện duyên đầy đủ, quyết không còn thói chuyển, cho nên sinh vào cõi nước ấy thì tâm tịnh không tội, khác nào cục đá to mà được chở trên thuyền thì vào nước không chìm. Lại Đông phương, Tây phương thì lý vốn một thể. Cõi nước Phật ấy không phải chỉ cảnh đẹp, Đức Phật luôn hiện tiền nên hay phá trừ tội lỗi, tâm tất phải thanh tịnh, có thể bước lên Thánh địa, cho nên phải lánh xa ngay cõi Ta-bà mà cầu vãng sinh. Nếu là bậc có căn địa cao quý như Tào Khê Lục tổ còn hay dẫn thân vào biển khơi sinh tử tầm khinh cứu khổ, giáo hóa chúng sinh thì đâu cần phải cầu sinh. Còn như các kẻ đạo lực chưa đủ, vọng bắt chước theo bậc tiên giác, tự mình không cầu sinh lại khuyên người cũng không cầu sinh, khác nào cứu vớt kẻ chết đuối mà

không thuyên bè, cả hai cùng chết biết làm sao đây.

Lại Đại sư ta thật sự là Lục tổ hồng truyền Thiên tông, nhưng trong lời giảng dạy của Ngài đâu phải chỉ trình bày xiển dương về thiền Thiếu thất, nên Ngài có nói: “Tâm bình thì đâu cần gì cực nhọc trì giới, hạnh thẳng thì cần gì phải tu Thiền.” Nếu căn cứ vào lời nói ấy rồi bảo không cần phải trì giới tu Thiền mà không biết ý Ngài bảo tâm đã bình thì ta đối với vật không còn bất bình, vật và ta đã bình thì đâu có thể giết thú vật khác để tự nuôi sống, cướp trộm của người khác để làm lợi mình, phân biệt trai gái để làm hạnh phi pháp, nói lời không chân thật lại hay uống rượu khiến say sưa li bì thì tâm bình đâu không thấy mà có tướng phạm giới này thì tất cả giới đều có đủ trong ấy. Há hoàn toàn không giữ giới lại cướp của giết hại v.v... mà bảo là tâm bình được sao? Thế mới biết lời nói “tâm bình cần gì nhọc công trì giới” chính là nói về sự to lớn của giới hạnh vậy.

Thiền là tiếng Phạm, dịch là Tịnh lự hoặc dịch là chánh định hoặc dịch là Nhất hạnh Tam-muội. Há có người nào đức hạnh chánh trực mà tâm lại lăng xăng không tịnh, còn trụ vào định mà không chánh thì hạnh đó có chỗ bất nhất. Thế nên biết lời nói đâu cần dụng công tu Thiền chính là nói về sự sâu sa của thiền định.

Đại sư có đức hạnh biểu tượng vượt hơn hàng trời người, đạo hưng thịnh nhất ở thời tượng pháp sợ kẻ hậu học chấp pháp dính mắc ở Tích nên đối với giới thể thì nói câu “đâu cần nhọc công trì giới” đối với Thiền cảnh thì nói câu “cần gì phải tu Thiền”. Do đây mà ta lại biết là đối với pháp phải cầu vãng sinh Tịnh độ nên nói câu “cần gì phải cầu vãng sinh” vậy. Kẻ hậu học còn dính mắc ở Tích bảo rằng “thật không nên cầu vãng sinh” thật là ngu quá lắm. Bởi lời nói của đại Sư là “khuyên ngược” lời giảng của các tổ là “khen xuôi”. Không phải “xuôi” thì không dùng để mở ra con đường tiến tu, không phải “ngược” thì không hiển bày cái tu viên đốn. Khuyên ngược khen xuôi đều là pháp không có thực mà chỉ dùng để ứng hợp với căn cơ lúc ấy. Cũng như nói “gặp Phật giết Phật” đâu phải là thật giết Phật? Nếu lời nói giết Phật là thật thì Văn-thù múa kiếm cũng thật là giết Phật ư? Dẫu có tuân theo lời cổ nhân mà không hiểu thấu lòng cổ nhân lại bảo thật đúng là “bất tất phải cầu vãng sinh” thì chính là chỗ nói “chất đề hồ vị ngon là vật quý bổ trên đời mà gặp hạng người này thì cũng biến thành thuốc độc”. Thế nên Đại sư gọi đó là lý tam đế viên diệu, đối với có vãng sinh mà nói là không vãng sinh, đối với không tu chứng mà bảo là tu chứng, hai bên không được mà trung đạo cũng không còn, khiến

giáo thừa pháp môn viên đốn thân nhiên mà sáng tỏ rõ ràng. Như giờ cao mặt trăng mặt trời ở chốn tối tăm thì không đâu là không được soi sáng, mà lại bảo rằng Thiền tông đối với niệm Phật Tam-muội là yếu chỉ hướng về cõi Tịnh độ vẫn còn có chỗ chưa cùng tột được sao?

Phàm như ở Hà tây có Đạo Xước, Trường An có Thiện Đạo, Tín Nguyên thiền sư, Trí Giác, Từ Giác đâu không phải là những bậc kế thừa đều xa nhờ tiếng xưa để lại mà cố sức hoằng đạo. Còn các Ngài Đạo Trân, Hoài Ngọc phô bày hạnh nghiệp viên chiếu các sự việc linh nghiệm sáng rõ. Huống là ngày nay chốn Thiền lâm tụng niệm cho các bệnh tăng và niệm danh hiệu Phật mười niệm trong lễ trà-tỳ để cầu vãng sinh, các việc đã được ghi đầy sách vở, thói quen phong tục hãy còn, càng chẳng lầm vậy.

4. Nói rõ về tuệ quán tâm Phật.

Vả chẳng niệm Phật Tam-muội thật là con đường tắt giúp tất cả quần sinh vượt thoát ba cõi, sinh lên chốn Cực lạc. Pháp môn này đầu tiên được nói ra ở núi Linh Thứu, tiếp sau nổi nghiệp ở Lô Sơn, cả mười phương đều khen ngợi, các Tổ gìn giữ truyền trao nối tiếp nhau từ xưa cho đến nay, chỉ tiếc là các thuyết khá nhiều khiến kẻ hậu học không nắm được quy chỉ. Riêng phái Thiền Thai có pháp môn Tam quán thì lý bao trùm các kinh, hơn hẳn các thuyết, bảm thọ được ý chỉ của kinh giáo thì ích lợi khó nghĩ bàn cho nên kẻ hậu học không thể không lấy đây làm thuyên bè.

Về Tam quán là một niệm tức không, tức giả, tức trung. Từ khi Đức Như Lai của ta nhắc lại cho đến các bậc trí giả được diệu ngộ, gọi đó là không thì tất cả đều không, giả thì tất cả đều giả, trung thì tất cả đều trung, cùng phá cùng lập, cùng không phải phá lập, viên dung dứt hết đối đãi, khó nghĩ khó bàn. Thống lãnh huyền môn các bộ, thấu suốt trí cảnh của Phật và chúng sinh, cùng tột cõi nguồn của muôn pháp, hiển bày sự viên tu Tịnh độ. Nếu niệm Phật Tam-muội mà không có pháp môn này thì tất là chưa đạt đến chỗ tận cùng.

Ngài Tứ Minh Đại sư phát huy ý chỉ nhiệm mầu để dắt dẫn kẻ hậu học, hiện nay đều dùng lời nói này mà cầu sinh Tịnh độ. Tuy không ngoài các điều thiện nhỏ nhặt ở thế gian và các việc nghĩ tưởng, nhưng nếu không dùng pháp môn Tam quán Đại thừa tròn đầy mầu nhiệm để giải thích ý chỉ sâu xa của kinh Thập lục quán khiến người hiểu rõ mà bắt đầu thực hành thì không do đâu mà vãng sinh được. Phép quán là:

Trước tiên quán mặt trời lặn: Sở dĩ trước phải đưa cái tưởng là hướng về cõi Phật kia. Người tu hành sơ tâm tuy hiểu căn trần đều là

pháp giới, nhưng tâm tướng yếu kém, thắng cảnh khó hiện, thế nên Như Lai đặt ra các phương tiện khác tức lặn mặt trời lặn làm cảnh, tướng ra mặt trời trong khi quán. Người vẹn toàn hiểu biết kỳ diệu thì biết rõ rằng năng tướng vốn đầy đủ tất cả pháp y chánh. Nay lấy tâm đầy đủ mặt trời mà duyên với mặt trời tức tâm khiến mặt trời bỗng tánh hiện rõ trước mắt. Đây bèn lấy tâm pháp giới duyên với cảnh pháp giới mà khởi lên mặt trời pháp giới. Tất cả đều là pháp giới thì đâu không là tức không, giả, trung, đây là trình bày tổng quát. Nếu luận riêng về công của mặt trời thành tam quán, vì căn cảnh không tịch nên mặt trời tâm vô ngại. Vì duyên khởi mà giả lập, cho nên mặt trời nhiều tướng sinh ra vì tâm mặt trời ấy đều là pháp giới, cho nên đương thể sẽ hiện bày. Quán mặt trời đã thành thì cả ba quán đồng ở một tâm, không phải một không phải ba mà một mà ba, không thể nghĩ bàn. Quán mặt trời đã thế thì quán các thứ khác cũng thế. Nên biết tất cả mười sáu thứ đều dùng không, giả, trung một tâm ba quán để làm pháp của tướng tướng.

Kế đến là quán nước trong, lại tướng thành băng. Bởi vì ở cõi Tịnh độ thì lưu ly làm đất, đất này khó tướng nên khiến phải tướng băng, tướng băng đã thành thì đất báu ở cõi ấy sẽ dễ thấy. Như trên thì việc quán mặt trời lặn và quán băng là để làm phương tiện.

Sau đó quán đất đai, cây cối, ao hồ, rồi quán chung cả về lâu đài, đất đai, ao hồ v.v... từ trên là sáu quán đều dùng để quán y báo ở cõi ấy. Rồi quán đến tòa hoa sen là chỗ đứng, ngời của ba Thánh. Quán bảo tượng, phân biệt rõ hình tướng của ba Thánh. Muốn quán Phật thì trước phải quán tòa ngời, vì Phật thiết khó quán nên trước phải quán hình tượng cho đến khắp quán vãng sinh, quán xen cả Phật và Bồ-tát v.v... Bảy quán đều là để quán chánh báo ở cõi này. Cả ba quán sau là nói rõ người thuộc ba bậc chín phẩm từ cõi này sinh lên cõi ấy là do nhân tu không đồng nên cảm được quả cao thấp khác nhau. Nay cũng quán là khiến người tu biết rõ ba phẩm hơn kém mà bỏ các bậc trung hạ, cố gắng tu tập để được vãng sinh lên thượng phẩm. Song các quán đều căn cứ theo các tướng được chỉ bày trong kinh nói, nhớ giữ trong tâm làm cảnh sở quán, vẫn là hiểu rõ tự tâm đầy đủ các pháp này, nhờ cảnh để tướng thành là để tâm phát sáng tâm mình. Lại tên kinh là Phật thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh, thì Phật chính là thắng cảnh được quán, vì nêu chánh báo để gồm thâu y quả. Nói về hóa chủ mà gồm chỉ cả đồ chúng, cho nên tuy có phép quán mà quán Phật là gồm khắp, nên chỉ nói quán Phật ấy thôi. Muốn quán Phật ấy thì trước phải quán sắc thân Phật ấy to rộng như hư không đoan nghiêm vi diệu. Mỗi phần trên thân

đều đủ tám vạn bốn ngàn tướng, trong mỗi tướng đủ tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp mỗi vẻ đẹp đủ tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi ánh sáng có mỗi mỗi thế giới hải, trong thế giới hải có tất cả mười phương chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác, tăng chúng mỗi mỗi đều rộng lớn vì diệu không thể kể xiết. Chỉ nên nhớ tưởng khiến tận mắt thấy tâm. Nhìn thấy các việc đó tức là thấy được mười phương chư Phật, vì nhìn thấy được chư Phật nên gọi là niệm Phật Tam-muội. Thật hành quán này thì gọi là quán tất cả thân Phật, vì quán thân Phật nên cũng thấy được tâm Phật. Tâm Phật là đại Từ bi, lấy vô duyên từ mà nhiếp độ chúng sinh. Người tu quán này khi bỏ báo thân này thì sẽ sinh ra trước chư Phật, được vô sinh nhĩn.

Lại nói quán Phật Vô Lượng Thọ là từ một tướng đẹp mà vào, tức chỉ quán sợi lông trắng ở giữa chặn mày khiến rất sáng rõ rõ ràng. Thấy lông trắng ở chặn mày có đủ tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp tự nhiên hiện ra. Nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ tức là nhìn thấy mười phương vô lượng chư Phật, vì thấy được vô lượng chư Phật nên chư Phật hiện ra thọ ký. Ấy là khắp quán tất cả tướng sắc thân, cho nên biết mười sáu diệu quán này thì quán thân Phật là cốt yếu. Cả tám vạn tướng đẹp đều tướng khó thành nên bảo chỉ quán tướng lông trắng giữa chặn mày to như năm núi Tu-di. Nếu tướng này đã thành thì tám vạn tướng đẹp đều hiện rõ. Đây là yếu môn vậy. Nếu đã tu các quán trước thì tâm được lạnh lợi, các quán đã rộng lớn sâu chắc thì có thể xứng với lượng sợi lông giữa chặn mày mà quán, khiến cho cả tám vạn tướng đẹp tự nhiên đều hiện. Trong lời sơ khiến kẻ quán yếu kém về tướng lông chặn mày chính là vì kẻ chưa tu các quán trước và kẻ có tu quán mà chưa thành. Cho nên đối với việc tu quán thân Phật là tướng đáng quán của kẻ mới phát tâm vì đó là cửa vào Tam-muội vậy.

Lại Ngài Từ Vân pháp Sư bảo là chỉ nên tưởng thẳng kim thân Đức Phật A-di-đà một tướng sáu đang ngồi trên tòa sen, chuyên chú vào một tướng lông trắng giữa chặn mày, lông này dài một trượng rưỡi, chu vi là năm tấc, vòng ngoài tám cạnh, bên trong rỗng không, soán về phía tay mặt, ở giữa chặn mày sáng sạch trong suốt không thể kể xiết, kim nhan sáng chói, đường nét rõ ràng. Khi thật hành quán này nên chuyên tâm chú tưởng bền chắc vào một chỗ không dời. Nếu tướng này thành thì Tam-muội liền hiện tiền. Thế nên kinh Quán Phật Tam-muội có nói: “Nếu người chí tâm cột niệm, ngồi ngay quán niệm sắc thân, phải biết tâm mình như tâm Phật, cùng Phật không khác. Tuy ở giữa cảnh trần lao mà không bị các bụi trần che lấp nên tu quán này chính là

thật sự niệm Phật. Thế nên biết công đức quán Phật việc như thế. Lại tướng đẹp đẽ sáng suốt to lớn vì diệu của Đức Thế Tôn kia, các chúng sinh hẹp hòi yếu kém tướng niệm khó thành. Nên Phật khiến trước khi quán thân Phật cần nên quán hình tượng. Phật tất phải ngồi trên tòa, nên trước phải quán tòa. Khi quán tòa ngồi đã thành rồi thì tiếp đó quán hình tượng. Kinh nói rằng: “Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, nhập vào tâm tướng của tất cả chúng sinh, thế nên tâm của ông khi tưởng Phật thì tâm đó tức là ba mươi hai tướng, là tám mươi vẻ đẹp, tâm đó làm Phật, tâm đó là Phật. Chư Phật là Chánh biến tri hải, từ tâm tướng mà sinh ra. Thế nên cần phải nhất tâm quán chắc vào Đức Phật ấy. Về thân pháp tánh của báo thân Phật. Đây đủ thỉ giác gọi là Báo Phật tốt bày bốn giác gọi là thân pháp tánh, thỉ bốn ngậm thông nhau hay khởi ứng dụng. Song không phải chúng sinh năng cảm thì chư Phật cũng há năng ứng sao. Năng cảm như nước, năng ứng như mặt trời, thế nên thỉ giác hợp với bốn giác cũng như mặt trăng đang rực sáng trên khoảng không. Khi nhập vào tướng tịnh như bóng mặt trăng hiện khắp trăm sông. Có cảm có ứng, hai đạo này giao nhau, đó là nghĩa nhập vào tâm tướng chúng sinh vậy.

Lại thân pháp giới tức là thân Phật không có nơi nào không biến khắp nên lấy pháp giới làm thể. Nếu hay được cái quán Phật Tam-muội này thì tâm quán giải sẽ khế nhập vào Phật thể, Phật thể nhập vào tâm quán giải. Đây chính là thỉ giác giải bốn giác, thế nên bốn giác nhập vào thỉ giác. Có giải có nhập, hai thứ này tương ứng, đó là nhập vào tâm tướng chúng sinh vậy. Phải biết tâm quán hiện nay không phải là ngay ở ấm tâm mà quán bốn tánh Phật đó là nhờ Phật khác để hiển sáng bốn tánh. Thế nên trước nói Ứng Phật nhập vào tâm tướng của ta, sau mới nói thân Phật toàn là bốn giác, cho nên Ứng Phật hiển rõ biết bốn tánh sáng suốt nghĩa nhờ bên ngoài được thành, quán duy tâm được lập. Cả hai nghĩa đều thành tức là pháp quán này vậy.

Lại trong kinh nói tâm đó làm Phật, tâm đó là Phật. Do đó chỉ rõ quán Phật hiện nay phải biết rõ tu và tánh không có hai ý chỉ. Nói làm Phật thì có hai nghĩa: Một là tâm tịnh thì hay cảm được ứng Phật ở phương khác. Nghĩa là pháp thân chư Phật vốn không có sắc tướng, do chúng sinh tâm tịnh nương vào nghiệp thức mà huân pháp thân Phật nên hay thấy được sắc tướng cao quý của Ứng Phật. Hai là, Tam-muội hay thành quả Phật của mình, nghĩa là chúng sinh dùng tịnh tâm mà tưởng, thành tựu được quán Phật Tam-muội nên hay khiến chính mình trọn thành quả Phật. Hai nghĩa này trước là nói làm Phật khác, sau nói làm

Phật mình. Phải biết rằng quả Phật là từ chứng mà có chứ không phải là tự nhiên mà được, tức “là” mà “làm”, toàn tánh thành tu hiển rõ chẳng phải tánh đức tự nhiên là Phật.

Nói là Phật cũng có hai nghĩa: Một là tâm tức là Ứng Phật. Trước nói Phật vốn không hình tướng vì tâm cảm nên có thì tâm Phật có và không khác nhau rõ ràng, nay mắt cái thấy này cho nên chính tâm chúng sinh liền hoàn toàn là Ứng Phật, do lìa ngoài cái tâm này lại không có Phật nào khác. Hai là tâm tức là quả Phật. Vì tâm đã là quả Phật cho nên biết không có cái nhân thành Phật. Vì trong tâm chúng sinh đã luôn có Đức Như Lai ngồi kiết già ở đấy, há phải đợi ở vị lai mới thành quả Phật. Hai nghĩa này nghĩa trước là Ứng Phật, nghĩa sau là quả Phật. Phải biết quả Phật vốn đã đầy đủ, không phải từ duyên mà thành, tức “làm” mà “là”, toàn tu mà thành tánh, hiển rõ không phải do nhân duyên tu đức mà thành Phật. Nếu lấy “làm, là” hiển rõ ba quán thì không phá, giả lập đều gọi là làm. Đó tức là quán nhị biên. Còn không phá không lập thì gọi là “là”, là quán Trung đạo. Toàn “là” mà “làm” thì ba đế cùng phá cùng lập. Toàn “làm” mà “là” thì ba đế cùng không phải phá lập, tức không, giả của trung mà gọi là “làm” thì hay phá được ba hoặc, lập ra ba pháp, cho nên cảm được ba thân viên ứng của Phật khác, hay thành được cái quả ba thân ở trong tâm ta. Tức trung của không giả mà gọi là “là” thì toàn là thể hoặc tức là trí, toàn thể chướng tức là đức, cho nên tâm là Ứng Phật, tâm là quả Phật, cho nên biết hai nghĩa “làm” và “là” mà một tâm tu hành, chính ba quán không thể nghĩ bàn là tổng thể của mười sáu quán, diệu tông của một kinh vậy. Văn từ đó mà ra, nghĩa khắp trước sau. Thế nên người tu phải dùng ý này mà tu nhân Tịnh độ.

Có kẻ hỏi sao không dựa vào các điều kinh nói chỉ lấy tướng sự sinh thẳng về Tịnh độ, lại bày ra môn Tuệ quán khiến kẻ mới tu khó vào?

Đáp: Nói tuệ quán hay tướng sự cho đến việc thiện nhỏ nhoi của người chỉ cần được nhất tâm là có thể sinh về Tịnh độ, chỉ có điều là thô, diệu không đồng thời. Thô thì chỉ là tướng sự, diệu thời chuyên nơi quán tâm.

Lời sơ nói: Bởi vì viên giải hoàn toàn khác xa Tiểu thừa. Tiểu thừa mê muội duy tâm, Phật từ ngoài tâm mà có, cho nên thể của tâm Phật ấy không đồng. Người tu Đại thừa đều biết một tâm ta đều đủ tánh chư Phật, nhờ cảnh để tu quán, tướng Phật liền hiện bày. Nay quán Di-đà lấy y chánh làm duyên để hun đúc tâm tánh. Tâm tánh có đủ cả y chánh Cực lạc, do hun đúc mà phát sinh, tâm đủ mà sinh há lìa tâm tánh.

Toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm. Trọn ngày quán tâm trọn ngày quán Phật, ý chỉ ấy rất rõ ràng vậy.

Lại nên hiểu biết pháp giới viên dung, thể nó khó nghĩ bàn, làm cái tâm một niệm của ta cũng lại nêu cái thể làm chúng sinh, làm Phật, làm y, làm chánh, làm căn, làm cảnh, một tâm, một hạt bụi... cho đến một hạt cực vi đều là toàn thể pháp giới mà làm, vì mỗi một pháp thì toàn pháp giới đều làm cho nên nêu ra một là viên dung toàn phần pháp giới. Đã toàn pháp giới thì còn có một vật nào không đủ các pháp vì tất cả pháp mỗi mỗi đều đầy đủ tất cả pháp. Thế nên nay ta lập ra những nghĩa duy sắc, duy hương v.v...

Lại nói rằng Tỳ-lô-giá-na biến khắp tất cả chỗ, tất cả các pháp đều là Phật pháp. Đó là ông Phật tánh đức của chúng sinh, không phải mình, không phải người, không phải nhân, không phải quả, tức là cái thể đại giác viên thường. Cho nên biết cái thể quả Phật tròn sáng tức là tánh đức sẵn đủ của hàng phàm phu ta, cho nên bốn Tam-muội gọi chung là niệm Phật. Nếu như cái quán môn này mượn cảnh y chánh ở cõi An dưỡng kia dùng quán vi diệu chuyên từ Phật hiện bày cái thể chân Phật. Tuy mượn nhờ cảnh ấy mà phải biết y chánh đều cùng ở một tâm. Tâm tánh cùng khắp, không pháp nào mà không tạo ra, không pháp nào không đầy đủ. Nếu có thấy mảy may pháp nào từ ngoài tâm sinh ra thì không gọi là quán Đại thừa được.

Lại kinh Nhân Vương Bát-nhã nói Phật hỏi vua Ba-tư-nặc: “Ngài dùng tướng nào mà quán Như Lai?” Vua thưa: “Con quán thân Thất tướng, quán Phật cũng thế, không có mé trước, mé giữa, mé sau, không trụ ở ba mé, mà không lìa ba mé, không trụ ở năm uẩn, mà không lìa năm uẩn, không trụ ở bốn đại mà không lìa bốn đại, không trụ ở sáu xứ mà không lìa sáu xứ, không trụ ở ba cõi mà không lìa ba cõi. Cho đến không phải thấy nghe hiểu biết vì nói năng bật dứt, tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ đạo đoạn, đồng với chân tế, ngang bằng pháp tánh. Con lấy tướng này mà quán thân Phật Như Lai.” Phật bảo: “Nên như thế mà quán, quán khác đi tức là tà quán”, nghĩa này thật càng sáng tỏ.

Lại hỏi: Nếu thế, tại sao không quán thẳng cái vẻ đẹp nhiệm mầu của chân thân ở cõi ấy, mà kinh này lại dạy người phải trước quán hình tướng?

Đáp: Đức giáo chủ cõi Ta-bà khen ngợi cảnh Cực lạc là cốt dất dẫn chúng sinh lìa khỏi ngũ trước, dạy ta quán pháp thân của Đức Phật ở cách xa sáu mươi vạn ức na-do-tha do-tuần, mà trước phải quán tượng báo ở trên đài hoa là vì đặt ra phương tiện, khiến quán thô mà thấu

diệu. Kế đến lấy hình tượng cao một trượng sáu, một trượng tám, là tùy thuận kẻ phàm phu thấp kém, khiến quán nhỏ mà thấy lớn. Bởi vì tướng thô diệu khác nhau thì đều từ tánh mà khởi tu, lớn nhỏ khác hình đều từ bản mà đến tích. Cái tánh năng quán đầu tiên không khác thì cảnh sở quán đâu thể so lường, cho nên nói viên đốn một tiếng khắp đủ, về khai thị thì có thứ lớp mà không phải dần dần, tùy thuận theo căn khí mà không thiên lệch, cùng mở quán môn, toàn bày Thật tướng. Nguồn gốc của hình tượng và lời dạy chẳng phải từ đây sao! Đây là ý chỉ thẳng tắt của niệm Phật Tam-muội, luận bàn trước sau không hai, là đạo Đại thừa viên đốn, như mặt trăng mặt trời cùng khắp soi thiên hạ đời sau, khiến họ biết tâm chân vọng, tức một mà không đồng, mà lý có chỗ đạt tới vậy. Đó gọi là không lìa nhật dụng, giải hạnh, quán tuệ thấy đều đầy đủ. Người tu học há chẳng cố gắng hết lòng ư.

5. Chánh quán đạo tràng, tôn tượng, niệm Phật.

Về quán tuệ Tam-muội phải lấy ý chỉ quán tuệ này mà quán y chánh ở cõi Cực lạc kia khiến tâm này thuần thực, lý tâm và cảnh là một mà vắng sinh thẳng đến cõi ấy.

Đạo tràng chánh quán, tức là người ấy đã đạt được ý chỉ của quán tuệ nhưng việc đối đãi của lục căn hãy còn lưu lại trần cảnh, hoặc là có lui sụt, cho nên đối với đạo tràng, Thánh tượng cho đến các vật cúng dường trang nghiêm như y chánh ở cõi Cực lạc đều đồng một thể mà quán. Người tu hành tuy chưa lìa cõi Ta-bà nhưng vì tâm quán này làm một nên như đã sinh về cõi Tịnh độ rồi vậy, do vậy lúc mạng chung đều được cảm ứng. Vả như người tu hành làm việc sám hối, cúng thờ trang nghiêm đạo tràng thanh tịnh cho đến chỉ một hương một hoa thì đâu chẳng tức là lý ba đế kia. Nếu không dùng đế lý này mà trong mọi sự đều chánh niệm quán sát khiến hạnh cao quý kia có chỗ nương về thì đối với đạo Viên đốn Đại thừa không thể mở bày sáng tỏ. Như ở cõi Phật kia có vô lượng tất cả đồ vật trang nghiêm đều do kẻ mới tu hạnh Bồ-tát ở cõi ấy lúc tu nhân mà cảm nên hạnh, nhân hạnh đã lập thì quả độ liền hiện tiền, cho nên các vật trang nghiêm đẹp đẽ vô tận. Nay chúng ta quán quả biết nhân thì biết Tam-muội và đạo tràng mỗi mỗi đều trang nghiêm cùng với nhân quả cõi Cực lạc kia không hai, đâu chẳng phải là mỗi mỗi đều thành đại Tam-muội hiển bày các pháp môn viên dung vi diệu như cõi Cực lạc v.v... không sai khác, cũng tức từ đủ các vật trang nghiêm ấy làm thân tướng đẹp đẽ. Cúng thờ thân tướng không kia không đây, không một không nhiều, chánh y cùng dung nhau hiển bày lý pháp giới như các cõi nước chư Phật khó thể nghĩ bàn, há

có thể xem là cây đất tạo nên cảnh ấy ư? Cho nên biết hoặc cảnh hoặc tâm, hoặc thân hoặc cội đều đồng một thọ dụng tự tại vô ngại.

Kinh nói rằng do các Ba-la-mật mà sinh tất cả lọng báu, đối với tất cả cảnh mà hiểu biết thanh tịnh thì sinh ra màn hoa, do vô sinh pháp nhãn thì sinh ra tất cả y phục, tâm nhập vào pháp kim cương vô ngại thì sinh ra các lưới chuông, tâm hiểu tất cả pháp là như huyền thì sinh ra mùi hương bền bỉ. Tâm là tòa ngai của Như Lai cùng khắp các cảnh giới Phật thì sinh ra tất cả các tòa ngai báu đẹp, tâm cúng dường chư Phật không lười trễ thì sinh ra tất cả cờ xí, tràng phan báu, tâm hiểu các pháp như mộng mà hoan hỷ thì sinh ra tất cả cung điện báu nơi ở của Phật, không vướng mắc thiện căn thì sinh ra tất cả mây hoa sen báu v.v... lấy đó mà quán thì biết cảnh y chánh Cực lạc do Di-đà Như Lai đã hoàn thành các nhân hạnh nên nay chiêu cảm được các quả ấy. Đạo tràng này của ta đã là nhân sinh vào Tịnh độ ấy, nhân hơn kém tuy không đồng hoặc nhiều như nước biển cả hoặc ít như vài giọt nhưng chất vị há chẳng đồng một thể ư. Nhân nghĩa ấy, trong đạo tràng, lục căn đối với hương hoa, đèn đuốc, lọng báu, phướn đẹp, tất cả các vật cúng dường cho đến y phục, ngọa cụ, ăn uống, thuốc men, các vật dùng hằng ngày dù một sắc, một hương cho đến một hạt bụi cực vi không gì không phải là Tam-muội, không gì không phải là pháp môn, đều có thể khiến người phát sinh hiểu biết kỳ diệu, ngộ tâm chứng Thánh. Tuy chưa nghe tiếng cũng hay biểu hiện các đại pháp môn như niệm Phật Tam-muội, tức cũng là tất cả thân chúng sinh và Phật, cảnh, trí vô ngại, cũng hay cùng ta đồng hạnh, làm pháp lữ thật sự. Người tu hành dám coi thường khiến không phát ra diệu ngộ mà đều có thể sinh vào cội ấy được ư?

Kinh nói rằng thiền định luôn giữ tâm vào một duyên, trí huệ hiểu rõ cảnh đồng với Tam-muội nghĩa cũng như thế. Nếu hay thật hành quán này thì căn cảnh đồng một, đâu chỉ có Tam nghiệp của ta mới là hay tu. Lại như địa ngục đủ mọi khổ hình, đao, gậy, kiếm lửa vì người ấy trước đã tạo các ác nhân nên khiến như thế, mọi thứ động đập đều là rấn rít chó dừ, làm sâu bọ chim chóc chui vào xương, rút vào tuỷ gây nên các đau đớn khổ não. Huống là các vật trang nghiêm ở giữa đạo tràng mà không phải là đồng nguồn với y chánh, đều là pháp giải thoát cùng ta đều thành Tam-muội ư? Lại các thứ trang nghiêm trong đạo tràng hình vật đều khác, còn có thể khiến người phát diệu giải, huống nay phụng thờ tôn tượng cung kính cúng dường, hết lòng hết chí như cha mẹ, há chẳng khiến ta giải thoát nhanh chóng sinh vào nước An dưỡng. Vả như tượng một Đức Phật và hai vị Bồ-tát đặt trong đạo tràng, làm đích để

nhắm vào đó mà sám hối là chủ, các tượng khác là bạn, gọi chung là chánh, còn các vật trang nghiêm đều gọi là y, chủ bạn, y chánh cùng với y chánh ở cõi Cực lạc kia thô diệu không đồng. Nhưng cái tượng chủ ấy có bao nhiêu thần thông nguyện lực đồng với chân thân Phật, vái lạy thì linh, cầu xin liền ứng, có gì sai khác. Đã không sai khác thì đối với hình tượng này đâu có thể chỉ xem như gỗ đất keo sơn sắc vàng tạo nên, mà không quán là chân thân tướng hảo đại nguyện của Phật ở Tây phương Cực lạc ư? Nếu đối với lượng mà không thấy chân thân thì tâm ấy không phải chuyên nhất, Tam-muội khó thành, diệu ngộ không sâu chắc, lỗi lầm lắm vậy. Bởi nay đối với tượng mà thấy cùng với chân thân thật không hai, chỉ vì Phật ấy lòng đại Từ cùng khắp với thân không hai mà tùy cơ nghi ứng hiện, bày chân hiện hóa, hoặc hiện rõ hình tượng, mà ta vì nhãn chướng quá sâu, đối trong một pháp chỗ thấy riêng có khác, nên đối với chân thân Phật mà gọi là tượng vậy thôi, thì biết tượng này há là tượng thật. Ví như trong Quán kinh, Đức Phật tiếp dẫn ba bậc chín phẩm cũng tùy phẩm vị của họ mà khiến có hơn kém khác nhau không đồng. Cho nên biết việc ta thấy tượng thật cũng là cái thấy riêng của ta, đâu phải lòng Từ của Phật không khắp mà hiện ra với ta là tượng ư. Song dầu chỗ thấy không đồng mà Di-đà chỉ là một thể. Lại như kinh nói sám hối luôn thì nhãn chướng mỏng dần sẽ thấy được tòa ngòai, rồi sẽ thấy được một Phật, hai Phật. Khi chướng càng mỏng thì dần dần sẽ thấy Phật biến khắp cõi hư không. Lấy đó so đây nếu tâm ta sám nguyện cầu vãng sinh cùng lý tương ứng thì trước thấy tượng và hóa Phật, sau mới có thể thấy được chân thân Phật.

Lại như ở Hoa Nghiêm hội thượng thì thể Phật vốn một mà chúng đại Bồ-tát thì thấy Phật là thân Xá-na rộng lớn vô lượng trên mào trời trang nghiêm. Còn hàng Tam thừa thì thấy Phật là thân thầy Tỳ-kheo già giáng sinh từ vương cung. Bọn ta là phàm phu cho nên phải thấy thân Phật do gỗ đất tạo thành. Nếu không thế thì tại sao kinh Phổ Hiền quán lại nói chỉ sám hối tội của mắt mà được thấy Phật. Thế nên biết Phật vốn là một thể nhưng hoặc chân hay tượng thì thật ra là do người thấy có khác. Lại như chuyện xưa có người khắc gỗ làm mẹ, thân mẹ vốn là gỗ nhưng người con nhờ đó mà tìm mẹ mình, hoặc cung kính hoặc khen ngợi thì người mẹ gỗ cũng có sắc vui hoặc ôn hòa giống y như mẹ thật. Ở thế gian lòng hiếu cảm còn được thể hướng là Phật ta có vô lượng đại nguyện thần thông tức tượng chân thật không bằng người mẹ gỗ sao? Hướng xưa nay tạo tượng chứng cố linh nghiệm không phải một, hoặc phóng hào quang hoặc ứng hiện các điềm lành cho đến thân

ấy sinh cả xá-lợi, nước ngập lửa cháy không hề hư rã, có chép đầy trong các truyện ký không thể kể xiết. Thế thì tượng chủ trong đạo tràng chúng ta tức là sắc thân chân thật của Di-đà Như Lai, nhưng vì ta bị chướng nên gọi đó là tượng thôi. Dầu có gọi thẳng là tượng thì cũng có thể nhập vào tượng trước mà quán, từ tượng mà thấy chân thân, đâu chẳng hiển bày cái vi diệu của đồng thể. Kinh nói rằng thân Phật thanh tịnh biến khắp mọi nơi. Lại nói tất cả pháp đều là Phật pháp, sao chỉ riêng đối với tượng này không phải là Phật ư.

Có kẻ hỏi: Lìa tất cả tướng liền gọi là Phật, thân Phật còn không phải huống nữa tượng này cùng Phật đồng nhau ư?

Đáp: Nếu đối với tướng không phải Phật thì đâu chỉ là ở tượng mà dù cả báo thân Xá-na cũng không phải là Phật. Nếu tất cả không phải là Phật tức tất cả là Phật, đâu không phải là Phật ư. Nếu biết nghĩa này thì hiểu rằng ta nay kính thờ tôn tượng không lìa nguyện hải đầy đủ thần lực to lớn, hay nhiếp thọ, có đủ tất cả lực vô úy v.v... mười tám Bất cộng pháp, đại Từ đại Bi, thường-lạc-ngã-tịnh, tướng hảo quang minh cùng với chân thân của A-di-đà đều không sai khác. Ta ở trong đó mà sám hối các việc, phải như kẻ ăn mày hèn mọn lại được gần với bậc vua chúa, luôn e thẹn run rẩy, sợ thương gồm đủ, khao khát được nhiếp thọ, mong cầu thoát ly, huống lại đã trải bao kiếp khó gặp nay đã được gặp đâu thể coi thường, khiến hạnh cao quý không tiến triển tự gây chướng nạn ư? Lại mong cầu Phật ấy thương xót chúng ta rủ lòng hiện bày thân tượng, nhận sự sám hối của ta. Đã nhận ta sám hối rồi thì tất cả trọng tội nhất định đều tiêu hết, tất được vãng sinh Tịnh độ. Do đó tâm được mừng vui, bỗng như trời thênh thang, đất trong suốt, lại được pháp nhãn, thì cõi Cực lạc kia như được thấy tận mắt, cho nên biết việc nói chân thân và tượng là một đâu phải là điều chẳng thậm thâm kỳ diệu. Kẻ tu học cần phải hết sức chí thành chớ nên hiểu khác.

6. Bác bỏ tà thuyết đoạn không.

Một đời Thánh giáo của Đức Thích-ca Như Lai như quả báo thiện ác, các pháp nhân duyên là chánh giáo trước sau không hề đổi khác, dầu có một trăm câu vượt ngoài trăm lổ há phải lìa bỏ pháp nhân duyên ư? Làm sao mà thời nay lại có hạng Xiển-đề cực ác đoạn dứt thiện căn của người, không biết lời nói Phật tỏ lại vì người mà phá chấp trừ nghi, tháo gỡ vướng víu, dẹp trừ trói cột, đi ngược trở lại mọi người, vọng gọi là ngoài tâm này các hạnh đều không, không Phật, không pháp, không thiện, không ác, lầm nhận vọng thức là chân, rồi bảo ngoài tâm này không pháp nào có thể được. Bèn liền bác bỏ không có nhân quả,

bài xích tội phước, nói tất cả hình tượng Bồ-tát, chư Phật chỉ là các thứ vàng, bạc, đồng, sắt, khối đất, khúc gỗ. Cả một đại tạng giáo cũng chỉ là thứ vỏ cây, giấy cũ chùi đồ dơ, vốn không chân thật, đâu đủ để làm bằng cớ. Đối với tất cả công đức hạnh lành thủy đều mỗi mỗi quét bỏ, gọi đó cho là chấp tướng, một mực nói xấu người khác để khoe khoang tài giỏi của mình. Hoặc như còn tham thoại đầu mà lại bảo là không nên cố chấp, cố gắng khiến người trong ngoài trống không rỗng tuếch. Rồi lén làm các tội ác và dâm, nộ, si... lại gọi ngược là vô ngại đối với đạo, đối mình lừa người, tâm hồn mục nát lại cơ hồ chẳng hay biết. Ví như trùng trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử. Những loại kiến giải trên rất nhiều. Đó chính là bọn ma Ba-tuần giận xưa chưa hết bèn sai những kẻ giả dạng hình dáng như bọn ta mà phá hoại đạo pháp của ta cho bằng hết, than ôi đau đớn lắm thay. Họ bảo rằng các hình tượng không phải là Phật thì không biết cái gì mới là Phật, còn giấy mực không phải kinh không biết cái gì mới là kinh. Nếu tự tâm là Phật thì vật nào không phải tâm, mà lại riêng gọi tôn tượng Thánh nhân không phải tâm không phải Phật. Lại tâm đã là Phật thì người nào không có tâm mà riêng bảo tâm ông là Phật khiến người bác tượng bác kinh. Không biết rằng tâm chúng sinh toàn thể ở trong mê tất phải mượn hình tượng kinh pháp Thánh nhân mà biểu hiện khiến người được ngộ giải. Nếu có ngộ giải thì biết được chân tâm của Phật và chúng sinh bình đẳng khắp cả mọi nơi. Kinh nói: Chư Phật nói pháp “không” là cốt để độ kẻ chỉ tin “có”. Nếu lại chấp vào không thì chư Phật không hóa độ được. Lại nói rằng thà có thể nói có như núi Tu-di mà không nên nói không dù chỉ bằng hạt cải. Dầu đã chứng pháp không mà vẫn còn vướng vào Tiểu thừa há có thể như hàng Đại thừa Bồ-tát từ không mà vào có, chứng tục giả ở cõi chúng sinh giống như Phật độ sinh vậy. Thế nên Tiểu thừa thấy “không” là cái bỏ đi của Bồ-tát Đại thừa, Phật nói pháp không là vì kẻ chưa hiểu nghĩa. Lại Phật nói pháp “không” bèn là tức “có” mà hiển bày “không”. Không chẳng lìa có mới được gọi là chân không. Nay người nói không là phải lìa có mới là không. Không đã trở thành “đoạn kiến” thì rất đáng sợ như sa vào bẫy hầm khó thể thoát ra. Ngài Vĩnh Gia nói bỏ có mà vướng vào không thì bệnh cũng thế, cũng như tránh chết chìm mà dẫm đầu vào lửa đỏ, là nói việc này vậy. Thầy Tỳ-kheo Thiện Tinh vọng nói pháp không, cô Tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương lén làm việc dâm dục đang lúc sống mà rơi ngay vào địa ngục, đâu không phải gương để người sau soi xét. Người đời sau không lấy đó tự răn mình mà lại dẫm đạp vào vết xe đã đổ, khác nào kẻ đui dẫn dắt đám mù khiến cả thầy

trò đều phải chết chìm, thật khá thương thay.

Lại nếu như con hiểu nghe cha lầm lỗi, vì nhớ ân sinh thành nuôi nấng cũng còn bất nhẫn, huống bọn ta là con giòng học Thích lại phụ ân xuất thế, đối với hình tượng Phật và pháp ngôn lại lung lòng coi thường, phá hủy, ngang nhiên không chút sợ hãi, đầu chẳng đau xót lắm ư. Hạng người này chắc chắn phải đọa vào địa ngục năm vô gián, lửa dữ hừng hực ai nấy phải chịu quả khổ do ngày nay hiểu lầm, há là lời nói suông ư! Dầu như Ngài Đức Sơn, Đơn Hà thì cũng chỉ như đức Văn-thù v.v... chỉ một lúc nào đó vì người mà phá chấp, hiển lý mà thôi, há lại muốn đem việc này mà dạy lại cho đời sau ư! Nay chỉ vì người sau không biết là phương tiện của người xưa, lại càng ăn nuốt đàm dãi của người đã khắc nhổ mà một mực lầm gọi việc phá điện thờ, đốt tượng gỗ Phật là làm đạo rất ráo. Có thể gọi đó là điên đảo. Nếu tuân theo lời nói để lại mà thiêu tượng phá điện cho là đạo thì cả thiên hạ hàng Thích tử đời nay đều phải như Ngài Văn-thù-sư-lợi giắt kiếm theo lưng có Phật giết Phật, không Phật thì phá tượng tức là đạo, rồi không cần lấy định tuệ của Phật đã dạy để học mà làm đạo ư?

Lại giáo pháp của Phật được ở lâu trên đời đều hoàn toàn nhờ vào kinh tượng, hình dạng, oai nghi, các hạnh lành nương nhờ vào pháp mà có. Nếu không biết mà bỏ đi thì nhờ đâu mà được còn lâu dài. Thế nên Phật nói đối với các kinh tượng không cung kính đến nơi đến chốn còn bị tội lớn huống là chê bai phá hoại, bằng tội ngũ nghịch khá biết. Kinh Pháp Hoa có nói Đề-bà-đạt-đa ngày xưa khi làm tiên nhân A-tư-đà là thầy của Đức Thích-ca, Đức Thích-ca tự dùng thân mình làm giường ngồi để dâng lên cúng dường khiến mình đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, tướng đẹp sắc vàng ròng, đủ pháp vô úy nhiếp cho đến pháp Bất cộng, thần thông đạo lực, thành Phật độ sinh v.v... đều do Ngài Đề-bà-đạt-đa làm Thiện tri thức vậy. Ngày nay Đức Thích-ca đã chứng quả ông ấy muốn cùng thành đạo mà không nói pháp không, chỉ khen ngược pháp ấy, làm bị thương ngón chân út của Đức Phật còn không trốn được tội khổ nhiều kiếp ở địa ngục, huống lại là sau năm trăm năm vọng nói pháp không đoạn mất thiện căn của người, làm sao tránh được quả khổ. Lại Phật nói pháp không là bởi muốn khiến người thể nhập không mà dứt ác, tại sao không hiểu ý Phật chấp ngược vào không mà lui sụt điều lành, há không điên đảo ư. Lại người ấy đối với các pháp bất thiện còn nói là vô ngại thì không biết các pháp thiện còn ngại gì mà không muốn tu. Người xưa vì đã dùng câu “không rớt vào nhân quả” để trả lời người hỏi mà còn năm trời đời bị làm thân chồn hoang, nếu không nhờ lão

nhân Bá Trượng thì không thể thoát được, huống nay lại vọng nói pháp không bài bác là không có nhân quả, không sợ đời sau, lung lộng vọng nói không những chỉ phá hủy kinh tượng mà còn đem người ăn chay sánh với trâu dê, bảo kẻ nói pháp là người nói suông, tội ác không biết để đâu cho hết. Không biết rằng tuệ giải như mắt người, đạo hạnh như chân người. Có mắt mà không chân tuy thấy mà không thể đi, có chân mà không mắt tuy đi mà không thể thấy, vì không thấy nên tất phải rơi vào hầm hố, vì không đi thì làm sao đến được bảo sở. Tuy không thể đến lại biết phải quấy, đã rơi vào hầm hố, thân mạng đều mất. Như kinh gọi năm độ kia như mù, Bát-nhã như kẻ dẫn đường vì như mù nên đi tất phải lọt hố hiểm. Vì như kẻ dẫn đường tất phải đến bảo sở, đâu có thể bảo ngược việc nói kinh giáo là giải suông. Song giải và hạnh mỗi thứ đều rất cần yếu, giả sử có hạnh mà chẳng hiểu, chi bằng có tuệ giải vẫn hơn. Thí như bậc A-la-hán đối và thân voi mập đeo đầy chuỗi ngọc, nghĩa ấy có thể hiểu rõ. Lại như có hiểu mà không làm thì Bồ-đề có thể phát, còn có làm mà không hiểu thì khó hiểu được viên thừa. Cho nên biết Ngài Văn-thù có hiểu sâu mà làm thầy chư Phật, còn Ngài Phổ Hiền có hạnh lớn nên là cha khắp quần sinh, há có thể vướng vào một phía mà tự chấp. Ngài Nam Nhạc phái Thiền tông còn lấy “không giống một vật mà không ai chẳng tu chứng, không thể nhiễm ô” làm yếu chỉ cho việc nhập môn ngộ đạo, huống chi ngày nay nếu kẻ tà kiến quá sâu thì đâu khỏi nhanh chóng rơi vào chốn khốn khổ cùng cực. Kinh Lăng-nghiêm có nói: Tự cho là đủ, bỗng nhiên có đại ngã mạn vô cơ khởi lên, trong tâm còn khinh mười phương Như Lai huống gì là hàng Thanh văn, Duyên giác thấp kém. Kinh lại nói: Bỗng nhiên chỗ quy hướng dứt bật, bác là không có nhân quả, cứ một mực hướng vào không, tâm không luôn hiện tiền cho đến tâm sinh cái hiểu đoạn diệt, không chịu lay chùi tháp, dẹp phá kinh tượng, gọi kẻ Đàn-việt bảo đó chỉ là khối vàng đồng hoặc đồng đất, khúc gỗ... kinh thì chỉ là lá cây hoặc xấp hoa, nhục thân mới là chân thường mà không tự cung kính lại đi tôn thờ đất gỗ thật là điên đảo. Những kẻ tin chắc việc ấy cũng theo đập phá, chôn bỏ trong đất, làm nghi hoặc chúng sinh phải đọa vào địa ngục Vô gián, mất hết chánh thọ phải đọa lạc khổ đau thì mới biết rằng đức Thế Tôn đối với người vọng nói pháp không và kẻ chưa được bảo là được, chưa chứng bảo là chứng đã dự đoán chắc họ phải đọa vào địa ngục, rõ ràng như thế. Vậy người thời nay há có thể trốn khỏi lời ghi nhận của Phật được sao? Hoặc bảo rằng: “Ông Đạt-đa kia đọa vào địa ngục mà không bị khổ ta nào sợ chi” mà không biết rằng Đạt-đa do tâm muốn

khen ngược lại đạo của Đức Thích-ca nên ở trong địa ngục không những đã không thấy khổ mà còn vui như đang ở cõi trời Tam thiên. Nhưng vì phần thân khẩu dường như chê bai chống báng nên phải đọa vào địa ngục, bằng như thân khẩu làm ra các tội mà phải chịu đủ vô lượng tội khổ. Thầy của Phật còn thế huống là người thời nay bắt chước làm theo khiến người khác không tôn kính kinh tượng, coi rẻ là gỗ đất, giấy cũ... khiến người khác không biết nhân quả, khinh bạc tội phước, trái lời răn dạy của Phật, gần gũi hạnh ngũ nghịch... các áo báo đó làm sao tránh khỏi được ư.

7. Khai thị pháp môn Thiên và Phật không hai.

Đức Thích-ca Như Lai đã dạy pháp môn niệm Phật chính là thống nhiếp cả pháp giới quần cơ không hề bỏ sót một ai. Thật là chỗ Ngài Văn-thù Phổ Hiền đã chứng nhập vào cảnh giới bậc đại nhân. Tứ Minh Phán của tông Thiên Thai cùng Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đồng một bộ. Có ý vị thuộc đề hồ, tức Thiên tông chỗ gọi là đạo trực chỉ đơn truyền. Trong “Tứ liệu giản” của Ngài Vĩnh Minh bảo không có Thiên mà có Tịnh độ thì vạn người tu vạn người được. Chỉ được thấy Di-đà lo gì không được khai ngộ, thật là một đường hướng thượng. Vì sao người thời nay nhân mưu cầu danh lợi không được toại chí bèn xụ mặt than dài mà tự hối tiếc rằng: Than ôi, cả một đời ta đã chầm dứt. Việc tham Thiên không là điều ta mong ước, không bằng niệm ít câu A-di-đà Phật để tu cho đời sau dầu không lỗ vốn thì cũng tạm đủ. Do đó trở lại lưỡi nhác, chưa hề suy xét kỹ, thẳng như hoặc bỗng gặp được chút ít chí thú thì liền trong khoảnh khắc vô số hành động xấu ác hiện ra trước mắt như xưa không ai ngăn cản được. Niệm Phật như thế nào có ích lợi gì? Nay biết rõ cái thấy đó, anh ta bảo việc tham thiên tuy kỳ diệu nhưng rất khó như xây tạo cả muôn gian nhà lớn, còn niệm Phật tuy thô nhưng khá dễ như tạo ra một nhà cỏ. Sự hiểu biết như thế, ví như đời đang đói khổ nay gặp được thức ăn ngon quý trăm mùi của hàng vua chúa mà cho là món ăn rau cỏ, gặp phải châu Như ý chúa mà tưởng là mất cá, thật đáng thương thay!

Không biết rằng Thiên, Phật hai môn, cách đi tuy khác nhưng cùng đến nhà, lý nó đồng nhau. Nên biết sở dĩ cách đi có khác, như tham Thiên là nắm lấy chính nó không cầu nhờ Phật, nhưng nếu tự mình không có đủ chánh tri kiến lại không gặp được người có chánh tri kiến thì dầu không lui sụt, phần lớn đều vào ma đạo, vì không có Phật lực cứu hộ vậy. Còn nếu niệm Phật thì tất cả không nắm lấy chỉ có niệm Phật kia, dầu không hiểu đúng và không có thầy bạn khai phát cho, chỉ

cần tin chắc là có thân Phật và cõi ấy, phát chí liền sinh ngay. Dẫu có mắc vào thiên tiểu thì cũng trở lại chánh kiến, vì có nguyện lực Di-đà cứu hộ vậy. Thế nên gọi cách đi có khác mà không phải bảo là pháp môn địa vị sâu cạn có khác. Thế mới biết tham Thiên tức là niệm Phật, niệm Phật tức là tham Thiên. Thiên mà không phải Phật thì không được vãng sinh, Phật mà không phải Thiên thì không được quán tuệ. Niệm Phật và tham Thiên há có hai lối. Nếu biết nghĩa này thì phải thừa lúc đang đắc chí, công danh phú quý mà một nhát dao cắt đứt, liền càng mạnh mẽ phát đại tâm, gắng sức thật hành đạo này. Ở đời nếu có vợ con, của cải quý báu, đầu, mắt, óc, tủy... cho đến cả thân mạng đều không luyến tiếc quyết chí cầu vãng sinh. Há có thể ngay nơi lúc mình luyến tiếc, bắt đắc dĩ, xem pháp môn tối thượng như là đạo thấp kém, chòi cỏ, mất cá, rồi lấy tâm cầu thả mà tu. Khá thương khá tiếc lắm thay ! Nếu là do nhân hối tiếc thì từ nay hãy dứt bỏ ngay đi mà sinh ra cái hiểu biết bảo sở của Đại thừa, tâm quyết định không còn lui sụt nữa. Ví như thuyền được thuận gió xuôi giòng mà còn thêm chèo chống, đâu không thể nhanh chóng đến nơi, may mắn nào bằng.

Hỏi: Nếu thế thì bên sách thiên có nói: Như có người hỏi thế nào là Phật thì đáp là que phân khô, hoặc đáp là ba cân gai. Lại hỏi khi nào thấy được thì một gậy đánh chết, hoặc cho chó cắn, muốn cầu thiên hạ thái bình cho đến ma đến giết ma, Phật đến giết Phật. Lại nói: Niệm Phật Tam-muội với tâm tôn kính, mến mộ, thương, sợ, khát ngưỡng, làm sao đồng với ý chỉ đến nhà?

Đáp: Niệm Phật vốn là trì niệm báo thân của Phật A-di-đà ở cõi Tây phương Cực lạc vậy. Báo thân Đức Phật này có vô lượng tướng hảo quang minh. Hóa Phật, Bồ-tát, Thanh văn, công đức nguyện lực không thể kể xiết, đây là thân Phật. Lại cảnh chỗ ở của Phật có đủ các thứ báu như ao hồ, đất đai, cây cối, cờ phướng, lưôi giăng, hàng rào, đèn đài, chuông báu, phan lọng, hoa, nước v.v... tất cả đều trang nghiêm đẹp đẽ, đây là cõi nước. Song Đức Phật ấy lấy thân làm cõi, lấy cõi làm thân, thân cõi không chướng ngại, tâm cảnh viên thông, hoặc kia hoặc đây đồng một thọ dụng cho đến uẩn, nhập giới, xứ tất cả các pháp đều thẳng đến vô thượng Bồ-đề và cái nghĩa năng sát, sở sát, tất cả lúc, tất cả nơi đều không chướng ngại, không trói cột, không giải thoát, tung hoành, thuận nghịch, đều tức là sắc thân thanh tịnh Di-đà. Bởi vì sao? Vì tâm tức cảnh, cảnh tức tâm, thân tức cõi, cõi tức thân, chúng sinh tức Phật, Phật tức chúng sinh, đây tức kia, kia tức đây và các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, các căn mắt tai mũi lưỡi, các pháp như thế hoặc tâm hoặc thân,

mỗi mỗi cùng đều tự tại, đều giải thoát, còn không kể các thứ dâm, nộ, si v.v... là phạm hạnh, làm bạn với trần lao là pháp lữ, thì có riêng gì là que cứt khô, ba cân gai không phải là Phật ư? Đây đã là Phật thì cần gì phải đợi đất sạch, đất đặc biệt mới thị hiện giáng sinh, móc thịt làm ghê khởi tướng độ sinh. Như đây mới thật đúng là một gậy đánh chết, cho chó cắn... đã bỏ bớt bao nhiêu sự làm bộ làm tịch, sáu năm khổ hạnh, hàng ma giảng pháp, trong pháp bình đẳng không còn sinh diệt thì lại nói sinh nói diệt lung tung khuấy động cả thế giới, làm não loạn tất cả, khiến đất bằng chết người vô số, đâu không phải là thiên hạ thái bình. Ôi đến đây rất kỳ hiểu lắm. Nếu cử động thì hãy lãnh lấy những nhát gậy đau điếng trong tay ta. Nếu bảo lời nói này là môn hạ của Tào Khê, không đụng phần đầu mà chạm tận đáy là việc chưa từng nằm mộng thấy, ta đã sớm đánh gãy lưng lừa của người.

Hỏi: E rằng không cho ông so sánh như thế?

Đáp: Cũng không ngoài việc so sánh này. Vả lại ông chớ bảo việc so sánh này là hữu tâm hay vô tâm, ta đã từng mấy lần so sánh rồi.

Hỏi: Chỉ việc này đã sớm so sánh ư?

Đáp: Ta mới vừa nói cái gì thế.

Kể hỏi không hiểu, một hồi lâu sau lại hỏi: Nếu tất cả là Phật thì ky phân chõi quét đều có thể dùng đáp lại câu hỏi ấy. Đâu cần phải lấy vật thấp hèn nhất là que cứt khô để trả lời ư?

Đáp: Tất cả đã là Phật thì cửa lớn cửa sổ, then cửa các cảnh hiện ra trước mắt đều có thể để hỏi được cần gì phải lấy thứ cao quý nhất là Phật mà hỏi, cho nên biết người hỏi tâm địa vốn thuần, nên phải lấy cái cao quý nhất của họ mà đáp là vì muốn phá chấp cho họ nên phải lấy ngược cái thấp kém nhất mà thôi. Nếu biết que phân không phải thấp kém, thì Phật cũng không cao quý. Há có thể bảo lời nói ấy có chỗ bất đồng mà vọng nhận thiên và niệm Phật là hai hạnh khác nhau.

Hỏi: Pháp môn niệm Phật này kỳ đặc như thế, thì cùng với Thiên Thiếu thất nói về chỉ tâm thành Phật, Thiên Thai tông bàn về quán tâm quán Phật, từ đầu không hề khác nhau. Có thể bảo là không khởi lên một niệm hiển rõ pháp nhiệm mầu cả tam thiên, mà ba quán rõ ràng không lìa muôn pháp, tốt cùng một môn chân như mà một tâm thấu suốt nhanh chóng. Vả lại dạy bọn ta là kẻ hậu học độn căn thì phải tu như thế nào để được tương ứng mà vãng sinh.

Đáp: Chỉ cần chịu bước đi thì lo gì mà không đến. Ví như trong hang trống nếu có tiếng phát ra tất có tiếng vang dội lại, nếu tiếng to thì âm vang to, nếu tiếng nhỏ thì âm vang nhỏ. Âm vang tùy tiếng phát ra

lập tức đáp lại. Cũng như chính ở nước Cực lạc lấy ba bậc chín phẩm để nhiếp thọ chúng sinh cũng tùy theo người có căn tánh lợi độn, sâu cạn, tà chánh, nhanh chậm mà dắt dẫn, ứng sinh với phẩm bậc nào không hề sót cơ. Cũng như vào hang kêu lên thì tiếng vang cao thấp ngắn dài đều đáp ứng đúng y. Nếu hay chuyên cần tinh tấn thì không uổng phí. Lại hướng là thời gian không có trước sau thì còn lo gì độn căn. Vì nghĩa đó mà biết tất cả pháp môn tức là một pháp môn, một pháp môn tức là tất cả pháp môn. Đâu chỉ riêng Thiền và niệm Phật không hai, nêu đạo Đức Thích-ca một đời hành đạo giáo hóa không ngoài một pháp môn niệm Phật vậy. Lại pháp môn này lượng nó rất rộng lớn, bao gồm cả mọi căn cơ không sót, đâu hề lựa căn ngu hay trí. Xin khuyên các Bậc hiền nhân đời sau với pháp môn này chớ nên sinh dị kiến.

8. Nói về pháp môn hai cõi chiết nhiếp của chư Phật.

Về hai cõi tức là hai môn chiết nhiếp của chư Phật. Người tu hành đã nghe nói về cảnh giới y chánh thì có thể căn cứ vào ý chỉ kinh ấy mà hiểu rõ rằng cõi này thật khổ và cõi kia thật vui. Tuy nghe pháp môn quán tuệ viên dung vi diệu mà thấy ngay rằng hai cõi nghiêm nhiên đều là cảnh thật, không phải như kẻ tin tưởng cạn cạn. Nghĩa là cõi ấy tâm có thì có, tâm không thì không, sáng tối huyễn hóa, hư vọng không thật, mọi nơi đều là giải thoát ở Tây phương, biết chắc cõi ấy cũng chắc thật như cõi này không hề lầm lẫn. Nếu người này hay đầy đủ trí đó không bị tất cả hiểu biết sai quấy thiên lệch ở thế gian của các ác tri thức lay chuyển thì phải chánh quán hai cõi khổ vui, như sạch. Đối với cảnh ấy mà có hai loại tâm, lấy đó làm phương tiện. Nếu không có hai tâm này thì không thể sinh lên cõi ấy được.

Hai tâm ấy là gì? Một là, tâm chán lìa; hai là, tâm ham thích. Vì chán lìa cõi Ta-bà thì mới có thể tùy thuận vào chiết môn đã nói của Đức Thích-ca, vì ham thích cõi Cực lạc kia thì mới hay tùy thuận vào nhiếp môn đã hiển bày của đức Di-đà. Do hai môn này mà tinh tấn tu hành thì niệm Phật Tam-muội nhất định sẽ thành tựu.

Thế nào là chiết môn? Vì đã nghe nói các cảnh đẹp mầu ở cõi Cực lạc nên đúng lý mà quán sát thế giới Ta-bà này đều là khổ không có một tí vui nào. Có ba đường dữ như địa ngục ngày đêm bị thiêu đốt còn nạ quỷ bàng sinh thì khổ não khó chịu nổi, A-tu-la thì giận dữ đánh nhau luôn, loài người thì có mấy khi yên ổn, căn trần cùng tám khổ luôn nung nấu, nhân quả khiến bốn loài luôn lên xuống. Thời tiết thì có nóng lạnh, cảnh vật thì toàn bùn cát, ngày đêm luôn đời đời mãi không ngừng, lại phải chịu thân hôi thúi, nam nữ hình thù khác nhau, nhu cầu

ăn mặc luôn đòi hỏi, khó khăn thô xấu, tuổi thọ không dài, các khổ cùng sinh. Dầu có sinh lên thiên cung khi hết phước báo rồi thì lại càng bị khổ hơn. Lại không biết ở loài người vui chính là khổ, thân thiết là oán thù rồi điên đảo mê lầm vướng dính vào nhau không tìm lối thoát, từ nghiệp mà tạo nghiệp khác xoay vần mãi không ngơi nghỉ. Các khổ nào như thế không thể kể hết, cho nên cần phải chán lìa.

Thế nào là nhiếp môn? Người tu hành nghe nói cõi Ta-bà thật khổ như thế nên đối với cõi Cực lạc kia vô cùng ham thích. Ở cõi Cực lạc ấy đất báu, ao báu, không có ba đường dữ, trang nghiêm đẹp đẽ vượt trội hơn cả mười phương, không có lạnh nóng ngày đêm dời đổi, không có kết nghiệp sinh già bệnh chết, thuần là nam không có nữ, hóa sinh từ hoa sen, ăn mặc tự nhiên hay thành pháp hỷ, tuổi thọ vô cùng, thân luôn có ánh sáng. Nghe pháp âm thì liền nhớ biết quy về thấy tướng đẹp mà ngộ đạo trong khoảng khắc. Các thứ như thế sung sướng vô cùng nên gọi là Cực lạc cho nên cần phải ham thích. Nếu hay đối với hai môn này mà tinh tấn tu tập hàng ngày không ngơi nghỉ luôn tùy thuận lời Phật dạy. Đối với các cảnh âm thanh màu sắc ở cõi này mà tưởng là địa ngục, tưởng là biển khổ, tưởng là nhà lửa. Đối với các vật báu tưởng là các vật gây khổ ăn uống y phục tưởng là máu mủ da sắt, đối với các bà con thân thích tưởng là loài quỷ Dạ-xoa, La-sát ăn thịt người, huống lại sinh tử không hề dừng nghỉ mà phải suốt kiếp, trôi giạt thật đáng chán lìa. Nếu đối với kẻ tri thức biết trong kinh nghe nói về nguyện lực của Phật ấy có cõi nước đẹp đẽ trang nghiêm rồi trong mỗi niệm đúng với lý thú ấy mà sinh tưởng an ổn, tưởng là bảo sở, tưởng là gia nghiệp, tưởng là nơi giải thoát, với Di-đà Như Lai, Bồ-tát tăng chúng thì tưởng là cha lành, tưởng là mẹ hiền, tưởng được tiếp dẫn, tưởng là cầu đò, trong các tai nạn nguy khốn sợ hãi, xưng niệm danh hiệu liền ứng nghiệm không phí công, tưởng chỉ khoảnh khắc là nhanh chóng đến cứu hộ nên luôn nghĩ nhớ việc xuất ly, như thế công đức vô lượng thật đáng ham thích.

Nếu đối với chiết môn này mà không thể tu hành vì chán lìa không sâu chắc thì khó thoát khỏi nghiệp ràng buộc ở cõi Ta-bà. Nếu đối với nhiếp môn kia cũng không thể tu hành, vì ham thích không tha thiết thì cảnh đẹp Cực lạc tất khó đến. Thế nên người tu hành muốn sinh lên cõi Tịnh độ, thành tựu niệm Phật Tam-muội thì phải tu cùng lúc cả hai môn làm bước đầu tiên để lên đường. Nếu không tu hai môn này thì tuy hiểu rõ ý chỉ quán tuệ nhưng chỉ là hiểu suông. Dầu có muốn sinh lên cõi ấy nhưng vì không có ham muốn và chán lìa thì không nhân đâu mà được. Nếu hay tu hai môn này mà lại không biết rõ ý chỉ quán tuệ đầu có sinh

lên cõi ấy chỉ là sự tướng nên địa vị không được ở hàng cao. Nhưng nếu hay mạnh mẽ ham thích và chán lìa tu trọn vẹn quán tuệ thì đã được sinh mà còn ở thượng phẩm nữa. Kẻ tu học đâu nên cho đây là sự cố chấp về tướng mà khinh bỏ đi.

Có kẻ hỏi vì sao không bỏ hẳn các duyên, một niệm muôn năm khiến cho tâm cùng lý hội, cảnh cùng thần dung nhau, hợp đạo tự nhiên. Cần gì phải ham thích, chán lìa, lấy bỏ... quá đáng như thế.

Đáp: Nếu bảo bỏ hẳn các duyên là đạo, chỉ khởi tâm một niệm dứt bỏ liền không gọi là dứt bỏ, như thế lại cùng đạo trái xa nhau, nó giống như đoạn kiến của ngoại đạo cho nên Ngài Nga Hồ có nói rằng “chớ nên có bệnh quên thân và tâm chết, thứ bệnh nan y này rất nặng khó trị”. Lại bảo nếu cứ im ỉm mặc tình như ngu dại thì biết là ông chưa hiểu rõ việc công phu tu tập. Lại trong mười tám pháp Bất cộng của Phật thì có pháp tinh tấn không giảm sút. Lại có nhân tinh tấn thì sáu pháp Ba-la-mật mới được trọn thành. Vả như dứt bỏ là chỉ dứt bỏ nghiệp duyên ở thế gian há lại dứt bỏ cái tâm tinh tấn thể đạo hay sao? Người xưa bảo ngồi vô sự trong mai rùa vỏ ốc chính là hạng người này vậy. Nếu bảo dứt bỏ tự tại là đạo mà không cần thêm tinh tấn, một lòng tu hành thì há có được tâm hội cảnh dung quyện thành một khối cùng hợp với đạo ư? Nếu biết rằng không dứt bỏ tức là dứt bỏ, hăng hái ham thích, chán lìa, lấy bỏ tức là không ham thích chán lìa lấy bỏ, tu tức là không tu, niệm tức là không niệm thì gọi là vô công dụng hạnh, cũng gọi là diệu tâm vô tác, có lý nào khó nhanh chóng chứng được Trung đạo. Lại tu cho nên lìa đoạn, không tu lìa thường. Đoạn và thường đã lìa thì có gì khác mà hỏi, mà sinh thẳng vào thế giới an lạc vì hai vị đại sĩ đồng tu hằng ngày gặp Phật Di-đà. Lúc đó có pháp nào mà không thể hỏi, có hạnh nào mà không thể học, có nghi nào mà không thể trừ, có mong cầu nào mà không thể được. Đã không còn lui sụt nữa thì sự ham thích và chán lìa này há không phải là nhân hạnh lớn để thành quả Vô thượng chánh giác sao?

9. Khuyến tu.

Đã lìa sạch như đồng một tâm, chúng sinh và Phật cùng một lý, các pháp vốn bình đẳng thì sao cần phải khuyến tu. Nhưng vì chúng sinh do mê tâm tạo cảnh, sạch như phân riêng đối đãi mà thành, ràng buộc thoát ly có khác cho nên nhiều kiếp bị buộc ràng mà không biết không hay, cho nên cần phải khuyên bảo chúng sinh ở biển khổ cõi Ta-bà mau cầu sinh về thế giới Tây phương Cực lạc. Người tu hành trước vừa nghe nói về hai thứ pháp môn thì phải biết chắc cõi sạch như, vui khổ, chân

thật không lầm lỗi, liền phải phát hạnh cầu vãng sinh như kẻ nông dân kia do lợi mà phải nhảy vào cuộc ngăn lại không được. Song người nông dân kia chỉ bị cái khổ ngăn ngủi của một năm đói lạnh, còn phải cam chịu suốt ngày đêm không ngơi nghỉ, sớm lo chiều khổ trải suốt cả năm trời không biết mỗi mệt, huống là kẻ tu pháp Tam-muội kia, nếu một niệm siêng gắng thì vượt thoát cái khổ muôn kiếp ở Ta-bà, đâu chỉ bằng một năm đói lạnh, còn được sinh lên chốn an vui ở chín phẩm Cực lạc đâu chỉ bằng một năm ấm no. Lấy việc người nông dân mà so với việc tu hành này thì hơn kém quá rõ, vậy thì càng không đợi người khuyên. Lại trước đã chỉ rõ cho người hai môn chiết nhiếp ý chỉ đã rõ ràng. Như nói rằng đây là vàng ngọc, kia là cát đá dầu đưa bé lên năm cũng bỏ đá mà chọn lấy vàng không cần khuyên mà tự lấy, bởi tự biết cái gì là quý là hèn. Người tu hành cũng thế, đã biết rõ cõi này là khổ, cõi kia là vui, đây là sinh tử đắm chìm, kia là tự tại giải thoát thì tất cũng phải bỏ cõi nhơ nhớp này mà cầu sinh về cõi sạch đẹp kia. Tự nhiên niệm niệm không dừng, tâm tâm không nghỉ gấp gáp như cứu lửa cháy đầu, nghe dạy thì thật hành liền sao cần phải đợi khuyên bảo. Hai cõi khổ vui là chính do Phật nói, hãy tin chắc chớ ngờ vực, nếu tu thì liền được. Người nay thấy phân dãi thì khịt mũi nhúu mày, ghét mùi hôi thúi mà bỏ đi nhanh, còn khi thấy gấm lụa đẹp thì rạng rỡ mỉm cười, ham hố ngọc đẹp muốn mau có được. Đó là cảnh huyễn hoặc xấu đẹp tạm thời mà còn không thể nhịn được, ghét yêu hừng hẩy, huống là chỗ rất vui rất khổ muôn kiếp mà không nhanh chóng ham thích chán lìa. Đáng gọi là lầm to ngu dử.

Lại ở thế giới Ta-bà này Đức Thích-ca đã diệt độ, Phật Di-lặc chưa sinh, các bậc Thánh hiền còn ẩn kín, tất cả chúng sinh đang dong ruổi đắm chìm trong biển khổ, như con thơ mất cha. Nếu không nhờ nguyện vương Cực lạc làm chỗ nương về thì ai sẽ cứu giúp. Lại còn huống chi ở cõi này sáu nẻo lẫn lộn, hàng trời người tuy có hơn nhưng phước báo hết thì liền rơi xuống. Vả nay lấy việc tu hành của loài người để vượt lên luận thì đám thần tiên chưa rời khỏi mặt đất và khoảng không kia thì không dễ đạt đến, huống là cõi trời. Người sinh lên trời do cái nhân ba phẩm thập thiện sinh làm trời trong ba cõi từ thấp đến cao đều phải trải qua nhiều kiếp không đúng như ước nguyện, thành công thì ít mà thất bại thì nhiều như một giọt nước so với nước biển cả. Trong khoảng đó nếu gặp phải bọn tà ma dữ sẽ bị lui sụt vĩnh viễn. Làm sao dám nói được ra khỏi ba cõi mà trông mong vào các địa bốn quả bốn hưởng, huống trải suốt tín-trụ-hạnh hưởng đến các địa, mà vượt thoát

khỏi cõi này ư? Nếu hay tu pháp môn niệm Phật này cầu sinh Tịnh độ thì tuy ở địa vị phàm phu không ra khỏi một đời nhưng liền cắt ngang ba cõi, năm nẻo sinh tử mà vượt tất các cõi nhờ Đức Phật tiếp dẫn, nhanh chóng sinh về nước An dưỡng. Ở đây từ đài sen thượng phẩm hóa sinh, hoa nở liền thấy Phật, nghe pháp ngộ đạo, không rời chánh niệm đi khắp các phương cúng dường tất cả Tam bảo, giáo hóa tất cả chúng sinh. Khi đức Di-lặc Thế Tôn giáng sinh lại tái sinh vào cõi này cùng Phật từ bi hồng hóa. Trải nhiều đời có bao nhiêu cha mẹ, vợ con, anh chị em trong mọi cảnh thân thích oán thù... đều dùng đạo phẩm, dẫn dụ khuyên bảo tu chữa nhân lành đều khiến chứng quả. Như thế hạnh nguyện kia há chẳng rộng lớn sao?

Ở thế giới Ta-bà này có ba chương và tất cả các kiếp nghiệp nhưng không thể làm phiền lụy được ta. Công đức như thế nếu chỉ một niệm mất tu thì liền thuộc vào đời sau, há nên tự chần chờ chậm trễ ư? Huống lại cuộc đời ngàn chuyện rối rắm luôn khuấy nhiễu trôi cột như gông thép khóa sắt nối tiếp mãi không dừng. Tâm thì niệm niệm không dứt, thân thì chỗ chỗ không yên, hành hạ lên xuống chìm nổi, che lấp bốn tánh của ta từ vô số kiếp đến nay chưa từng ngơi nghỉ. Vô thường đời đời không chút dừng lâu. Dầu tuổi thọ một trăm năm không hơn khoảng tíc tắc, hôm nay đến sáng mai chưa chắc đã còn thở. Chợt nhiên bỗng nhắm mắt, bất giác khoảnh khắc đã sang đời khác. Rồi tùy theo nghiệp nhân mà chịu loại hình thể khác, mang lông đội sừng đi bò trên đất hoặc bay trên không. Các hiểu biết ngày nay đều mất, hoảng hốt sợ hãi nơi ba đường sáu nẻo trôi giạt nhiều kiếp không tự biết mình sẽ nương tựa về đâu, có thể bảo là khổ cùng cực. Dầu có đức Di-lặc ra đời mà mình không tự biết sinh ở chốn nào. Tiếng cha mẹ, Tam bảo còn không được nghe, huống là luận bàn kinh giáo. Tuy nhận thân khác nhưng tiếc giữ sâu nặng, nhân nghiệp gây thêm nghiệp, từ mê mờ vào tăm tối, ham sống sợ chết không khác chi ngày nay. Nếu không ngay chính phút giây này đây mà bắt chước học đòi các bậc Đại giác trượng phu đi trước, mạnh mẽ phát tâm rộng lớn, lập chí quyết định hăng hái phô bày sức mạnh nâng đánh xô núi, một nhát cắt đứt lia, trốn thoát khỏi chốn rừng rậm, khiến mở toang hai đầu dứt bỏ khoảng giữa đầu thể nào hạnh nghiệp sáng rõ, phóng quang náo động cả nhân thiên, các quần sinh đều nhờ ân, chư Phật cùng hộ niệm. Đóng chặt ba nẻo ác thú, mở toang cửa tổng trì liền khiến không cần đợi hết báo ở cõi Ta-bà mà liền được vãng sinh ngay. Còn như lại chờ đợi chỗ nơi yên ổn, y phục ăn uống đầy đủ, sẵn đủ hương hoa, mọi việc đều xứng

ý, nghĩ trước tính sau, chọn ngày giờ tốt, khắp ơn đều oán trả, mọi việc đều xong rồi mới cất bước lên đường, bắt tay vào việc. Chừng đó giả sử cõi hư không này có cùng tận chứ ngày ấy không bao giờ có. Đó gọi là ngày nắng tạnh lại chẳng chịu đi, đợi đến lúc mưa dầm dề hay sao? Lời xưa có nói: “Nay được nghỉ ngơi cứ nghỉ ngơi, cố tìm lúc rảnh, rảnh đâu tìm, đây là nói việc ấy vậy.”



BẢO VƯƠNG TAM-MUỘI NIỆM PHẬT TRỰC CHỈ

QUYỂN HẠ

10. Khuyên Không Sát Sinh.

Ngài tướng quốc Bùi Hưu từng viết bài tựa của sớ kinh Viên Giác có ý tóm tắt thế này: hễ thuộc loài có khí huyết thì tất có hiểu biết, hễ có hiểu biết thì tất đồng thể. Đó gọi là chân tịnh minh diệu, hư triệt linh thông, cao vót mà riêng còn. Do cái quán đó mà biết các loài bò bay máy động đến các loài siêu vi bé xiu và các loài có thân to lớn như sư tử, voi, rắn rít... cùng một diệu tâm viên giác của mười phương chư Phật, hư triệt linh thông, đồng một thể chân tịnh thì sao có thể phân biệt là hơn kém. Chúng sinh và Phật đã đồng nhau, thì người dù là loài chí linh há chẳng phải cùng với các loài ấy đồng một thể tánh, cùng bản chất là tứ đại, năm hành và đồng sinh sống trong khoảng trời đất này, như các loài chuột hoang, yến núi trên ứng với càn tượng giống như cả mặt trời mặt trăng, có thể giữ việc họa phước cho người, đâu không bằng người ư? Lý này đã rất sáng tỏ, bèn biết rằng người cùng loài vật có tính đồng thiên luân, đây kia đều không khác. Há lại ỷ mình một lúc đang thời mạnh bạo thừa lúc các loài kia yếu kém mà mặc tình giết hại sao? Lại các loài ấy có khác với người chỉ vì từ vô thủy chúng có vọng tưởng quá nặng, bị nghiệp ác lôi kéo, nên mê mờ không biết không hay, thay hình đổi dạng thọ sinh làm loài khác, chứ không thể bảo rằng tâm thể có khác. Thể đã không khác lại cùng các loài ấy cùng ở trong sinh tử, cớ sao lại bảo nên chẻ xương lột da, thọc huyết lóc thịt, móc gan ruột... hoặc đem cân đo mua bán, nấu nướng trăm món đủ điều, mặc tình ăn nuốt. Chế biến đủ thức ngon, ăn uống thỏa thuê vừa miệng đầy bụng mà không hề đoái hoài lo sợ cái đau khổ nhiều kiếp ở ác đạo sắp tới, lầm lỗi lắm thay. Loài người tuy bảo là có hơn các giống vật ấy, đó là vì nghiệp báo quả dữ chưa đến đó thôi, đâu phải là thật sự hơn chúng. Hướng chi các loài ấy khi nghiệp báo đã hết sẽ có loài lại sinh làm

người, làm trời cũng có khi là chính các Thánh nhân, chư Phật, Bồ-tát thị hiện ra thân loài ấy. Ta vì bị mê chướng nên không biết mà thôi. Sao ta lại nỡ giết hại thân mạng rất quý trọng kia để thỏa mãn khoái khẩu trong chốc lát, chợt khi nghiệp báo làm người đã hết thì lại chịu thân còn thua các loài ấy. Sao lại bảo rằng thú vật là món ăn của loài người mà cho rằng nó không bằng ta. Huống lại từ kiếp xa xưa thân ta đồng loại với chúng, chúng đồng loại với ta. Trong các loài ấy biết đâu không phải cha mẹ, anh chị em, vợ con, bạn bè thân thuộc. Do vì hình thể thay đổi, tâm luôn mê mờ mù mịt nên không biết nhau, do đó mà dối bảo chúng là kém ta. Nay ta giết hại chúng để ăn thịt, tức là đã giết hại ông bà cha mẹ bà con thân thuộc của ta từ nhiều kiếp trước đây. Vả lại thân ta do tứ đại tạo nên thì cũng là giết hại thân tứ đại cũ của mình vậy.

Lại như Đức Phật có nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đời vị lai tất sẽ thành Phật, còn phải nên cúng dường, hầu hạ, tưởng như cha mẹ ruột, sao lại nhẫn tâm giết hại. Nếu giết đi thì cũng chính là giết Phật vị lai, đâu chẳng sợ ư? Than ôi người thời nay ưa giết hại, không biết nhân đời trước, trong lúc thân thiết thương yêu gặp phải hoàn cảnh trái ngang đã nhiều phen tạo bao ngang trái. Rồi từ thân thành oán, từ oán kết hận thù, oán thù chồng chất mãi lên nhau đời đời không mất. Do đó mà cùng sinh ra, cùng giết hại nhau, xoay vần mãi không thôi. Như nước triều kia hết lên rồi xuống, hết đầy rồi vơi, qua lại mãi không tự dứt được. Nghĩ về mình rồi xét kỹ chúng đâu chẳng đau xót lắm sao? Trong kinh Phạm Võng: “Đã cấm tự mình giết hại cho đến việc bảo người khác giết, giúp phương tiện, khen ngợi vui thích hoặc nguyên rửa trừ ẻo... việc giết hại và các pháp nghiệp nhân duyên đều phải dứt hẳn. Đây là lời dạy rất nghiêm khắc chân thành của Phật vậy. Nếu ta không ngưng nghỉ mà cứ mãi ăn thịt lẫn nhau thì sẽ giúp những kẻ làm các việc ác như săn bắn bẫy rập câu lưới... càng thêm nhiều, khiến tất cả chúng sinh không nơi ẩn trốn. Khi chẳng may lọt vào tay người thì tất cả lông, cánh, vảy, mai... đều bị vặt sạch, lột trụi, tiếng kêu la rên siết inh ỏi chưa dứt mà chúng đã bị ăn nuốt rồi. Hoặc đem trao đổi mua bán các vật khác để nuôi thân, đâu không biết rằng tất cả loài vật đều biết ham sống sợ chết giống y như ta. Nếu ai biết rõ đó là những thân nhân từ nhiều đời trước mà bỏ hẳn nghiệp giết hại thì chính là kẻ hiếu đạo hoàn toàn. Kinh nói rằng hiếu tức là giới, tức cấm sát sinh là hiếu vậy. Vả lại các loài vật ấy đủ tánh biết trước nhưng vì tránh không đúng lúc, trốn chẳng đúng nơi. Huống lại trời đất bao la cũng phải tự tìm chỗ để kiếm sống, vì không thể tự nuôi sống được nên cả hai bên cùng phải

gặp nhau, nên nay phải lọt vào tay người, ấy là vì nhân kiếp trước nên không trốn thoát được. Nhân ở kiếp trước đã không thể trốn thoát thì nhân ở đời nay tự mình phải suy xét kỹ lưỡng để tránh mọi đau khổ. Nếu như không ngăn cấm thì nghiệp giết hại giữa hai bên sẽ lôi kéo xoay vần đổi chỗ cho nhau, đâu thể trốn đi được. Kinh nói: Giả sử trải cả trăm ngàn kiếp, thì nghiệp tạo ra kia vẫn không mất, đến khi nhân duyên gặp nhau thì tất phải gánh lấy quả báo ấy, đâu phải lời nói suông. Cho nên đức Thế Tôn, đấng Tịnh giác hoàn toàn của chúng ta, hóa hiện ra tướng người ở trong các pháp hội đều khuyên dạy giới sát-này, đĩnh ninh khuyến cáo răn cấm đến nhiều lần. Và lại lấy giới sát-này làm đầu, trong các phạm hạnh thì đều rất là nghiêm khắc. Lại còn thị hiện việc vua Lưu Ly tàn sát giòng họ Thích, Đức Phật cũng bị đau đầu và bị báo kim thương là để làm gương cho đời. Đó là vì muốn người biết việc nhân quả khó tránh thoát để cùng ngăn cấm việc giết hại, khá chẳng tin sao. Có kẻ bảo Phật không có việc đó nhưng vì chúng sinh mà thị hiện ra việc này, thì Thánh nhân có lỗi lừa dối người. Phật đã không có lỗi thì việc này đâu lại chẳng phải sự thật. Đã là sự thật mà Đức Phật còn phải chịu như thế huống là loài người chúng ta, cho nên biết rõ cái lý của Sự báo đền như bóng theo hình. Lại như người đời trong cuộc sống ngay cả đối với bạn thân chỉ cần một lời sơ suất trái ý nhau hoặc bội bạc điều gì, còn oán hận suốt đời cho đến chết, huống lại banh thầy xé thịt ăn uống no say, thù hận đó dễ quên được sao. Vả như sách thế tục còn dạy không nên bao vây, không tấn công thành linh, chỉ câu mà không lưỡi, săn bắn mà không bắn ban đêm. Lại dạy khi nghe tiếng kêu la mà không nở ăn thịt... cũng giống như ba tạng tiệm giáo của Phật cũng nói là cho ăn ba thứ tịnh nhục. Tuy không bằng Đại thừa phương đẳng ngưng hết nghiệp sát thì dần dần cũng dừng cả việc sát hại. Dần dần ngưng việc giết hại còn có chí đức và loài cầm thú ngợi khen. Huống là ăn uống chay tịnh, mặc sô gai, lòng chuyên việc từ bi nhẫn nhịn, không hề đối xử tàn bạo với một vật nào khiến chúng đều sống an ổn. Há chẳng phải là đức hoá vô biên đáng ngợi khen ngợi ư?

Vả như người xưa còn không hề chịu được việc để xương khô phơi ngoài sương nắng, dầu xương khô nào có biết gì mà lòng còn bất nhẫn đành phải đem chôn lấp kín đáo thay. Huống là vật có mạng sống, có máu thịt đồng tánh linh mà có thể giết để ăn thịt được sao? Lão tử có nói: “Săn bắn dọc ngang khiến lòng người phát cuồng.” Lại nói bắn chim rượt đuổi muôn thú, phát quang làm kinh sợ muôn thú, mặc tình giết hại, vô cớ phanh thây nấu nướng, cho đến đi đứng nằm ngồi đều

tàn hại sinh vật. Trong khoảng trời đất có quan tra xét, thừa lệnh đức hiếu sinh của Thượng đế, tùy tội nặng nhẹ đều ghi chép kỹ càng, một sợi tóc cũng không sót, khiến kẻ gây tội phải bị giảm tuổi thọ và chiêu cảm các điều trái ý. Đến khi chết phải bị đọa vào địa ngục chịu mọi thứ khổ hình như núi dao rừng kiếm, chặt xả nấu ram, kéo ruột móc phổi, lột da ăn thịt, chẻ xương nạo tủy, đập đầu móc mắt, thiêu đốt tay chân, ở khắp các địa ngục lớn không nơi nào là không trải qua. Quét đá mòn thành bụi thì cũng không thể lấy thời gian dài lâu đó mà dụ cho số năm ở trong địa ngục được. Dầu cho khi nghiệp báo trong các ngục lớn đã hết thì lại phải đọa làm loài ngựa quỷ cả trăm ngàn kiếp, rồi lại đọa làm loài súc sinh cũng với số kiếp ngàn ấy. Trong loài súc sinh thì giết một mạng sẽ báo đền một mạng. Nhưng nếu tâm sát quá nặng thì giết một sẽ có báo gấp ngàn vạn lần cho đến vô tận mới gặp lại người cùng ta giết nhau như trước đã gặp để hoặc giết hoặc ăn hầu đền trả cái nợ đời trước, dù may cũng không sai sót. Nếu như kiếp trước có chút ít lành nay được sinh làm người thì vẫn phải chịu đời đời nghèo hèn cùng khổ, cô quả, nhiều bệnh, chết yếu, điên khùng thất chí, đui điếc câm ngọng, ghê lở, ung thư, máu mủ... trăm ngàn khổ não, vương vùi đầy thân, tất cả bao nhiêu cảnh oán thù đều tập hợp trên người, bà con thân tộc đều lánh xa bỏ rơi không thể chịu đựng nổi. Đây là do nghiệp sát đã quá sâu dày cho nên phải gánh chịu các khổ cùng cực đến thế. Ấy là lấy từ thiên sách dạy giới sát của Tử Đồng đế quân. Kinh Thư cũng nói: Ai làm ác thì cả trăm tai họa sẽ giáng xuống đầu, chẳng phải thế sao? Vả lại dầu khác loài cũng có nhân tâm, đúng lý đâu nên giết. Có lẽ hiếu hạnh thì như dê con còn biết quỳ xuống cho dê cha mẹ bú, quạ hiền biết dứt mỏ nuôi cha mẹ. Còn về trung nghĩa thì như loài giải trại bất khuất, loài chó Hồ biết bảo vệ chủ. Loài ong kiến còn có chúa có tôi, loài uyên ương thì chỉ một vợ một chồng, loài chim nhạn khi bay thì biết nhường anh em, kêu gọi bạn bè... xem các loài quần sinh như thế thì có khác chi người. Loài người tuy là vật chí linh nhưng nhiều kẻ suy ra lòng thương xót đồng loại lại không bằng cả loài hàm thức, lại đi giết chúng mà ăn uống để nuôi sống riêng mình. Như thế mà đáng gọi là chí linh, là nhân từ được sao?

Lại quan Lục Tuyên (Hoàn) đại phu hỏi Ngài Nam Tuyên rằng: “Đệ tử nên ăn thịt hay không nên ăn?” Ngài Nam Tuyên đáp: “Hễ ăn thì là lộc của đại phu mà không ăn thì là phước của đại phu.” nghĩa đã khá rõ. Dầu kẻ thế tục ở đời có thiết tiệc đãi khách hoặc gặp khi thiết lễ cúng tế đâu không thể dùng các thứ rong rau quả, phần đông dưng cúng

các vật ngon cho nghi thức này thì phải bảo toàn đạo trai giới.

Lại như kinh có nói thuở xưa có con một người đồ tể muốn xin đi xuất gia vì không thích sát sinh. Người cha đưa dao và dê cho đứa con rồi đóng kín cửa lại bảo: “Nếu mày không giết dê thì cứ giết mày.” Thế là người con tự sát. Do công đức ấy nên người con được sinh lên trời hưởng khoái lạc trong nhiều kiếp. Thế mới biết người không sát sinh đã được sinh vào chỗ tốt, thân được sung sướng mà đời đời lại được báo sống lâu, lại hay để đức cho con cháu nhiều đời. Nhưng hiện nay Phật pháp sắp diệt như chín đánh to treo sợi chỉ mảnh, phần lớn có nhiều đệ tử Phật không thể hiện được đức Từ bi của Phật, ăn uống vô độ. Thấy người chay tịnh thì chê là Tiểu thừa, là ma đầu, thậm chí có lúc còn sánh với trâu dê ngỗng lợn. Hạng người này tâm quá độc ác, trăm điều nguy hiểm để che dấu tội lỗi của mình. Đám ác nhân này thần Thánh thấy đều giận ghét, bảo đó là đám quỷ La-sát ăn thịt người. Thật ra đám quỷ kia còn thật thà ngay thẳng hơn hạng người ấy nhiều. Rõ ràng đây là điềm Phật pháp sắp diệt mất không thể không biết. Còn như ông Tử Sản còn phát hiện được việc cá biết than thở, vua Tề bắt nhả khen đó là lời không gây thương tổn cho thuật nhân, còn ông Đái Ký thì chê việc giết thú là bất hiếu. Có kẻ thư sinh nhân cứu bầy kiến mà được đỗ khoa cao, cho nên biết việc giết hại và không giết hại thì chiêu lấy những tổn hại và ích lợi rất rõ ràng. Huống cho bọn ta tứ chúng đệ tử Phật lại làm nghiệp sát hay sao? Kinh Lăng-nghiêm có nói vì người ăn thịt dê, dê chết làm người, người chết làm dê, đây đền mạng cho kia, kia phải trả nợ cho đây. Do nhân duyên đó mà trải suốt trăm ngàn kiếp luôn ở mãi trong sinh tử. Lại bảo rằng đời đời kiếp kiếp trở lại ăn thịt lẫn nhau, đồng tạo ác nghiệp cùng tận đến hết cả bờ mé vị lai cũng chưa dứt. Kinh Pháp Hoa nói những kẻ săn bắn, lưới cá vì lợi mà giết hại, mua bán thịt cá để nuôi sống, chớ nên gận gũi họ. Lại có kệ rằng nếu khi muốn sát sinh, hãy tự quán thân mình. Thân mình không nên giết, mạng vật có khác chi? Những lời dạy chân thành tha thiết này há chẳng đúng thật ư? Có kẻ tà kiến bảo rằng các loài chúng sinh kia chỉ vọng sống vọng chết, tội phước vốn không, giết đi chẳng có quả báo gì, vậy sao lại không bảo bọn ta cũng vọng cầu vọng ăn, mùi vị ở lưỡi vốn không, ăn chỉ vô ích. Chính đây là do tâm tham gây ra, đâu không có báo cảnh. Nếu bảo rằng loại này không ăn thì dùng để làm gì. Như vậy rấn rít bọ cạp đều là vô dụng sao không ăn nuốt đi. Những việc nêu trên chính là xét mình mà suy ra loài vật đều bình đẳng không nên giết hại thì ai nấy đều thật hành đạo nhân từ. Nay kẻ xuất gia chúng ta muốn tu pháp môn niệm

Phật Tam-muội thì Tam nghiệp cần phải thanh tịnh, cõi bỏ hết mọi oán thù để sinh về cõi Tịnh độ, há không bỏ nghiệp giết hại để ăn uống, để đến lúc lâm chung phải bị tai chướng ư? Trong các đại tạng kinh đều rộng nêu các giáo chỉ của chư Phật, một lời trước sau đều không khác. Các lời khuyên dạy trong ba tạng Thánh giáo kinh luật luận đều rõ ràng, ghi chép đầy cả sách vở khó thể trích dẫn hết được. Chỉ mong cả pháp giới chúng sinh khi nghe hiểu nghĩa thú này thì thể đạo hiếu sinh, đồng lên bậc nhân thọ, đều sống trọn hết tuổi trời, tránh khỏi hết các oán kết, lại hay đúng pháp khuyên dạy người, hoàn thành đầy đủ đạo từ bi cứu khổ của Thánh nhân, khiến mình và người đều chứng được từ tâm, quyết cùng tạo nên cõi Liên hoa, đồng thành quả chánh giác vậy.

11. Khuyên giữ các giới khác.

Có người hỏi: Nay nghe niệm Phật trực chỉ nói cấm việc sát sinh, chính là chỉ thể hợp cơ nghi, sự lý đều đủ, đúng là một lời dạy thật lợi vật ích đời. Dám xin hỏi rằng chỉ có giới cấm sát sinh đây là cùng tột, hay cũng cần phải giữ kỹ các tội ác là đạo, dâm vọng v.v... khác. Nếu tất cả giới đều phải giữ, vì sao chỉ nói gọn có giới sát?

Đáp: Ôi sao ông lại bảo thế ! Ông chẳng từng nghe trong kinh đều nói đủ các giới, đâu có nói riêng giới sát. Chẳng qua nghiệp sát quá nặng chung cả kẻ sang người hèn và rất khó trừ dẹp, cho nên đứng đầu các Chánh hạnh. Trước hết phải dẹp bỏ giết hại thì mới có thể giữ đủ các giới khác, nên cần phải nói rõ. Giới thể đâu có việc lấy bỏ. Lại nếu giới đức không tu thì căn cứ vào đâu mà lập hạnh, cũng như bình hũ muốn chứa đựng chất đề hồ, trước nhất cần phải thật sạch sẽ. Người tu Tam-muội cũng thế, các giới quyết phải thanh tịnh thì Tam-muội mới thành, vì dù nghiệp đời trước quá sâu nặng, khó dẹp trừ nhanh chóng thì phải nên tìm đủ mọi cách để chế ngự đề bẹp. Phải luôn tự khuyên gắng tâm mình, kiểm điểm tự thân hối lỗi, tu tứ niệm xứ, hiểu rõ ở thế gian là vui ít khổ nhiều, vô thường luôn hư hoại không bao lâu sẽ tiêu mất. Tất cả các pháp đều không trong sạch, như mộng huyễn và vô ngã. Phải lập ra các phương tiện như thế mà khiến chúng phải đoạn dứt. Đâu thể theo vọng niệm mà không làm chủ được mình. Lại dù giới đức có đầy đủ mà không khiến thân tâm lắng nghe, dứt hẳn các thứ nghề khéo, thuật mọn của thế gian, cho đến tất cả thứ hoặc lành hoặc dữ khiến tâm niệm phân tán, nếu không dẹp bỏ đi thì làm sao mà nhất tâm chuyên tu pháp Tam-muội này. Nếu Tam-muội không chuyên nhất thì do đâu mà được vãng sinh. Song hiện nay vô minh nghiệp thức của tất cả chúng sinh đầy khắp pháp giới, dẫu chỉ khởi lên một niệm tâm thế tục, liền bị

tất cả trần lao, các đấng ma quái như thế v.v... lôi kéo đi, toàn thân bị kèm kẹp vùi lấp, không có ngày thoát khỏi. Cũng như con cá đang bơi lội bị vướng phải một sợi tơ mỏng thì tai họa không phải nhỏ. Tâm niệm còn thế huống là thân ra làm. Nay tu pháp môn Tam-muội này chính là muốn được nhất tâm, như tên bắn trúng đích, không phải đợi lúc thân này báo hết mới trốn thoát chốn rừng rậm mà quyết vãng sinh Tịnh độ. Há có thể bỏ giới luật mà vướng víu theo duyên, ý chí hạnh nguyện dần dà khiến pháp môn Tam-muội không thành lại bị đọa vào ác đạo, há chẳng đau đớn lắm sao? Nếu quả như có nghe học mà không giữ giới thì khi lâm chung không có chứng nghiệm, chớ nên bảo rằng Phật lực không cảm ứng vậy.

12. Cố gắng tinh tấn.

Tinh tấn thì không bị tám thứ gió ở thế gian làm cho lui sụt. Lại không làm cho thân tâm đổi khác, vì tất cả những bệnh duyên lớn nhỏ khiến việc làm bị sơ suất, nên gọi là tinh tấn. Người tu hành đã nương vào lời khuyên dạy mà phát tâm đoạn dứt nghiệp sát, dần dần giữ đủ các giới khác, nếu muốn vào Tam-muội. Khi ở trong Tam-muội có thể bị tất cả hai thứ ma mạnh mẽ và mềm yếu nó làm mê loạn cả trong ngoài khiến người tu hành bị lui sụt, lúc đó cần phải hết sức trì chí mạnh mẽ kiên cường thêm nhiều, tinh tấn như Kim cang tràng không có gì phá hoại được, như núi Tu-di không có gì lay động được, như biển cả to rộng kia các chất độc không thể làm hư hại được. Giả sử người tu hành nghe lời Phật thọ ký rằng dẫu ngày nay ông tu hạnh này nhưng quyết không thể nào vãng sinh lên nước An dưỡng kia được thì liền thưa rằng: “Lành thay ! Bạch Thế Tôn, trước đây con tin nhận lời Phật thọ ký mà cầu sinh lên Cực lạc. Đức Phật Thích Ca có nói tất cả chúng sinh đều nên phát nguyện cầu vãng sinh về cõi nước ấy. Cõi ấy còn không hề phân biệt với số người nữ, thiếu căn và cả đám người phạm mười tội ác, tội ngũ nghịch phải đọa ngục A-tỳ thay, huống gì con. Con dù hiện nay đọa hạnh còn yếu nhưng không hề phạm tội ngũ nghịch, niệm hơn mười danh hiệu Phật thì chắc chắn là phải được vãng sinh. Đức Phật ấy đâu thể tự dối mình, chịu trái với lời nguyện xưa. Huống cả mười phương chư Phật đều hiện ra tướng lưỡi rộng dài, minh chứng rõ ràng cho việc đó. Thế nên nay con nhất định cầu vãng sinh không dám lui sụt.” Như thế gọi là kẻ tu hành có sức “Kim cang diên tràng” rất mạnh mẽ. Lời Phật thọ ký mà còn không thể làm lui sụt ý chí ban đầu của ta thay, huống là bọn thiên ma ác đấng, hay trong các hoàn cảnh bức ngặt như nước, lửa, cướp bóc, cường tà, kể cả tình ái thâm thiết... trong loài người

lại có thể lay động hạnh nguyện của ta được sao?

Có kẻ hỏi: Tôi thấy ở đời có kẻ tu mà không được vãng sinh là tại sao?

Đáp: Ấy là bởi dị kiến mà việc thực hành không nghiêm túc.

Hỏi: Nếu thế thì công lao ấy tiêu phí uổng mất chăng?

Đáp: Công lao ấy đâu uổng phí, bởi người đó nương nơi nguyện lực của đức Di-đà, nếu đời này không sinh thì đời thứ hai sẽ sinh, đời thứ hai không sinh thì đời thứ ba tất phải vãng sinh. Nếu nhất niệm nhất động đều luôn hướng về Đức Phật ấy thì nhiều đời ở vị lai chắc chắn sẽ được vãng sinh. Đã gọi là “đều được bất thoái chuyển” thì đâu thể không sinh ư? Cho nên biết người được sinh vào cõi nước ấy thì được không lui sụt. Kẻ tu hạnh này tất cũng được không lui sụt, nhưng kẻ ấy sẽ sinh vào các đời sau này thì chỉ uổng là phải chịu nhiều kiếp bị khổ luân hồi, cho nên cần phải quyết chí một đời, đâu nên nuôi chí ở đời thứ hai để rơi vào đời khác mà chắc được vãng sinh sao? Trong trường hợp nếu do nghiệp đời trước khiến hạnh nguyện có phần thiếu sót thì cần phải chuyên một lòng luôn tụng bài chú Đà-la-ni bạt nhất thiết khinh trọng nghiệp chướng đắc sinh Tịnh độ này. Nếu tụng chú này một biến thì bản thân liền được diệt hết các tội về ngũ nghịch và thập ác. Nếu tụng được mười vạn biến thì sẽ được không quên mất tâm Bồ-đề. Nếu tụng được hai mươi vạn biến thì cảm được mầm mống Bồ-đề phát sinh. Nếu tụng được ba mươi vạn biến thì Đức Phật Di-đà luôn ở trên đỉnh đầu, quyết định sẽ được sinh về Tịnh độ. Bài chú này mà đời thường trì tụng tuy là rút từ bản tạng nhưng tiếng và câu đọc lên có nhiều lầm lẫn. Nay bài chú được truyền lại đây là thời gần nhất do Ngài Tam tạng Pháp sư Sa-la-ba dịch ra, so với các bản khác thì rất rõ ràng. Người tu hạnh Tam-muội này cần nên trì tụng để làm Chánh hạnh trực chỉ. Nay xin phụ lục bài chú ấy như sau:

Nại ma lạt đất nạp. Đặt ra gia dã. Nại ma a lý dã. A di dã bạt dã. Đát đạt cả đát dã. A ra yết đế. Tam mê tam bất đạt dã. Đát đích dã thát. Úm a di lý đế. A di lý dã. Ốt ba vĩ. A di lý dã. Tam ba vĩ. A di lý dã. Cát lý bỉ. A di lý dã. Bệ đế. A di lý dã. Đế tế. A di lý dã. Vi yết lan đế. A di lý dã. Vi yết lan đế. Cả di nễ. A di lý dã. Cả cả nại. Yết lý đế cát lý. A di lý dã. Đốn độ bỉ. Tô oa lý. Tát lý oa. A lặc thát. A đát nễ. Tát lý oa. Cả lý ma. Kiết lý xá. Kiết lý dã. Cát lý. Ta hát.

Cũng gọi là Vô Lượng Thọ Như Lai căn bản chơn ngôn. Thật tinh tấn tụng chú này sẽ mau vãng sinh Tịnh độ.

13. Chánh hạnh.

Như trên đã nói hai cảnh y chánh cho đến tinh tấn tuy đều là viên diệu đều là phương pháp cầu vắng sinh nhưng chưa phải là Chánh hạnh. Sau đây sẽ xin trình bày về ý chỉ của Chánh hạnh.

Nói về Chánh hạnh, thì hành giả khi đã phát chí này thì tất phải kh-iến thân tâm đều thanh tịnh mà vào đạo tràng. Trước hết cần phải quán sát ta và tất cả chúng sinh ở trong vi trần sát hải khắp hết cõi hư không, luôn ở trong biển cả sinh tử trải vô số kiếp không dứt, trôi giạt đắm chìm trong sáu nẻo không ai cứu giúp, không chỗ quay về. Nếu không khiến họ được hoàn toàn giải thoát thì đâu thể gọi là Chánh hạnh. Do đó mà cảnh oán thù thân thích đều xem như nhau. Từ các cảnh đó mà khởi tâm Đại bi lớn như hư không, bao trùm rộng khắp. Lại suy nghĩ rằng nay thân ta đây như cục bửu độc ghê lở, là một đồng toàn oán nghiệp. Nếu không dùng thân này mà bố thí cho chúng sinh đều tu hạnh Tam-muội, khiến họ được giải thoát thì trái lời Phật dạy răn, đi ngược với bốn nguyện của ta. Chúng sinh phải chịu bao nhiêu khổ não rất đáng thương xót, ta nay hãy phát tâm như sư tử chúa ra khỏi hang, không cần bè bạn, không cần ai giúp đỡ cất tiếng gầm thét vang động, thu phục tất cả, nhất định không bị bọn tặc ma, ác đảng khiến lui sụt. Khi tâm to lớn như thế đã lập rồi sau đó mới xét kỹ về Chánh hạnh niệm Phật của các Bạc hiền đức thuở xưa. Phải chọn nơi chốn thiên nhiên vắng lặng, chỗ nơi chưa bị nhơ bẩn trước, phải dẹp bỏ tất cả mọi của cải thì mới có thể làm kẻ ăn xin. Rồi đứng pháp mà kiến lập đạo tràng. Dưới nền thì đắp bùn thơm, phía trên thì treo bảo cái, ở giữa thờ phụng đủ hình tượng ba thân và chín phẩm khiến thật sạch sẽ trang nghiêm. Lại trưng bày các phan phướn hoa hương, các vật cúng dường thật đầy đủ đều phải thật trang nghiêm vi diệu. Sau đó mặc áo đắp y mới sạch sẽ đốt đèn xông hương và trải tọa cụ. Hết thấy bao nhiêu thiện căn có từ vô thủy đến nay, khắp vì chúng sinh mà hồi hướng về cõi Tịnh độ, trang nghiêm hạnh nguyện. Nếu không hồi hướng như thế thì làm sao có được sinh nhân. Do đó ba tâm trọn phát, năm vóc chí thành quán tưởng tướng hảo của Đức Phật, quỳ gối chấp tay, cho đến vận tâm khắp duyên với vô biên sát hải, tất cả chúng sinh và thân này của ta từ xa xưa tới nay luôn trôi giạt không trở lại, thối thiết đau khổ, buồn thương rơi lệ, mong Phật rủ lòng Từ bi thương xót. Bất giác thân này như tòa núi lớn sụp đổ, kính lạy Tam bảo, tay dâng hương hoa tưởng khắp cùng pháp giới thỉnh mời và khen ngợi công Đức Phật, chí thành kính lạy, phơi bày cả ruột gan phát lồ tội lỗi, tu năm phép sám hối, đi nhiều vòng quanh mà nương về. Rồi ngồi ngay ngắn quay mặt về hướng tây, quán tưởng tướng đẹp của Phật, lại tụng kinh niệm Phật, ra vào kinh

hành ngày đêm đủ sáu thời. Quy định thời khắc nghiêm nhặt luyện tập tu hành, nếu chẳng may nghiệp chướng quá sâu nặng chưa cảm được, lấy chết làm hạn kỳ mà luôn cố gắng mãi, không một khoảng khắc nào nghĩ tưởng đến ngũ dục của thế tục. Nếu chuyên nhất tâm ý như thế mà không vãng sinh thì Đức Phật của chúng ta là kẻ đại vọng ngữ, cho nên thần lực của Tam-muội này như thế. Pháp Tam-muội này chư Phật đều khen ngợi, các Thánh đồng tuân hành. Lần đầu tiên được xưng lên ở Lô Sơn, về sau truyền bá rộng khắp thiên hạ, đời đời truyền nhau càng rộng lớn, đều lấy đây làm chỗ hướng về. Các nghi quỹ của Tam-muội tuy nhiều nhưng chỉ có bản tuyền soạn của Ngài Từ Vân là rõ ràng tóm tắt được ý quan yếu chính chắn nhất. Đây là hạnh cao bậc nhất, cảnh giới rất thậm thâm. Người tu học ở trong đó phải hết sức cố gắng cẩn thận chớ bỏ đây mà theo kia. Còn như căn cơ không bằng nhau, thắng hạnh khó vẹn toàn thì cũng phải ở luôn trong tịnh thất, khiến trong ngoài thanh tịnh nghiêm túc mà tùy ý lập hạnh, lễ Phật sám hối, mỗi ngày định ra mấy lần phát lồ sám hối, tinh tấn nhất tâm thề rằng không hối tiếc. Hoặc chuyên tụng kinh, hoặc chuyên trì chú, hoặc chỉ niệm danh hiệu Phật cầu được vãng sinh ngay. Hoặc có thể thấu suốt pháp và nghĩa về quán tưởng y chánh của Phật đến khi nào thấy được hảo tướng thì liền biết rằng tội đã dứt và duyên đã sâu, thế nào cũng được sinh vào cõi nước ấy. Như kinh có nói rằng không thể do một ít nhân duyên thiện căn phước đức mà được vãng sinh vào cõi ấy. Nếu có người nghe nói việc trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà từ một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm không tán loạn, khi người này mạng chung thì Đức Phật cùng Thánh chúng sẽ hiện ra trước mà tiếp dẫn, liền được vãng sinh. Cho nên biết việc trì danh hiệu Phật là nhân duyên rất nhiều thiện căn nhiều phước đức. Lại có người chưa thể dứt hết duyên đời nhưng cũng tu các điều thiện ở đời, lại đối với cõi nước Cực lạc mà tin tưởng chắc chắn không chút nghi ngờ, niệm niệm ham thích mến mộ không hề quên, đối với hạnh trước mà tùy ý tu tập, cả đi đứng nằm ngồi luôn lấy đó làm chỗ nương về, khi tiếp xúc với cảnh thì thấu đạt đến nguồn gốc sâu xa, khi gặp việc hạnh lực đầy đủ phương tiện, đến khi lâm chung chắc chắn là sinh về cõi nước ấy. Song các hạnh này rõ ràng ngắn gọn tuy có nhiều chỗ không đồng nhau, nhưng về pháp lực thì vốn bằng nhau cả. Nhưng vì sự chú tâm có chậm có nhanh cho nên việc ứng hiện của Phật cũng có nhanh chậm. Kẻ tu học không thể không biết việc này.

Lại có pháp môn Từ Vân thập niệm thì vào mỗi buổi sáng, tắm rửa súc miệng xong xuôi, ngồi nơi sạch sẽ yên tịnh quay mặt về hướng

Tây, cũng cần nên tu hành, đây mới thật là nhân nguyện bước đầu cầu vãng sinh cõi Cực lạc, tất không thể mất đi. Các hành tướng như trên nghĩa đầy đủ rõ ràng, có thể gọi là nghĩa quá đầy đủ. Có kẻ bảo rằng người ấy đối với việc niệm Phật tuy vận dụng cả thân và miệng, nhưng tâm niệm lại phân tán, không thể tự kiểm chế, vậy phải làm cách nào để tâm không tán loạn?

Đáp: Cứ nên vận dụng cả thân và miệng mà niệm danh hiệu, đừng chú ý đến sự tán loạn ấy, không nên gián đoạn chút nào thì tự có thể được nhất tâm. Cũng có thể nói là liền gọi là nhất tâm vì chỉ có việc cứ tiếp tục làm mãi không thôi thì chắc chắn không cần phải lo việc tán loạn nữa. Cũng như cha mẹ vừa mất đi đứa con yêu quý, loài rồng mất viên ngọc hộ mạng, lúc đó dù không bắt tâm chuyên nhất thì tâm cũng tự chuyên nhất chú ý vào một chỗ, há lại cố chế phục bắt nó phải chuyên nhất ư? Tâm này vốn không thể chế phục được. Thật ra chính người tu hành chuyên cần hay lười biếng mà thôi.

14. Nói về việc tu Tam-muội của khách giữa đường.

Đạo tràng đã đầy đủ, mọi sự cúng kiến đã bày biện xong, tất cả đều đúng nghi thức, đâu có thể tùy thời mà để luống qua. Thế nên phải căn cứ vào giáo chỉ vận dụng quán tuệ, hiểu rõ diệu cảnh, nương vào tâm cao quý này mà lập hạnh vô tác thì biến sinh tử tất phải khô cạn, Tịnh độ liền được vãng sinh.

Bấy giờ, có vị khách đến pháp tòa đáng diệu rất ung dung tự tại, tao nhã trọng hậu, ý chí không khiếp sợ, chợt lạy xuống mà thưa rằng: “Nay con nhìn xét sự răn dạy của Ngài thì biết vận tâm rất rộng lớn, bao hàm cả căn cơ sâu lẫn cạn, song đều kiến lập đạo tràng khiến mọi sự cúng dường đều đầy đủ, mới an tâm ở chỗ yên tịnh mà nói đến việc khởi tu. Như con sinh sau để muộן thuộc hàng hậu học sau này, căn cơ chậm lụt lại ít học. Từ xưa đến nay trôi nổi hồ hải, phiêu bạt bốn phương, hoặc đến hoặc đi, tuy muốn đến chỗ yên tịnh mà tiến tu, nhưng liệu sức chưa được. Như thế nếu gặp lúc đang lỡ bước giữa đường, không thể nương chốn đạo tràng nhưng cũng cố gắng giữ đủ sáu thời hành đạo, cả Tam nghiệp không sai sót, tụng chú, đọc kinh xưng niệm danh hiệu Phật và lễ sám... tất cả đều đúng nghi thức chỉ cố mong sinh về nước An dưỡng, đồng một thứ với công hạnh ở đạo tràng, bọn chúng con đều tuân giữ đúng đắn. Cúi mong Ngài mở lòng Từ bi rộng lớn, mở bày ý chỉ chưa được nghe biết, xin Ngài rủ lòng riêng chỉ các phương tiện trước sau.

Đáp: Quý thay câu hỏi, thường người đời khi muốn tu Tam-muội thì đòi hỏi phải đầy đủ cả trăm việc, sau đó mới phát khởi tu hành. Nay

theo ý nguyện của ông thì rõ là một loại người xuất chúng. Nếu không có câu hỏi này thì không có dịp tỏ bày hết sự ấp ủ của lòng ta là luôn mong muốn tìm mọi cách để mọi người đều được lợi ích. Bởi vì giáo pháp của Thánh nhân dạy bảo như nước mưa một vị, cả ba thứ cỏ hai thứ cây đều nảy nở tươi tốt, huống là niệm Phật Tam-muội khắp nhiếp mọi căn cơ. Nay ông nếu quyết chí cầu sinh Tịnh độ thì phải biết trong cả bốn thứ đi đứng nằm ngồi đều là đạo dụng cả, há chỉ riêng hỏi cho khách giữa đường ư? Nếu ông muốn lập hạnh này thì trước hết phải lập tâm không dối lừa, phải ấn dấu đạo đức mà lộ vẻ ngu dốt, phải cẩn thận chớ khoe mình. Đầu tiên phải ở hạng thấp kém nhất để trong ngoài được yên ổn. Kế đó dẹp bỏ các duyên, dứt bỏ mọi việc và phải tham dự đầy đủ đọc thuộc kinh chú Tịnh độ và năm pháp sám hối khiến thật thông suốt. Lại phải nên tu tập các oai nghi đã làm khiến đều được đoan trang cao nhã như trước đã nói. Rồi chính tâm chân chánh, vận dụng trí đại bi khắp vì tất cả chúng sinh đúng lý mà quan sát rõ về hai cõi sạch nhơ, hai báo vui khổ thật đáng ham thích và nhàm chán. Đối với “phát hạnh” này đã là khách giữa đường, thì chỗ ở không phải một nơi, rày đây mai đó như nước chảy mây trôi. Cho nên không cần phải có đạo tràng trang nghiêm mà chỉ cần một thân tâm thanh tịnh. Việc mặc thì tùy lựa thứ sạch đẹp nhất đang có. Vào ngày lục trai hoặc người khách ở chỗ nào thì chỉ cần cúng dường tối thiểu một nén hương một cánh hoa nhỏ cũng đủ lắm rồi. Cúng dường Tam bảo là cốt biểu hiện có việc cúng thí. Ở trước Tam bảo quỳ gối kính lạy chí thành, lập nguyện rộng lớn thề quyết không lui sụt, quyết lấy ngay đời sống này làm kỳ hạn nương về, lại không hối tiếc giữa chừng. Dầu không có đạo tràng nghiêm trang thì nên lấy ngày đó làm ngày đầu tiên cho đến khi thở hơi cuối cùng, mỗi ngày đều đủ sáu thời tu hành pháp này, dù hương đèn có hay không cũng không bắt buộc lắm.

Hỏi: Tam-muội thì cần phải nhất tâm mà sự việc của con người thì đa đoan muôn mối. Như thế thì làm sao tu hành, vì Phật sự và thế sự đâu chẳng ngăn ngại nhau?

Đáp: Như chim bị bắt nhốt trong lồng, thân tuy ở trong lồng nhưng tâm chim luôn nghĩ nhớ đến rừng cây đồi núi bao la, rõ ràng hai thứ không ngăn ngại nhau, bởi lồng chỉ có thể cầm giữ được thân chim mà không thể nào trói buộc được ý chí muốn bay thoát. Vì sự việc chỉ trói giữ được thân chứ không thể ngăn giữ được chí nguyện cầu vãng sinh. Đó gọi là ba cõi như lồng, thân này như chim, ý muốn bay thoát là nguyện vãng sinh, vườn rừng đồi núi bao la chính là Tịnh độ, cho nên

biết vọng duyên dù có muôn mối nhưng không ngăn ngại được chân tâm. Huống gì đối với khách giữa đường, việc người khác ít bị quấy nhiễu, tự mình lại không can dự việc người để thân tâm được thản nhiên như như, như thế thì mới là tiến tu tốt đẹp vậy.

Hỏi: Pháp môn tiến tu thì có thứ lớp, mà hạnh nguyện thì lại quanh co nhiều nỗi, làm thế nào để khiến kẻ tu hành chúng con gặp việc mà không lằm?

Đáp: Ngày chia làm ba thời, đêm cũng ba thời, luôn cố định không đổi khác, đó là thứ lớp. Nay khách ở giữa đường thì vào buổi sáng sớm trong ngày, nếu ở nơi nào có tượng Phật, hoặc tượng do mình mang theo, nên đối trước tượng mà miệng đọc thân lạy, hoặc tụng thầm mà lạy. Nếu không có tượng Phật thì nên đối với quyển kinh, hoặc quay mặt về hướng Tây xa trông mà lạy, chỉ trừ hướng Đông ra còn tùy các hướng khác mà tiến tu kính lễ đúng nghi thức như ở chốn đạo tràng. Hoặc có lúc đang đi giữa đường, đang ngồi trên tàu thuyền hoặc gặp các việc bất đắc dĩ khiến thân không thể động dụng được nhưng cũng cố tâm không phớt bỏ, thì tức là Phật sự và thế sự cùng vận động vậy. Lại nên nghĩ rằng làm việc ở đời là cốt để nuôi thân, mà thân ta hành đạo thì công kia đâu có uổng phí bỏ đi, thì liền đồng thể với Tam-muội.

Hỏi: Con thường nghe nói tâm không có hai dụng, nếu được một thì mất một. Vậy làm thế nào để hai việc cùng vận động?

Đáp: Ông không nhớ thí dụ về lông và chim đầy sao, đã quá sáng tỏ rồi còn gì. Vả như nhất tâm mà không hề ngăn ngại gì mắt thấy tai nghe, thân làm tâm nhớ, ứng dụng nhiều vô tận, đâu phải chỉ là hai việc. Dụng đã vô tận thì phải ngay trên tất cả động dụng mà nhất tâm trì tụng một quyển kinh Tiểu A-di-đà, hoặc thượng phẩm, hoặc chương Thế Chí của kinh Lăng-nghiêm và tụng chú Tịnh độ, hoặc ba biến, bảy biến hoặc trăm biến trở lên, hoặc xưng niệm danh hiệu Phật ba trăm, năm trăm đến cả một ngàn hay niệm hoài không kể số để làm sám lễ Phật sự. Hồi hướng xong rồi thì mới nhập sám hối. Về nghi thức lễ sám xin trích đủ trong sám Từ Vân nghi, đầu tiên là cung kính tất cả, kế đó lễ Tam bảo, xông hương tán dương Phật, lễ bái, sám hối cho đến đi nhiều, quy y... tất cả đều phải theo từng tiết, từng đoạn của văn nghĩa mà quán tưởng thân này đối trước Phật và Tịnh độ. Hoặc đối trước hình tượng Phật trong đạo tràng mà quỳ lạy chiêm ngưỡng, đi nhiều... tất cả đều rất sáng suốt tinh táo, không để bị hôn trầm hoặc tán loạn. Khi lễ xong thì quán tưởng Phật và tướng lông trắng giữa chạn mày v.v... tùy sức mà nghỉ ngơi. Do đó như trước đã nói, các việc tụng kinh niệm chú,

xưng danh hiệu Phật và hồi hướng xong rồi thì mới coi là hết một thời khóa lễ của buổi sáng. Vì tướng lễ này đồng nhất với việc hành pháp trong chốn đạo tràng, chỉ có thêm việc thân lạy là khác. Lại còn việc đọc tụng ra tiếng thì tùy trường hợp người, cảnh xấu tốt mà khinh trọng khác nhau, âm thanh vừa phải, giọng đọc trầm hùng thanh nhã, khiến các quỷ thần, người khuất mặt đều được nghe. Cần nhất là không nên cùng người chuyện vãn nhiều, lại trước khi làm việc, đối trước Phật mà thấp một nén hương. Nếu không được thì nhúm lấy một chút vật thơm rồi đâm nát ra để làm hương. Đến giờ sám lễ thì chỉ nghĩ tưởng cũng được, thì giờ còn lại thì nên ngồi riêng, đi riêng một mình, tránh xa chốn ồn ào náo nhiệt hoặc dục đầu ba hoa bá láp, chọc ghẹo đùa giỡn, cười cợt ca hát, ngâm vịnh làm thơ, viết vẽ... khiến người quên mất các việc chánh niệm. Đó là phần Phật sự của đầu ngày, còn ba phần giữa ngày, cuối ngày và trong đêm thì cũng thế. Đó là sáu thời hành pháp. Khi tụng niệm trong đêm thì người yên cảnh lặng, cách dụng công tu tập tất khác với ban ngày. Kẻ tu hành đã vì “sinh tử đại sự” há lại biếng lười mặc tình mê ngủ. Dầu có gặp lúc nóng lạnh quá lắm cũng phải cẩn thận chớ có cởi áo, phải mặc pháp phục và chuỗi hạt cần phải để gần bên mình, khăn tay, thau nước sạch không rời xa chỗ ngồi để khi cần thiết thì mọi thứ đều có sẵn. Lại phải quán sát xem tín căn của người ấy sâu hay cạn để khỏi quấy rầy người, khiến họ chán nản. Khi không có gì trở ngại thì nên đọc tụng thành tiếng nhỏ êm dịu như tiếng đàn cầm đàn sắt, nhỏ mà trầm hùng, lúc lớn thì không the thé khiến cho trời thần hoan hỷ giáng hạ hộ trì, các loài quỷ và súc sinh nghe được thì liền giải thoát. Như thế thì công của mình mới càng sâu. Nếu đang ở trong tàu thuyền hoặc ở trên gác hẹp nhà người khác, thì đều phải xét cảnh người, một lòng tinh tấn, dùng mọi phương tiện khéo léo để làm hết sức mình. Điều cần yếu ở trong đó không nên nêu lỗi nói xấu người khác. Lại cũng không nên quá tán thưởng tăng bốc nêu toàn việc tốt của người. Dầu khi rảnh rang và gặp chỗ thuận tiện hoặc gặp phải nhiều việc nhiều người làm trở ngại thì cũng phải luôn luôn chọn nơi vắng vẻ, ngồi ngay ngắn xoay mặt về hướng Tây chấp tay sát ngực niệm ra tiếng hay niệm thầm tùy nghi mà tưởng lễ như trước, không khác gì khi làm việc cả. Lại như khi làm việc, việc xong rảnh rang cũng không bắt buộc phải sám lễ nhiều ít, cho đến một câu tụng, một lạy chưa trọn vẹn thì vẫn cứ liên tiếp đọc tụng cho đến khi ở trước Phật thân lạy được đầy đủ trọn vẹn. Nếu khi đang nghiêm túc lễ Phật nhưng gặp việc quá gấp gáp thì cũng không câu nệ lễ sám được nhiều ít, cho đến một câu, một

lạy chưa trọn vẹn thì tùy việc làm, nơi ở mà dùng tưởng lễ thì cũng coi là đầy đủ. Điều cần thiết là không thể vào sám lễ chưa nhiều mà lại bắt đầu làm sám lễ nữa. Và lại tưởng lễ của người khách này phải bỏ ngang là vì bất đắc dĩ, bởi không thể trong lúc có thời gian nhàn rỗi mà lại dùng tưởng lễ để thân biếng lười. Lại cũng không nên dùng tưởng lễ này trong khi làm việc để khi rảnh rang thì lại ngồi không. Đối với kẻ lòng tin còn cạn cợt thì chớ vội vàng khuyên tu, còn với kẻ lòng tin đã sâu chắc thì lại không thể không kín đáo giải bày khiến họ tự bằng lòng. Lại chớ nên kể công hóa độ là thuộc về mình như chúa xuân nuôi lớn muôn vật nào kể công lao. Kẻ kia nương vào đạo tràng mà tu hành thì gọi là hành dễ dàng trong thuận cảnh, còn kẻ làm khách giữa đường mà tu thì gọi là hành dễ dàng trong nghịch cảnh. Nếu lấy hành dễ dàng trong nghịch cảnh mà sánh với hành dễ dàng trong thuận cảnh thì cách xa nhau như trời với đất, vì hành dễ dàng trong nghịch cảnh thì công hạnh càng nổi bật.

Hỏi: Tưởng lễ này cùng với thân lễ có đồng nhau chăng?

Đáp: Ông há không nghe Tam nghiệp thì ý là chủ của thân và ngữ, chủ đã chú ý nghĩ tưởng đâu thể không bằng thân ngữ. Lại như trong việc sám lễ vận niệm ý chỉ, hương hoa và thân tâm này đến khắp mọi nơi, há chẳng phải cũng chỉ là niệm tưởng? Nay căn cứ vào đây thì biết.

Hỏi: Nếu thế thì chỉ cần tâm tưởng lễ mà không cần phải vận dụng thân khẩu chăng?

Đáp: Ý nghiệp dù hơn nhưng nếu đủ cả thân khẩu nữa thì gọi là Tam nghiệp viên tu. Cái nghĩa tụng thâm thì cũng căn cứ vào đây mà biết. Lại luôn dùng tưởng lễ này để thay lấp vào các thời gian nhàn rỗi thì hạnh kia sẽ càng mạnh mẽ.

Hỏi: Ngoài sáu thời hành pháp ra thì dụng tâm ra sao?

Đáp: Hoặc là quán tưởng tướng hảo của Phật, hoặc trì chú, tụng kinh, xưng niệm danh hiệu Phật, đánh lễ v.v... các hạnh, niệm niệm không rời thì vắng sinh chắc chắn. Giống như người đi đường hễ bước nhanh thì đến sớm, bước chậm thì đến trễ, phải nên dụng tâm như thế. Nếu người thân tâm có sức yếu kém, không thể tu hành pháp đầy đủ sáu thời mà chỉ quy định một số thời khắc về kinh sám, mỗi ngày chỉ ba hoặc năm thời nhưng không nhầm chán quá nhiều cũng không thêm hay bớt trong nhất thời làm sửa đổi hạnh đã lập.

Hỏi: Thuyết về niệm Phật Tam-muội cho khách giữa đường rất viên dung, thứ lớp ít được nghe trên đời. Nếu thế thì số người này không

cần phải nương vào đạo tràng mà tu ư?

Đáp: Như người rơi xuống biển tìm kiếm thuyền chưa gặp, chợt gặp được khúc gỗ ngang, thì liền bám lấy để được vào bờ. Nay há đã không có thuyền lại bỏ khúc gỗ ngang để mà chết chìm ư. Hướng lại việc đi hay ở trong khi làm khách là tùy ở chủ thích hay chán. Khi đã được vô quái ngại thì có thể không cần dụng công tiến lên nữa.

Như trên là nói về việc tu Tam-muội của khách ở giữa đường. Thứ Tam-muội này thì cảnh giới thậm thâm, công năng rộng lớn rất hợp với diệu tâm chư Phật, khen ngợi mãi vẫn không cùng tận. Trong bốn thứ Tam-muội thì gọi đây là phi hành, phi tọa Tam-muội cũng gọi là Tam-muội tùy thuận bốn oai nghi, chính là bao trùm các căn cơ lớn, còn các hàng trí nhỏ căn thấp thì tùy phần của mình mà nhận được lợi ích nhiều ít. Vì Tam-muội này mà so với ở chốn đạo tràng thì hoặc chỉ thiếu thân lễ, còn các nghi thức khác thì đều đồng nhau. Nay ông nên tinh tấn thọ trì Tam-muội này, một chí hướng về Tây phương, cần nhất là không nên dần dà mà phải kẹt vào sinh tử, đúng theo trên mà tự lập làm Chánh hạnh. Ta lại xét người đời nay, kẻ nào có chí với đạo này khi vừa nghe nói dễ thì liền tưởng dễ dàng rồi vọng gọi mình đã được chứng. Nhưng khi nghe nói đạo này khó thì liền lui sụt mất hết ý chí. Dầu cho kẻ có tín tâm tha thiết, nhưng lại lạc vào trong rừng rậm tà kiến, lại lén truyền thọ cho nhau làm mê hoặc nhiều người. Những pháp truyền trao ấy muôn hình vạn trạng đến cả những điều chưa từng nghe thấy bao giờ, các thứ đó luôn trói cột tâm người khiến họ phải tự cho là đúng nên các phi hạnh phát triển lớn dần lên, thế là cả đám thầy trò đều bị đọa, há được kẻ có chánh tâm như ông hỏi điều thiết yếu.

Khách kính lễ thưa rằng:

- Từ xưa con đã phiêu linh lưu lạc, lăm nổi gian truân, mỗi khi nghĩ đến sinh tử vô thường muốn tu mà chưa thể được vì mãi phải lo việc nuôi thân miệng, luôn ân hận là không được dịp khởi tu pháp hạnh ở chốn đạo tràng. Nay do duyên may đời trước mà được nghe lời dạy bảo quý báu này, thật như chất cam lồ rót xuống đánh đầu, mát mẻ thấu xương. Nay con dám xin hứa chắc quyết chí thọ trì bắt đầu kể từ hôm nay, như kẻ lấy oán làm thân không còn chút oán hận nữa. Từ đó mà thân tâm buông bỏ quên hết như trút cả gánh nặng, tự tại thản nhiên, nguyện đời đời kiếp kiếp tuân giữ thọ trì, dầu chết chứ thể không lui sụt, mong tất cả bạn tri âm cùng biết rõ, dầu ở tại đạo tràng, dầu đang là khách giữa đường, trong hoàn cảnh thuận hay nghịch thì đạo dụng vẫn vô ngại, đồng thành Tam-muội. Đó gọi là vận may lớn cho tất cả

quần sinh, đó chính là điều mừng to cho kẻ học Phật. Khi đã tu cách này thì biết rằng mọi việc đua chen thế sự, trôi giạt bốn phương, buôn bán nhọc nhằn, ở nơi lữ điếm quán chợ, trao đổi mang vác, trăm công ngàn việc kỹ nghệ chế biến... cả trai gái già trẻ, tôi tớ huỳnh môn bị người sai khiến không được tự tại trong mọi lúc đi đứng nằm ngồi, ăn cơm, mặc áo, nói, nín, động tịnh v.v... kể cả đang bị giam cầm tù tội hay đang ở giữa chốn ồn ào đầy sự mừng giận buồn vui, chưa có lúc nào là không tu được. Huống chi là bốn chúng xuất gia, bốn hàng tại gia, có chỗ để ở, có thời rảnh để tu, những mong ước đều đầy đủ lại được tự tại, sao không tiến tu hạnh ấy?

Khách lại thưa: Nay con nghe nói cõi Cực lạc cách xa đây đến mười muôn cõi Phật, xa quá là xa. Lại nghe nói những người được sinh lên cõi ấy phần nhiều là hàng Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ, thẹn mình không thể theo kịp. Vậy phải làm sao?

Đáp: Đám người ấy đâu biết rằng như trên đã nói cả mười phương cõi hư không đều là tâm ta. Tâm đã tịnh thì dầu mười muôn cũng nào xa, nhưng tâm không tịnh thì dầu trước mắt cũng không gần. Nếu căn cứ vào tâm tịnh thì cần gì phải tính toán đường gần xa. Cũng như chỉ trong giấc ngủ ngắn ngủi mà mơ thấy mình đi ngàn dặm đâu thể lấy thời gian bình thường mà so sánh được. Theo lý thì có cõi nước có thể sinh, nhưng quyết là không nên bảo rằng hễ tâm tịnh thì được, càng không cần phải sinh về cõi ấy vậy.

Khách lại kính lễ thưa rằng:

- Con nguyện kính vâng lời dạy bảo. Lại thưa khi mới nghe nói những điều chưa từng nghe ấy, con ngỡ rằng chính tự ý Ngài rủ lòng thương dạy bảo. Nay được nghe tên Tam-muội mới biết đó chính là Thánh điển thật thích hợp với mọi cơ nghi, rõ ràng như thanh thiên bạch nhật. Có thể gọi đây là lời dạy răn cho kẻ hậu học, đâu phải chỉ riêng dạy cho con thôi. Cho nên con xin ghi chép nhớ kỹ để làm bài học đời đời cho kẻ hậu lai. Vậy kính mong Ngài thương xót chỉ rõ về pháp môn Chánh hạnh tu hành ở chốn đạo tràng trước sau cặn kẽ, để khắp lợi ích cho đời này thì là một vận may rất lớn vậy.

Ta bảo: Tốt lắm, ta sẽ hết lòng cùng ông mà trình bày với họ pháp môn ấy. Khách cung kính cáo lui. Người khách này tên là Hạnh Nhất, tên tự là Chí Tây, tự bảo ông đã từng đọc sách Vạn Thiện Đồng Quy của Trí Giác thiền Sư đến thuộc lòng. Về sau có đến Lô Sơn, thấy được di tích của sơ tổ là Viễn Công, nhân đó mà phát nguyện niệm Phật.

15. Nghi thức tu Tam-muội.

Pháp môn niệm Phật Tam-muội là việc kiến lập đạo tràng thật trang nghiêm và các nghi thức cúng dường cùng sắm sửa y phục giày dép, giặt giũ tắm gội, cách ra vào các cửa, các phương tiện của chánh tu, thiền, tụng, sám lễ v.v... các phép tắc đều thanh tịnh, đầy đủ như trong văn sám nghi của tôn giả Từ Vân, đâu không cần nhắc lại đây đủ.

Đúng ngày quy định thì nên trước đó bảy ngày phải cố sắp đặt mọi sự cho thật hoàn hảo. Trước hết phải khiến thân tâm yên định, quyết mong sám hối thật hết sạch các chướng bên trong thì các hạnh được viên mãn. Ngày khởi tu đầu tiên phải thuộc ngày lục trai. Lại trước ngày quy định ba hay bảy ngày thì trước tượng Phật, tất cả hương hoa, nước sạch v.v... đều phải cúng dường thật cẩn thận đúng nghi thức, vì có chư Phật và các trời giáng xuống trước để làm trang nghiêm nơi chốn ấy để dẹp trừ các chướng ngại như ma quái, dơ bẩn xấu ác khiến người tu hành ở trong đạo tràng thành tựu được Tam-muội, cho nên phải đối với đạo tràng này mà nghĩ là Tịnh độ, là chỗ giải thoát, là nơi quý báu, nghĩ tưởng quyết được vãng sinh, không nên xem thường. Lại phải quán ngược lại cõi thế gian này khổ vô cùng, một khi lánh xa được chỗ oán thù, tai họa thì không bao giờ dám chui vào nữa. Lại cũng không nên chất chứa trong tâm những việc rắc rối khó bỏ hằng ngày. Vì khi còn nghĩ nhớ việc khác thì sẽ làm chướng ngại ngay khi sám lễ, khiến thắng hạnh không tiến được, uổng phí bao công lao, e rằng khó gặp lại. Nên nghi thức dạy rằng không một khoảnh khắc nào nghĩ đến ngũ dục ở đời.

Số người tu nên lập thành nhóm khoảng mười người trở lại, không nên nhiều hơn. Khi tu thì cần nên xét chọn xem ai có thể tu được, bằng cách nhìn xét việc sinh hoạt đi đứng hằng ngày không có lỗi lầm gì lớn lắm hoặc tén căn đôn hậu, lìa hết các bạo ác nóng nảy vội vàng, nói năng hòa nhã, sống có khuôn phép đoan trang, chịu sự kềm thúc của người khác. Cốt chỉ vì đại sự sinh tử mà không buồn tiếc, chỉ giữ lòng khiêm tốn để cùng tu học. Nếu không phải hạng người ấy thì chỉ khoảng ba, bốn người cùng tu cũng tốt. Nếu chỉ riêng tu một mình thì lại rất quý, nhưng phải luôn cảnh giác xét nét từng ly, không khéo lại phá hoại phép tắc, làm náo loạn sự thanh tu.

Nếu ở trong chúng có nhiều người thì phải suy tôn một vị đức hạnh cao quý thuần thực, hoặc thỉnh riêng một vị làm bậc mô phạm lâu dài để làm tôn chủ cho phương đẳng đạo tràng, làm chủ sự cho việc sám lễ, khiến cả đại chúng học chung một nghi lễ, hoàn toàn nghe theo sự hướng dẫn của vị ấy. Trong khi tu tập Ngài có thể thị hiện các

tướng thuận nghịch mà không thấy có lỗi lầm, người này cũng hay tự xét mình, khiêm cung từ tốn, hoặc tới cùng tu chung với đại chúng hoặc không. Về nghi thức lễ tụng thì hoặc lạy hoặc quỳ hoặc ngồi hoặc đứng xoa thủ hoặc chấp tay, cung kính đi nhiều, tất cả đều phải đoan nghiêm trang trọng, bưng tai nhắm mắt để khỏi nghe thấy mọi việc, chú tâm vào một cảnh. Nếu chưa thấu suốt phải trình hỏi các bậc lão thông đi trước. Phải hết sức thận trọng chớ nên tự ý sức mình khiến lay động cả thân tâm, hoặc dựa cột dựa vách. Tuy có đông người tham dự việc tu tập nhưng trước đó một đêm mọi người phải giặt giũ tắm gội sạch sẽ, thay đổi y phục giày dép v.v... sắm sửa đạo cụ đúng nghi thức. Khi vị sám chủ đánh khánh ra lệnh tập hợp rồi hướng dẫn toàn chúng cùng vào đạo tràng chỉ trừ hai vị hộ đàn ở ngoài, còn tất cả đều phải vào trong. Sau đó tất cả đều đi quanh khắp để dâng hương, xong rồi ai nấy đứng vào vị trí tu sám của mình, cùng lạy Phật ba lạy để cầu Phật cảm giáng. Lễ xong thì đi nhiều quanh rồi đứng yên vào một chỗ. Bấy giờ, vị sám chủ từ trong chúng bước ra đọc một bài văn tán Phật và tán thủy để cầu mong Tam bảo gia hộ chứng minh, khiến lúc chánh tu không bị ma, không bị chướng, quyết định sinh Tịnh độ. Khi cầu nguyện xong thì liền đọc bài tán khen ngợi chánh pháp sáng suốt thời quá khứ, kể tụng bảy biến chú Đại bi, bảy biến chú Như ý luân, bảy biến chú Tỳ-lô quán đảnh. Khi vị sám chủ cất tiếng đọc chú thì tay bưng chén nước hơ qua hơ lại xông trên lò hương. Lâu khoảng đọc xong vài bài chú rồi mới đưa lại cho người đứng bên tay phải của mình. Lại làm như thế với cát với hương và hoa. Người đứng bên phải cũng làm như thế, lần lượt đến ba vòng. Sau khi tụng hết ba loại chú trên thì tụng lại chú Đại bi và đi nhiều chung quanh giới đàn và sái tịnh. Ở mỗi chỗ đi qua phải khêu sáng đèn để soi đường, kể đó cầm chén nước mà rải để sái tịnh, sau đó bưng mâm cát cũng rải đều, tiếp đó bưng lư hương mà xông, sau cùng thì tùy chỗ mà rải hoa. Vị lãnh chúng dẫn toàn chúng từ Phật tòa đi vòng ra sau. Trước hết đi vòng quanh bên hữu trong đạo tràng mà xông hương sái tịnh đầy đủ ba vòng, sau đó lại rải nước và cát đều khắp. Sau đó mới dẫn chúng đi ra khỏi đạo tràng đến nhà phóng sinh, sau đến thiền duyệt đường cũng đi vòng quanh đó một vòng, lại xuống đến nhà trù nhà tắm giặt, nhà vệ sinh, nhà ngủ, chỗ dạo chơi và các đường chính yếu. Phạm khi đi đến một chỗ, một nhà nào thì phải đi vòng quanh đó một vòng để xông hương sái tịnh. Làm lễ sái tịnh để phân ranh giới, đó gọi là kiết giới. Kinh nói “giới như tường thành Kim cang” nên phải tuân theo ý đó. Còn việc rải cát là có ý đổi đất thành Tịnh độ, tức kết thành địa giới vậy.

Việc rưới nước tức có ý xóa bỏ bờ cõi dơ bẩn náo động tức kết thành giới hạn của bờ cõi vậy. Việc xông hương là ý muốn đám mây hương kết thành bảo cái che trên khoảng không, tức kết thành hư không giới vậy. Về việc rải hoa là có ý chỉ rõ sự sạch đẹp tươi sáng, tức pháp giới trang nghiêm vậy. Tất cả các dụng pháp trên đều do Thánh chủ đại bi của chúng ta và sức của thần chú gia hộ, cho nên cát và nước đến đâu thì ở đó là cõi báu của Phật. Do nhân duyên đó nên tà ma không thể vào, ngoại đạo không thể phá và pháp môn Tam-muội của chúng ta có thể thành tựu vậy. Lại giới tướng này phải cẩn thận chớ phá. Nếu phá giới tướng này là điều không tốt, vì sẽ khiến đạo hạnh của toàn chúng khó thành, bị nhiều chướng ngại.

Sao gọi là giới tướng? Giới tướng có hai là nội và ngoại. Nội giới tướng tức bốn phương bờ cõi của đạo tràng tu sám vậy. Ngoại giới tướng tức là tám phương bên ngoài của nhà đất, tức nơi nào có rải cát và nước vậy. Người ở bên trong khi ra đến ranh giới của ngoại giới thì dừng lại. Nếu vượt khỏi ranh ấy tức là phá giới. Người bên ngoài khi vào đến ranh nội giới thì dừng lại, nếu bước vào bên trong ranh ấy thì gọi là phá giới. Hoặc người làm việc chỉ cần tay chân hay vạt áo lọt vào bên trong màn rèm của nội giới dù một phân thôi thì cũng gọi là phá giới. Hoặc người ăn mặn, xấu ác dơ bẩn mà bước vào ngoại giới chỉ khoảng một thời gian rất ngắn thì cũng gọi là phá giới. Điềm phá giới là điều rất xấu nên biết. Nếu đúng theo ý chỉ của kinh thì phải tạo dựng lại đạo tràng và phải làm lễ sám hối lại thì mới bỏ được tướng phá giới. Người tu hành cần nên e dè sợ sệt.

Có người tùy theo thân tâm không đủ sức hành trì hoặc tu tập đầy đủ pháp hạnh này, như có kẻ chỉ muốn tu năm thời thì có thể bỏ bớt thời tu giữa ngày. Nếu muốn tu bốn thời thì bỏ bớt thời giữa khuya. Nếu muốn tu ba thời thì bỏ bớt thời buổi chiều tối. Còn nếu chỉ muốn tu hai thời thì phải tu hai thời sáng tối.

Lại người tu hành tùy ý mình mà lập hạnh, nhưng sau khi lập hạnh đã định rồi thì không sửa đổi nữa, sửa đổi chỉ nên tăng thêm chứ không được giảm bớt. Dầu khi có bệnh hay gặp việc quan thì cũng phải tưởng niệm, há có thể tùy ý mà siêng hay lười, hoặc lúc hăng hái mạnh lên, lúc lại bỏ phước, hoặc sáng mới lập thì tối liền sửa lại, khiến Chánh hạnh không thuần nhất.

Nay ai muốn tu đạo này thì trước hết cần phải giữ đúng phép tắc niệm Phật và các thứ kinh sám thần chú về Tịnh độ v.v... trước sau sắp đặt đầy đủ, ít nhiều tùy ý nhưng phải thật yên ổn cố định chắc chắn,

phải năm lần bảy lượt xét thật kỹ xem ta có thể thật hành được không. Cũng như có người muốn lội qua sông phải xét kỹ bờ nước xa gần, sâu cạn để khỏi phải lâm nạn, chết chìm rồi mới nhảy xuống lội. Kẻ tu hành cũng thế phải xét kỹ chính mình siêng hay lười, phép quán là rộng dài hay ngắn gọn rồi mới bắt đầu tu. Chớ nên nhân một lúc hăng hái bỗng bột mà lập nguyện rồi sau đó liền bỏ. Lại cũng không nên chỉ có tụng trì mà tâm không chuyên chú. Như người bắn tên nếu tâm chuyên vào một chỗ thì ắt trúng đích. Pháp môn niệm Phật cũng thế. Nếu hạnh đã thuần, tâm chuyên nhất thì ứng theo niệm mà được sinh, bấy giờ tự tại rong chơi chốn Cực lạc, chỉ trong một niệm mà đạt được nhiều công đức khó lường.

16. Nêu bày sức hóa độ chúng sinh của Phật.

Từ trước chỉ nói về các thứ phương tiện của các chúng sinh khởi tâm tiến tu tâm cầu mong vãng sinh về cõi trên mà không biết được nguyện lực hóa độ chúng sinh của Đức Thế Tôn chúng ta, có đủ mọi thứ phương tiện không đâu không có mặt, hơn gấp trăm ngàn vạn lần tâm của chúng sinh mong cầu được vãng sinh, không thể lấy gì làm thí dụ để so sánh được.

Như kinh đã nói Đức Phật Di-đà từ bi sáng rõ chiếu soi khắp pháp giới, làm nơi cứu hộ lớn, khắp che chở tất cả chúng sinh khiến họ không đọa lạc. Nguyện lực từ bi của Đức Phật Di-đà cùng khắp pháp giới làm nơi thu nhận lớn, khắp tiếp dẫn tất cả chúng sinh khiến họ không sa đọa. Thân ấm, nhập, giới của Đức Phật Di-đà khắp đồng pháp giới khắp chỉ bày cho tất cả chúng sinh khiến họ hiểu rõ giác ngộ không còn lui sụt. Thế nên tất cả chúng sinh ở khắp mười phương thế giới đều được nguyện lực của Đức Phật Di-đà chúng ta hộ trì che chở khác nào mẹ hiền yêu thương con thơ, luôn ôm ấp bỗng ẵm cho bú mớm không để chúng lãng quên. Cha mẹ đâu có thương con thơ nhiều lắm cũng chỉ trong một đời hễ hết báo thì xong. Còn Đức Phật nghĩ nhớ chúng sinh đời đời không hề bỏ. Vì ý nghĩa đó nên với đại nguyện của Đức Phật, chúng ta chỉ cần đọc danh hiệu Ngài một lần là được tiêu hết tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Ý chỉ này rất đáng tin, bởi vì nguyện lực của Đức A-di-đà chúng ta luôn ở trong thế gian để cứu khổ cho chúng sinh. Nếu chúng sinh hay nhớ nghĩ đến Ngài thì Ngài đâu không ứng hiện nhanh chóng. Cũng như bà mẹ hiền kia cứu đứa con thơ ra khỏi nạn nước lửa, đâu có đợi đứa con kêu cầu. Nếu đứa con mong cầu thì mẹ càng thương xót bội phần, chỉ vì chúng sinh trải bao nhiêu kiếp rong chơi trốn đi, tự cam chịu mất mát sự cứu độ nên thật khó cứu đó thôi.

Dầu cho kẻ tạo đủ tội ngũ nghịch, tâm đầy mười ác, chê bai, nói dối, thuyết pháp lừa gạt, không tội nào chẳng làm. Khi mạng chung đáng lẽ đọa vào địa ngục A-tỳ. Khi tướng hiện ra thì người này tất là phải đọa vào địa ngục, nhưng nếu người này gặp được bạn lành khuyên bảo nên niệm danh hiệu Phật. Người này dầu bị các khổ bức ngặt nhưng trong một niệm hối cải, có thể niệm đến mười danh hiệu, còn có thể biến tướng địa ngục thành cõi Tịnh độ mà được vãng sinh. Nếu người này từ đó mà quán hạnh trang nghiêm và dẹp bỏ tất cả ác nghiệp đã tạo từ trước, đâu chẳng ứng nghiệm tức khắc. Trong dụ có nói xưa có người quá sợ cọt bèn leo tuốt lên cây, nhân lúc thất thanh chỉ niệm có ba tiếng “Nam-mô Phật”. Về sau được gặp Đức Thích-ca mà đắc đạo. Huống chi người ấy lúc mạng chung bị các khổ ép ngặt mà mạnh dạn cố gắng niệm được mười niệm mà không được cảm ứng rõ ràng sao?

Hỏi: Con nghe nói nguyện lực của Đức Phật A-di-đà biến khắp mọi nơi. Nay xét lời nói này thì chỉ thấy cứu được người sắp bị đọa vào địa ngục và người chưa mệnh chung thôi. Còn người đã chết hay đọa rồi thì hình như không cứu được. Nếu không cứu được thì biết được nguyện lực của Đức A-di-đà và của chư Phật đâu có ở khắp nơi?

Đáp: Ông đâu chẳng nghe rằng các pháp sinh ra chỉ do tâm mà hiện. Tất cả nhân quả của vi trần thế giới nhân tâm mà thành thể. Nếu biết rằng các pháp còn không lìa tâm chúng sinh thì đâu lại lìa bốn thế Di-đà mà nguyện lực không có mặt khắp nơi ư.

Hỏi: Nếu thế thì tại sao người ở địa ngục nhiều kiếp chịu khổ chưa nghe có ai được cứu thoát?

Đáp: Ông phải nên nhìn xét hiện nay ở các quán chợ, các cửa hàng giết bán thịt, lừa các sinh vật vào đó mà giết ngày đêm không nghỉ, chưa từng nghe kẻ nào ngừng giết hại. Nhân giết hại đã không thể ngừng thì báo ở địa ngục cũng đâu có thể cứu. Song việc giết hại là ở họ mà quả báo là ở mình, chỉ có điều là nhân quả khó trốn thoát thôi. Đâu phải là nguyện lực của đức Di-đà không khắp mà địa ngục không cứu thoát được. Ví dụ như có người đã từng biết kinh nghĩa hợp với diệu tâm của Phật nhưng với các nghiệp ác thân ba, khẩu bốn v.v... vì do tiếp nối thói quen nhiều đời trước không thể diệt trừ. Nhân vì không thể diệt trừ các ác nghiệp nên khi người ấy sắp mạng chung thì không gặp được bạn lành đề cao khuyên niệm Phật nên phải đọa thẳng vào địa ngục. Ở trong địa ngục chịu vô số khổ não, nhưng tuy chịu các khổ mà nhân lành kia không mất nên đối với các sự khổ não đều hay quán chiếu suy xét, gặp cảnh thì biết tâm. Đã biết là tâm thì cũng biết chúng sinh và Phật là một

thể. Vì là một thể nên biết mình là thân Như Lai vi diệu thanh tịnh. Do biết rõ được chúng sinh và Phật là một cho nên ngay lúc người ấy đang chịu các khổ hình thì tất cả chỉ như việc chiêm bao. Vì hiểu rõ tướng khổ kia tức là Bồ-đề. Tâm này thuần thực vì không hề lầm lẫn cho nên cái báo bắt người ấy phải chịu khổ dữ dội nhiều kiếp trong địa ngục thì liền rút ngắn và được nhẹ ngay. Người này tuy phải chịu các khổ hình nhưng lại được tướng không khổ, lại khởi tâm chịu khổ thay thế cho chúng sinh, thế nên không mong cầu ra khỏi địa ngục. Vì sự diệu giải này hợp với tâm Phật này nên người ấy xưa kia từng cúng dường chư Phật cho đến từng đối với hình tượng mà quy kính Phật và từ các quyển kinh mà tin hiểu Phật. Hoặc nghĩ nhớ tướng cơ cảm của Đức Di-đà mà cùng Phật hợp nhau. Đức Phật đó tất đúng như y giải cảnh ấy mà hóa hiện rất rộng lớn như hư không, oai đức của Phật sáng chói rực rỡ, tướng đẹp, thần thông, nguy nga chói lọi. Từ trên đỉnh cao chót vót cõi địa ngục, Ngài rủ tay khảy móng, giọng từ bi vang dội truyền lệnh. Từ thân Ngài phóng ra ánh sáng lớn, âm thanh kia cùng theo ánh sáng đến thẳng tận đáy sâu cùng của địa ngục. Ở đó có bao nhiêu tường thành sắt, cửa sắt, lưới sắt, cột sắt... cho đến núi đao rừng kiếm, vạc dầu sôi, lò lửa đỏ... tất cả các dụng cụ khảo tra hành tội theo ánh sáng đều bị nghiền nát tiêu mất hết không còn dấu vết chỉ như bóng như gió thổi. Lại còn tất cả ngư hầu, mã diện, quỷ sứ ngục tốt và các khí cụ gây khổ, chó đồng, chim ưng sắt, rất sắt, các loại mỏ sắt của chim và trùng độc... sẽ nhận ánh sáng chiếu vào thì đều biến thành hình tượng các Bồ-tát sẽ thương yêu trìu mến với ánh mắt từ bi. Người đang chịu khổ kia cùng các tù nhân đồng ngục, bỗng nhiên nhận được bốn tâm thêm nhiều ý lành. Khi họ nhìn thấy ánh sáng cùng nghe được lời ra lệnh của Đức Phật thì như từ dưới đáy giếng sâu ngược nhìn lên giải ngân hà, chú ý nhìn kỹ thì thấy rõ ràng một thân tướng đẹp đẽ của Đức Phật hiện ra, liền mừng rỡ cúi đầu đánh lễ, hối cải tự trách, rồi cùng với các bạn tù đang chịu khổ đồng phát tâm Bồ-đề, nương theo ánh sáng bay lên đến chỗ Phật, mọp lạy dưới chân Phật, được Phật xoa đầu thọ ký và thuyết pháp cho nghe, liền được ngộ đạo, được thần thông du hí bay đi khắp cõi nước Tịnh độ của Phật, cùng sinh vào chỗ Phật giống như các vị đại Bồ-tát, thành tựu đạo vô thượng, giáo hóa chúng sinh thật khó cùng tận.

Hỏi: Nếu theo nhân quả thì hào quang Đức Phật chỉ soi chiếu đến người thẳng giải nên người này được ra khỏi địa ngục, còn đám tù nhân kia đâu có gì mà cũng đồng thời được thoát ra?

Đáp: Ví như có một kẻ phạm tội ác nghịch bị quan hành tội. Khi

người này ở trong ngục, do một nhân ác mà khiến bao nhiêu lỗi cùng sinh, nên lần lượt di lụy đến vợ con cha mẹ, bà con bè bạn v.v... khiến họ cùng chịu khổ. Còn khi người tù này ra khỏi ngục thì cũng thế, há chẳng khiến những kẻ đồng chịu khổ kia lần lượt sinh các điều lành nên tất cả đồng nhờ Phật lực cùng sinh vào chỗ vui. Nếu thế thì nguyện lực của A-di-đà chúng ta có mặt khắp mọi lúc mọi nơi, thì đâu chẳng riêng cứu hộ được chúng sinh đã đọa vào địa ngục rồi sao? Nếu bảo rằng báo địa ngục chưa hết, mà muốn khiến họ ra khỏi ngục trước thời hạn, dầu nhân ở địa ngục không lành nhưng lại muốn hào quang Phật chiếu xuống còn được thay, lại nhờ đó mà tự cảnh tỉnh mình há lại không tự hối cải được sao?

Hỏi: Nếu đợi khi báo ở địa ngục hết rồi mà hào quang Phật chiếu xuống thì lúc đó tôi ra khỏi ngục là do hết báo cần gì phải có hào quang Phật chiếu đến?

Đáp: Nếu do báo hết mà thoát khỏi ngục chứ không phải do hào quang Phật, thì dầu ra khỏi nhưng ở trong ba ác đạo chưa biết sẽ sinh về đâu. Như thế thì từ tội nặng đến nhẹ mỗi thứ lần lượt phải trải qua nhiều kiếp. Kiếp nhiều vô lượng, kiếp không thể nghĩ bàn, mới được làm người rồi từ hạng người bần cùng hạ tiện, gù còm tàn tật lắm bệnh khổ sở. Lại khổ vì muốn không được nên ý nghĩ ác càng tăng nhiều, nếu không có chút lành nào thì lại bị đọa vào địa ngục. Như kẻ mù lạc vào rừng rậm gai góc làm sao ra được. Nếu nhờ oai lực của hào quang Phật soi chiếu đến thì có thể biến đổi tội nặng sẽ chịu nhẹ, tội lâu dài sẽ chịu ngắn ngủi, tội nhiều sẽ chịu ít. Lại có thể một khi ra khỏi địa ngục thì liền sinh ngay lên cõi Phật đâu có thể nói là không cần nhờ hào quang Phật chiếu đến ư? Nếu nhận thức như thế thì tội rất nặng. Bởi kinh có nói giả sử như trong cả đại thiên thế giới này đầy cả lửa dữ, khi niệm danh hiệu Phật ấy thì vượt qua không hề hấn trở ngại gì, huống là lửa chỉ có ở một mình mà không thể diệt hết được sao? Đó là nghĩa này vậy.

Lại nói rằng Đức A-di-đà Như Lai lòng Từ bi mạnh mẽ cho đến ngay cả ở trong vầng lửa lớn trong ngục Vô gián thay thế chúng sinh mà chịu các khổ não, tìm đủ phương tiện để cứu thoát khiến họ sinh lên cõi An dưỡng. Huống là người chưa bị đọa lạc mà không cứu hộ được sao. Kinh lại nói do sức từ bi của Đức Phật ấy khắp che chở tất cả chúng sinh trong thế gian, đối với thân Phật mà lấy dao chặt, lấy hương thoa thì vì sức từ bi nên cả hai đều không nhiếp thọ. Thế nên nguyện lực của Đức A-di-đà, tâm mạnh mẽ thiết thực, giáo hóa chúng sinh còn có thể thấy

được hưởng là các thứ hình ảnh khác, vì thân đồng với chúng sinh thực hiện các việc hóa độ thì thật khó thể đo lường. Nếu không tin chắc vào sự kiện này thì chưa thể bảo là kẻ hiểu rõ giáo pháp. Hoặc có kẻ bảo toàn thể chúng sinh là Phật, là chưa xét rõ ai là kẻ cứu độ, ai là người được cứu độ. Nay ta chỉ hướng về họ mà nói: “Ông chưa hiểu rõ sự việc đó thôi.”

17. Mười ngại hạnh lớn.

Vả chẳng một tâm bình đẳng thì thể tánh luôn tròn đầy không thiếu sót. Mặc dù chúng sinh mãi triền miên ở trong nghiệp thức không lúc nào không có ý chí cầu mong vượt thoát trần ai, nhưng khi muốn nghiên cứu đạo pháp thì ma cảnh đã sớm hiện bày ra trước, cho nên khi tâm lỗi lầm thiếu sót một việc thì muôn điều thiện cùng mất, việc nên thì ít mà việc hư thì nhiều, được rồi lại mất hưởng là khi bị vật dục họp nhau khuynh đảo, bị sinh tử đổi dời. Rồi xúm nhau mà học tập các dịch địa đều thế cả khiến Đức Như Lai ta suốt cả ba đại A-tăng-kỳ kiếp đã thí xả vô số đầu mắt não tủy, đất nước, thành ấp, vợ con, thân thể máu thịt tay chân, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, hầu hạ các bậc tri thức, không hề tiếc thân mạng, tu hành các đạo phẩm mà được các pháp môn. Nhưng nhân bị nhiều chướng ngại mà tâm lui sụt khởi lên thì chỉ trong một sớm một chiều tất cả đạo phẩm ở chính ta đều mất hết, chẳng đâu đốn lăm sao? Chúng ta hiện nay đều đệ tử của Đức Thích-ca, lại không gắng sức đấu tranh, ngồi yên nhìn tất cả quần sinh trong pháp giới mất hẳn tuệ mục, đâu đốn còn hơn cắt nát thân thể này. Thế nên nay tôi chỉ căn cứ vào kinh mà lập ra mười ngại hạnh lớn, gọi là mười hạnh không mong cầu. Người tu hành dù không cố mong bị chướng ngại nhưng trong đây hoặc bất đắc dĩ tất cả các chướng ngại hiện ra khiến thân tâm ta yên tĩnh trước các chướng ngại không bị các ma, các cảnh chướng ngại xấu ác xâm nhập vào làm chướng ngại ta. Ví như bỏ vàng vào lò lửa, lửa không quý bằng vàng nhưng nhờ lửa mà vàng trở nên vật quý hiếm hơn nhiều. Nay xin nêu rõ về mười ngại hạnh lớn là:

1. Đừng cầu thân không bệnh hoạn tật nguỵên.
2. Đừng mong cầu ở đời không gặp hoạn nạn, khó khăn.
3. Đừng mong cầu khi nghiên cứu tâm mà không bị chướng ngại.
4. Đừng mong cầu khi lập hạnh mà không bị ma phá.
5. Đừng mong cầu mưu sự dễ hoàn thành.
6. Tình giao hảo đừng mong cầu chỉ có lợi cho ta.
7. Đối với người đừng mong được thuận hợp ý thích.
8. Thí đức đừng mong cầu được và quên đi sự báo đền.

9. Thấy lợi dưỡng đừng mong cầu được phần hơn.

10. Khi bị áp bức, oan khiên không mong cầu được bày tỏ.

Cả mười ngại hạnh lớn này bao gồm tất cả các chương ngại chỉ có bậc thượng trí mới chịu đựng được, chứ người bậc trung, bậc hạ chẳng dám mong mỏi. Nếu người nào được nghe mười ý nghĩa này rồi trong từng thứ chương ngại ấy mà nghiền ngẫm suy xét tìm biết thấu đáo, thân yên tĩnh thể nhập vào đạo, giữ mãi không mất, thì người này có thể vào được cõi ma mà không bị chúng khiến tâm lui sụt, có thể đắm mình vào sắc thanh mà không hề bị sắc thanh mê hoặc phá rối chi cả, cho đến các cảnh ghét yêu, danh lợi, người và ta, được và mất... thì tâm ta đâu có gặp các chương ngại, chúng vẫn không làm ngại được ta. Với ngại mà không bị ngại, thì đạo hạnh vẫn thẳng tiến, hưởng là khi được tự nhiên với cảnh chương ngại mà đạo hạnh lại không tiến nhiều ư? Ví như cây mọc trên mồm núi cao, khô hạn lâu ngày như thiêu đốt mà lá vẫn xanh không phai sắc, hưởng lại được mưa rào thấm ướt, lại được ở giữa mùa xuân thì đâu lại không sum suê hoa trái. Lại như người các căn không đủ, vận dụng khó khăn mà nghề nghiệp kiếm sống lại khó khăn. Nay nếu lấy việc tìm sống đổi sang việc cầu đạo thì đâu không phải cho là chương ngại mà không thể hành đạo được. Nên phải biết rằng các ngại này chính là một bậc đại Thiện tri thức của tất cả chúng sinh, cũng chính là phước điền cao quý của tất cả chúng sinh. Có thể liễu thoát sinh tử, có thể siêu phàm nhập Thánh (bỏ hàng phàm phu vào bậc Thánh). Như thế thì tất cả thức ngon quý hiếm, trang phục đẹp đẽ, vàng bạc châu báu, kể cả ngọc báu kim cương ở trên cõi thế gian này cũng không thể sánh được. Thế nên nếu không lấy cái ngại để làm đạo thì sau này gặp điều không ngại liền thành ngại, là bởi vì sao? Vì thân mà không bệnh thì tham dục liền sinh, còn đời mà không hoạn nạn khó khăn thì kiêu sa nổi dậy. Tâm mà không chương thì học hành vượt bậc, hạnh mà không bị ma phá thì thệ nguyện không bền chắc. Sự việc dễ thành thì chí đầy khinh mạn. Tình cảm lợi mình thì thiếu mất đạo nghĩa. Người mà thuận ý thích thì tâm ý tự kiêu căng. Thi đức mà mong báo đền thì ý có mưu tính. Lợi được phần hơn thì si tâm liền động. Bị đè nén oan ức mà cần giải bày thoát khỏi thì chưa quên được nhân và ngã. Vì các ý nghĩa ấy nên biết mười đạo vô ngại này hay sinh các lỗi như thế lại tạo nên tất cả việc không tốt như thế làm chương ngại nhân duyên của đạo. Bởi vì sao? Vì tham dục mà sinh thì liền phá giới lui sụt đạo hạnh, còn kiêu sa khởi lên thì khi dễ, lấn áp mọi người. Học mà vượt bậc thì chưa được lại bảo là được. Nguyện không bền chắc thì chưa chứng

tự cho là chứng. Chí mà khinh mạn thì khoe ta có tài năng. Thiếu đạo nghĩa thì tất thấy người là quấy. Tâm ý kiêu căng thì luôn chấp mình là phải. Ý có mưu tính thì muốn khoe danh vọng. Si tâm mà động thì lợi xấu sẽ hại mình. Tâm nhiều nhân ngã thì oán hận đầy đầy chồng chất. Mười lỗi này là do kẻ phàm phu vọng tưởng sinh ra đều gọi là tà kiến lần lượt sẽ sinh khởi vô lượng ác pháp đầy khắp cõi hư không, ắt khiến chúng sinh phải đọa vào địa ngục. Đâu thể đối với các lỗi này mà không cẩn thận. Nếu như hay thể nhập vào cảnh đầy chướng ngại này mà biết rõ nhân duyên của bệnh, biết rõ tánh bệnh vốn không thì bệnh không thể nào hại ta được. Hiểu rõ cảnh giới hoạn nạn thì thể của hoạn nạn vốn là vọng thì hoạn nạn cũng không làm hại được. Hiểu rõ các chướng ngại không cần cội thì chướng liền tự vắng lặng, nên chướng không thể ngăn ngại được. Thấu suốt rằng ma chỉ là vọng, rốt cuộc ma không cần cội thể thì ma làm sao quấy nhiễu được. Liệu định việc là do tâm nhưng việc thành là do nghiệp chứ nào phải là do tài năng. Xét về tình là có nhân, đối với tình khó cưỡng chế, tình bèn nương vào duyên. Hiểu người mà xử thế, xem xét người mà vọng làm việc nên người phải đáp đền. Còn mình đức thì tánh vốn không, chiếu đức thì không phải thường còn nên đức cũng không phải thật có. Lợi ở đời vốn là không, tham lợi thì sinh phiền não, vậy chớ nên vọng cầu lợi. Bị đè nén mà hay nhẫn nhịn, nhịn chịu được sự đè nén là khiêm nhường, vậy sự đè nén kia đâu làm hại gì ta. Thế nên bậc Đại Thánh hóa độ người lấy bệnh khổ làm thuốc hay, lấy hoạn nạn làm giải thoát, lấy chướng ngại làm sự tiêu điều tự tại, lấy quần ma làm bạn đạo, lấy sự hoạn nạn làm an vui, lấy sự giao tiếp xấu xa làm tư lương, lấy kẻ nghịch thù làm vườn rừng, coi việc thi đức là dẹp rách bỏ đi, coi việc sống đạm bạc là giàu sang, lấy việc bị đè nén làm hạnh môn. Như thế thì ở trong ngại mà được thông, còn cầu mong thông thì bị trở ngại. Ở trong chướng ngại này đều thành cảnh nhiệm mầu, thế nên được và mất không thể tự biết, sao người ở trong đó lại gượng sinh lấy và bỏ. Do đó nên Đức Như Lai ở trong chướng ngại mà được đạo Bồ-đề cho đến khi vì nửa bài kệ mà gặp quỷ La-sát, làm tiên nhân thì gặp vua Ca-lợi, bị ném gạch đá vào mình bởi tăng thượng mạn Tỳ-kheo. Bị nàng bế nữ lấy thau gỗ giả làm có thai mặc tình vu khống chửi rủa, và bọn Ương-Quật-ma la cùng đám Đề-bà-đạt-đa đều đến làm nghịch hại, nhưng Đức Phật đều thọ ký cho họ, hóa độ họ thành Phật. Há không phải là lấy cái nghịch của người khác làm cái thuận cho mình, lấy cái phá hoại của người khác làm sự thành công cho mình. Hống là thời gian ngắn ngủi, cuộc đời bạo ác, việc người khác thường

thì đối với người học đạo đâu chẳng gặp chướng ngại. Nhưng nay nếu trước không lo việc ở trong chướng ngại đến lúc lâm vào chướng ngại thì khó thể xoay sở dẹp trừ khiến cho Đại bảo pháp vương nhân đó mà mất hết, chẳng đáng tiếc lắm sao? Vì ngu cho nên chỉ căn cứ vào những điều nói trong kinh mà thuật lại thế, xin chớ ghét bỏ. Thẳng như nhân nghe nói các nghĩa này mà chướng ngại lại hiện ra nhưng vẫn cứ mạnh mẽ tiến thẳng đến đạo thì thật đáng gọi là đã được ý chỉ này vậy.

18. Nêu chung các nghĩa.

Phàm niệm Phật Tam-muội thì gọi là Nhất hạnh Tam-muội, bởi vì người tu hành khi hiểu sâu sắc ý chỉ của hạnh ấy thì có thể luôn giữ nhất tâm, chỉ nhớ nghĩ cõi ấy, chỉ nhớ nghĩ Đức Phật ấy, biết rõ thân Phật và cõi ấy không hai, hiểu rõ việc nhớ nghĩ cũng là một, nên được gọi là Nhất hạnh. Tuy gọi là Nhất hạnh nhưng cũng phải lấy tất cả pháp môn và các hạnh công đức Thế gian và Xuất thế gian để làm trợ đạo thì hạnh vãng sinh sẽ nhanh chóng. Thế nên tất cả các hạnh đều vì Tịnh độ mà tu, không có con đường nào khác nên gọi là Nhất hạnh vậy. Ví như trăm sông đều chảy về biển nên cùng được tên biển, muôn hạnh thiện đồng quy vào một nơi nên được tên là Nhất hạnh. Vì ý nghĩa đó nên tất cả các thứ như tứ Niệm xứ, tứ Chánh cần, ngũ Căn, ngũ Lực, thất Giác chi, bát Chánh đạo, tứ Hoằng nguyện, lục Độ... đều là hạnh Tịnh độ, cho đến cái thiện ngăn ngừa như khảm móng tay và tán tâm niệm Phật hoặc một lần niệm danh hiệu, hoặc đưa một tay, lạy một lạy, khen một lời, hoặc một lần chiêm ngưỡng. Cho đến hoặc dâng một nén hương, một chén nước, một cành hoa, một ngọn đèn cúng dường một vật, hoặc tu tập từ một niệm đến mười niệm. Hoặc phát sinh một hạnh bố thí, một hạnh trì giới, một hạnh nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ... tất cả các thiện căn đều hồi hướng về Cực lạc. Do sức hộ trì của nguyện lực, tuy có chậm có nhanh nhưng tất cả đều được vãng sinh.

Như kinh có nói thí dụ xưa có một người đem gỏi vào biển cả một giọt nước nhỏ, xin đừng hư đừng mất không đổi khác cũng không khô mất, tuy trải qua nhiều kiếp cần yếu vẫn phải là nước xưa nguyên vẹn. Vả trải qua rất nhiều kiếp về sau, người này đúng theo lời gỏi đến lấy, quả nhiên vẫn đúng là một giọt nước như xưa nguyên vẹn, không hỏng không khô tí nào. Đây cũng thế, lấy một thiện căn bé nhỏ mà hồi hướng về Cực lạc, cũng như đem gỏi một giọt nước, tuy đã trải qua nhiều đời khác nhau nhưng thiện căn kia vẫn không mất cũng không hư hỏng khô cạn, chắc chắn sinh về cõi đó. Cả Đại thừa, Tiểu thừa, hữu lậu vô lậu, tán tâm hay định thiện, sự tướng hay quán tuệ đều gọi là nhất hạnh, tất

cả đều được vãng sinh, chỉ trừ người có chủng tánh ngoại đạo. Cho nên nói rằng chỉ luận về tâm khẳng định quyết không lừa dối nhau. Lại như kinh bảo rằng một lần niệm “Nam-mô Phật” thì đều đã thành Phật đạo thật đáng tin chắc. Vì người này có nhân tâm nhưng chưa khởi có hạnh lành nhưng chưa lập, thân tâm chưa chịu khuất phục lại trước cầu cảm ứng thì không thể cùng họ chuyện vãng được. Thế nên đức Thánh chủ Thích-ca suốt một đời thuyết giáo có vô lượng thứ Tam-muội, vô lượng thứ giải thoát, vô lượng hạnh nguyện, tổng trì tương ứng với vô lượng pháp môn. Chỉ có một pháp môn niệm Phật là trọn nhiếp đầy đủ tất cả không sót thứ nào, như biển cả kia thu nạp tất cả muôn sông, nhưng tánh không thêm bớt. Như viên ngọc châu Như ý dính trên ngọn phước cao, có thể làm trọn vẹn mọi nguyện cầu mong ước của tất cả chúng sinh nhưng thể nó không hề hao mòn. Bảo vương Tam-muội này hay gồm nhiếp, hay đầy đủ cũng thế, chính do nghĩa này nên Đức Thế Tôn của chúng ta đầu tiên lấy môn Tam-muội này khắp dạy bảo chúng hội, nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Trong pháp hội ấy có biết bao nhiêu bậc đại căn được nghe như Ngài Văn-thù v.v... và cả Tam Thừa Thánh hiền, Thiên long bát bộ đều kính phục và tin tưởng. Khi pháp môn này truyền bá ở Đông độ, có bậc đại chí đến tận Lô Sơn mở mang giáo hóa thì số người tin tưởng pháp môn này lan ra nhanh chóng như gió lướt trên cỏ, khắp thiên hạ đều trông vào, đây là giáo pháp cao đẹp nhất. Từ ngày Phật ra đời thuyết pháp đến nay đã hơn hai ngàn ba trăm năm, trong đó có biết bao nhiêu bậc Thánh hiền, cao tăng, nho sĩ, nông dân thương nhân, học trò, các nam nữ bình dân kể cả hoàng môn hạng tôi tớ... hoặc tự tu hoặc khuyên người khác tu, hoặc viết sách lập nguyện, trọng pháp như ngọc báu, coi thường thân mạng mình như bụi đất, gặp nạn cũng không sợ, chết đến cũng không màng. Các kẻ vưng chí lập hạnh, gắng sức tu đạo này đông không biết bao nhiêu mà kể. Hoặc tu tùy hỷ, hoặc tin tưởng quy y cho đến nhiều kẻ chí thành cố gắng hết sức mình tu hành và giúp ích cho mọi người. Thiệt là nhiều như sao trời hay bụi cát, chứ nói “nhiều” thì quá ít. Hoặc có người mới tin phân nửa, hoặc không tin, dự dự chưa quyết mà vẫn được sinh lên ở các nghi thành và vùng biên địa ở cõi ấy. Huống là kẻ tu hành chánh tín ư? Truyện ký ghi chép rất nhiều nhưng đó chỉ là một trong muôn phần sự thật. Từ xưa đến nay số người nhận được ân huệ Phật ban cho không có bút mực nào, lời lẽ nào kể hết được. Dẫu có nhiều cách tu của các đạo phẩm khác nhưng nếu chỉ nhờ vào sức của tự tâm mình mà thôi thì hoặc có lui sụt hoặc bị vướng vào ma chướng. Chỉ riêng pháp môn này nhân vì nhờ nguyện lực

của Phật nên hễ tu thì tất thành công, lại không bị ma nghiệp, vĩnh viễn không lui sụt. Lại pháp môn Tam-muội này không phải chỉ tránh được ma chướng mà ngay cả ở thế gian tất cả các việc dính dáng đến quan quyền, thị phi khẩu thiệt, các hoạn nạn về nước trôi, lửa cháy, cướp trộm, kẻ côn đồ, việc hung ác cho đến tất cả cạp beo sói gấu rắn độc thú dữ, quỷ quái yêu tinh, các việc không lành... đều không thể xâm phạm làm hại được. Lại cũng không bị tất cả các dịch lệ, bệnh thương hàn, ung nhọt, cùi hủi, hèn hạ, hoặc bị các bệnh về mắt tai mũi lưỡi. Nếu như hạnh nguyện không thiếu sót thì đều có thể dẹp trừ tất cả, chỉ đối với nhóm người ham chuộng danh vọng lợi dưỡng, thích các loại giặc ngọt ngào yêu thương, mềm mại và tâm bưng lửa giận. Dầu có sức của Đức Phật nhưng vì chính mình gây tội nên không thể cứu được. Người tu hành cần phải gia công tinh tấn để dẹp bỏ các lỗi lầm ấy. Nếu chỉ một niệm dần dà thì tất sẽ bị chúng cướp đoạt mất. Song các loài ma mềm mại ngọt ngào kia chỉ có thể phá hại những kẻ tin tưởng cạn cợt, tham lam, lưỡi biếng, mất chánh niệm. Còn như người tinh tấn thì lửa dữ gặp nước lại càng bền chắc, chỉ dám nhỏ nhẹ tới gần bên mà liếc xéo. Thế nên người tu hành nhân có Phật mà giữ gìn được các ma, không phải chỉ có thân này được an lạc mà lại thành tựu được Tam-muội. Cả hàng trời người đều giúp đỡ, khi lâm chung thì được chánh niệm mà vãng sinh. Các điềm ứng hiện khi được vãng sinh rất nhiều không phải một thứ: như hoặc nhạc trời trổ tấu khắp cả khoảng không, hoặc mùi hương lạ sức nức đầy nhà, hoặc ánh sáng chiếu khắp thân hoặc bảo tòa hiện ra trước, hoặc đích thân Đức Phật hóa hiện duỗi tay tiếp dẫn, hoặc quý Bồ-tát tay cầm đài báu trao tận tay người chết mà tiếp dẫn. Cho đến người ấy biết trước ngày giờ vãng sinh mà chánh niệm không hề nhầm lẫn, các chướng bỗng biến mất, tự đi tắm rửa sạch sẽ ngồi kiết già ở giữa chúng nói pháp xong liền chấp tay cáo biệt hoặc khuyên người tiến tu đạo hạnh, viết một đoạn văn, làm bài kệ rồi gác bút chấp tay từ tạ ra đi. Hoặc sau khi chết rồi mà thân thể tươi tắn như lúc còn sống. Các xương và răng, chuỗi hạt đốt mãi không tan. Hoặc hào quang với năm màu đẹp đẽ chiếu sáng rực rỡ lạ thường, hoặc các điềm lành ứng hiện trên không rất lâu mãi vẫn không tan. Ở chỗ thiêu thân thì xá lệ biến thành toàn ngọc châu, tự nhiên sinh ra cả, các điều vừa kể ai cũng đều nhìn, nghe thấy. Những người ấy nếu ngày thường tu hành chắc chắn do sức tinh tấn mà chiêu cảm thì đều được như thế. Than ôi, người đời nay có nhiều người tu mà không đạt hiệu quả là vì người ấy tín căn hãy còn cạn cợt mỏng manh, nhân địa chưa thật, chưa từng lập hạnh. Hoặc

trước là muốn được mọi người đều hay biết bên trong luôn kiêu căng, bên ngoài luôn muốn sáng chói, cốt khiến mọi người cung kính cúng dường, vì luôn mong mỗi cái sở đắc. Thậm chí nói bịa là đã thấy được cảnh Tịnh độ, hoặc mới thấy được chút ít cảnh lạ, hoặc trong mộng thấy tướng lành chưa biết là thật giả đúng sai thì đã vội nói toạc ra, khoe khoang đủ thứ. Các loại người thấp kém này chính đã bị các đám bạn ma quái trên lừa dối quá nhiều. Do đó mà nguyện hạnh thối thất, lại trôi theo cõi khổ sinh tử. Đâu không nên cẩn thận lắm sao?

Tuy có nghi thức trì tụng sám nguyện chốn đạo tràng nhưng không nên để cho người ngoài biết, bởi vì khi lộ ra chỉ là việc bất đắc dĩ, đâu nên riêng trưng bày dấu vết khiến việc tu quán hạnh phải hư hỏng. Thế thì người tu hành lại nên xét kỹ, phải thật kín đáo tự tu, bên trong luôn xấu hổ, chớ lộ bày các đức ra bên ngoài cho đến lúc đạt được kết quả mà không bị hai loại mạnh yếu kia có thể mê hoặc phá quấy. Trong số người có các chương đời trước sắp hết, thấy có chút ít tướng hảo, lại không chịu tu bồi công đức, khiến người ngoài nghe biết được thì hạnh ấy liền bị che lấp. Do đó mà Ngài Tuệ Viễn đã ba lần nhìn thấy được tướng Phật, Bồ-tát, nhưng ngày thường chưa tiết lộ lời nào, chỉ trừ khi đến lúc lâm chung mới hết lòng cầu đảo. Lại môn Tam-muội này thể tánh tuy tròn đủ nhưng việc hiểu biết cần phải rộng lớn, việc thực hành cần phải đúng với tất cả mọi chương điều nhỏ nhặt, cải đổi các lỗi lầm cho đến một lỗi nhỏ cũng phải hết sức e dè sợ sệt. Lại phải hiểu rõ vì hạnh Đại thừa mà nương học Tiểu thừa thì mới hợp với môn Tam-muội này. Nếu biết rằng tuy nhỏ mà tự mình không nhỏ, nhỏ là tùy theo sự hiểu biết tròn đầy, tròn đầy mà không lìa nhỏ thì nhỏ ấy tức là lớn. Giải hạnh lớn nhỏ chỉ là một lý như nhau, tức là cái thấy biết vượt khỏi cuộc đời tầm thường.

Kinh nói rằng hiểu kính cha mẹ, hầu hạ sư trưởng, từ tâm không giết hại, tu nghiệp thập thiện, thọ trì tam quy, giữ đầy đủ các giới hạnh, không phạm oai nghi, phát tâm Bồ-đề, tin chắc nhân quả, không chê bai kinh điển Đại thừa, khuyên mọi người tiến tu các hạnh. Mỗi câu nói trên là một pháp hạnh. Người xưa cứ mỗi hạnh đều viết thành một chương dạy bảo cẩn kể. Đây không nêu ra. Lại còn phải giữ gìn hộ trì tâm người, chớ khiến khoe khoang ganh ghét, mỗi động dụng đều tự như. Đọc tụng kinh pháp Đại thừa, hiểu rõ Đệ nhất nghĩa, luôn gần gũi các bạn lành, học hỏi các bậc tiên giác. Không chấp chặt cái thấy của mình, không tự khoe mình là giỏi, chí luôn nhẫn nhục, việc làm đều dựa vào lời dạy trong kinh, lắng nghe chánh pháp, không hủy báng tăng ni,

đẹp bỏ mọi khéo léo tạp nhạp ở đời, không ham danh lợi, lánh xa bọn tà ác, xử sự trung thực. Luôn quy lỗi về mình, tránh xa việc nói thêu dệt. Nhất tâm bất loạn, nhìn mọi người đều là Phật, dẹp bỏ hết nghề môn tài hay, chỉ chuyên cầu việc vãng sinh thì thân quyết được thanh tịnh. Vô lượng các hạnh lành như thế đều phải tu tập. Hay giúp chánh đạo, hay cắt đứt nhiễm tâm ở đời, đối với hai cảnh yêu ghét không có các lưu nạn, ngưng tâm như nhứt thì ắt sinh về Tịnh độ. Công năng ấy rất lớn không thể nói hết được, thế nên đối với pháp môn này nên kín đáo mà tu hành, hạnh cao mà không khoe khoang. Kẻ được sinh vào cõi ấy đâu biết là bao nhiêu, nhưng kẻ vãng sinh có tên được ghi chép trong các truyện ký thì chỉ như giọt nước so với biển cả, đâu thể đếm được số lượng. Nếu như người nào thường căn cứ vào lời khuyên răn dạy bảo, chỉ thật hành hạnh này thì còn có thể làm lợi ích cho các chúng sinh có vô số oán nghiệp. Huống là cha mẹ, sư trưởng, quyến thuộc pháp môn, bà con anh chị em hằng ngày thường giải cứu hoạn nạn cho ta, thường nâng đỡ ta mà không được lợi sao? Cho nên biết rằng chỉ tu hạnh này thì tất cả ân nghĩa đều đền đáp. Do đó cần phải nhất tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hai vị đại sĩ Bồ-tát và cảnh giới thậm thâm. Vì ở trong biển khổ rất khó được gần gũi khó thể nhớ nghĩ đến các Ngài. Bởi vì sao? Vì ai thường nhớ nghĩ tất là đã được giải thoát, bởi việc nghe tên còn khó thay huống là gần gũi.

Kinh có nói kẻ thiện nam người thiện nữ nào chỉ nghe được danh hiệu của Đức Phật và hai vị Bồ-tát thì trừ được tội trong vô lượng kiếp sinh tử, huống là nghĩ nhớ. Nếu người nào nghĩ nhớ Phật thì phải biết người này là hoa Phân-đà-lị trong loài người, cùng làm bạn lành với hai vị Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đang ngồi trong đạo tràng, sinh lên cùng nhà với chư Phật. Thế nên cả mười phương Như Lai hiện ra tướng lưỡi rộng lớn để ân cần khuyên cố gắng. Đức giáo chủ cõi Ta-bà đĩnh ninh dạy bảo thành thực lời lẽ tha thiết khiến chúng sinh ngủ trước nên tu đạo này thì sẽ được thoát khỏi cuộc đời. Bởi vì sao? Bởi vì chúng sinh ngủ trước kia cả thân tâm đều khổ, vì lấy khổ làm mạng sống, cũng như đồng nước lửa, nhưng Đức Phật riêng ở một chỗ, hạnh từ bi rất sâu sắc, ứng hiện đúng cơ nghi như nước với mặt trăng, vì cảm ứng đạo giao vậy. Thế nên đức Thế Tôn từ khi thành chánh giác đến lúc nhập Niết-bàn, lời nói không sai khác. Trong các thời thuyết pháp đầu tiên từ hội Hoa Nghiêm, cuối cùng là đạo tràng Pháp Hoa, lời vàng ngọc dạy khuyên khắp chốn kể sao hết được. Các bậc tâm lớn chí cao trong các pháp hội ấy nhờ ý chỉ từ bi tùy thuận ấy đều phát nguyện cầu

vãng sinh. Huống gì bọn chúng ta căn cơ đần độn bị trôi giạt trong đời mạt pháp này. Hàng thức giả cần nên ghi xương khắc cốt rằng mình là người không hề đoạn dứt nguyện lực Di-đà, suốt đời không biết mệt mỏi. Bậc Thánh nhân lấy pháp này đề xướng ra trước, các kẻ hiền cũng từ pháp này nối tiếp theo sau, mở rộng khắp mười phương ba đời đâu phải chỉ nội trong thiên hạ, thậm đầy cả lục đạo tứ sinh, há chỉ có loài người được hưởng. Thiên thần đều nhờ hóa độ, quỷ vật ai cũng thuận nường. Người và phi nhân đều khen ngợi ngưỡng mộ, ghi chép các hạnh các việc đầy khắp sách vở, chất chứa ngập tràn cả kho tàng biển cả long cung, bày khắp cõi nhân gian thiên thượng, cội rễ sâu chắc từ lâu, tất cả đều ứng hợp với mọi căn cơ hoàn cảnh. Đó chính là do nguyện lực Di-đà gây nên như thế. Đức Phật có nói trong đời ác rốt sau khi pháp ta diệt mất thì chỉ có pháp môn này được lưu truyền lâu khoảng trăm năm để hóa độ tất cả quần sinh. Nhưng pháp này há không phải là lời dạy thân thiết sau cùng cho bọn chúng ta đấy sao?

Các loài chim tên Bát bát Cù-dục là giống bị đọa trong loài ngu si vọng tưởng, được người luyện tập cho việc xưng niệm danh hiệu Phật, cũng nhờ sức Tam-muội mà sau khi chết chỗ chôn xác còn mọc lên đóa hoa sen, huống gì đối với loài người. Người mà không bằng thế thật không biết xấu hổ. Bọn ta sinh ra thuộc năm trăm năm cuối của đời mạt pháp cho nên người có căn cơ cạn mỏng nghi hoặc không tin. Và lại đây việc thấy sai hiểu bậy, mỗi người chấp chặt không giống nhau, xúm nhau rủ rê dụ dỗ khiến người có Chánh hạnh kia phần nhiều phải bị lầm lẫn mê loạn, thật đáng thương thay.

Thế nên nay tập hợp các văn Thiền tông và Tịnh độ và các kinh văn khác chọn lấy các nghĩa tinh yếu sâu xa nhất soạn thành lời viết, thành sách mà lưu truyền khắp nhân gian, để phá bỏ tà thuyết làm sáng tỏ chánh pháp. Khắp nguyện tất cả chúng sinh trong pháp giới một khi nghe thấy các lời nói này thì liền hiểu rõ, thấu suốt chân tâm mà biết rõ y chánh Di-đà vẫn ở Tây phương, biết rõ y chánh Tây phương không lìa bốn tánh. Hễ là hàm thức đều đồng vãng sinh, đều cùng vào ngôi bậc. Càng mong các bậc tiên giác chẳng tiếc lòng Từ bi thấy kẻ chưa ngộ thì đúng giáo pháp mà dẫn dắt. Nếu người đi trước còn mê mờ thì hãy nên tùy căn cơ bệnh trạng vì họ mà chỉ bày chỗ sâu kín nhỏ nhất. Nếu người này một niệm tin hiểu thì hạnh nguyện ắt thành, có thể trông mong được vãng sinh, công đức khó thể kể hết. Dẫu cho có người bị tà kiến vây chặt, tin ưa không sâu, chỉ cần một câu dính vào thần trí thì cũng tạo nên hạt giống nhân duyên, dần dần sẽ có lợi ích vô cùng vô

tận. Công khuyên người phát tâm đâu không phải lớn. Nếu người quá có khả năng ở tâm không cần thầy như thế mà không đối không lừa, đúng theo chánh pháp này mà khuyên dạy người không mệt mỏi. Dầu chính mình không tu không làm thì tức là đã làm đã tu, dầu mình chưa học thì tức là đã học. Bởi vì sao? Vì pháp giới chỉ là một tướng không mình không người. Như thời xưa có người suốt cả một đời chưa hề tu hành, nhưng chỉ có hai lần dốc hết tất cả của cải bình đẳng nhất tâm, lập hội khuyên người cùng niệm Phật. Cho nên khi mạng chung thì cũng được vãng sinh. Chuyện này thật rõ ràng. Cho nên biết ai phát tâm Từ bi, hiện bày tướng nhiếp thọ và hay làm lợi cho người khác, khuyên người niệm Phật thì cái sở đắc sẽ rất lớn rất nhiều. Thật là sứ giả của vô thượng pháp vương, nhưng không nên chấp rằng chỉ mình thì nhất định là không cần phải tu. Thế nên pháp môn Tam-muội này rất thâm thâm, sâu rộng như biển cả, việc trình bày các lợi ích của nó đâu thể nói hết được. Nghe rồi thì nhớ lấy, hãy vì đời mà khuyên họ phát tâm niệm Phật.

19. Riêng trình bày môn một nguyện bốn nghĩa.

Có người hỏi rằng về sách khuyên phát tâm niệm Phật tôi thấy người xưa có rất nhiều, dầu là xướng họa tìm hiểu nhau, lời văn hoặc giống hoặc khác nhưng về ý nghĩa thì không hề khác. Như tập sách này có thêm các thứ nói về “y chánh”, về “quán tuệ”, về “phân chiết nhiếp”, về nói rõ các nghĩa v.v... ngoài các thứ nói trên ra phần còn lại thì đều thuộc loại đẹp vọng hiển chân... mà ta chưa được nghe. Tuy rằng từ xưa người học cao thâm, xa xưa nhất vẫn chưa quyết chắc các điều trình bày đã hết, vẫn còn chờ đợi người khác nói thêm. Huống chi ta dám coi nhẹ sự kiện ấy. Tôi tuy chưa nhập vào đạo trực chỉ nhưng cũng được nghe các điều lợi ích mới mẻ, vậy xin dám hỏi lấy gì mà làm?

Đáp: Ôi ta không theo phép đạo hại đời mà chỉ cốt phá bỏ khối ngu si, dẹp bỏ tà kiến nên vì họ mà nói. Tôi đâu dám bảo là biện luận hay giỏi. Sở dĩ phải nói ra chỉ là bất đắc dĩ thôi.

Lại hỏi: Nói về Tam-muội này thì rất rõ ràng sáng sủa. Nhưng có kẻ bảo là khó nắm hết được. Vậy có thể lấy một câu mà nói hết cái nghĩa của nó chăng?

Đáp: Đâu cần phải một câu, chỉ một chữ cũng đủ để nói hết, đó là nguyện. Còn nếu nói một câu thì đó là giới-giải-hạnh-hưởng. Song nghĩa của bộ sách này không nêu ra một câu giới-giải-hạnh-hưởng. Một câu giới, giải, hạnh, hưởng, quyết chỉ là từ nguyện khởi lên, nên có thể nói một chữ nguyện là đủ cả. Thu mở rộng hẹp một cách tự do, đâu thể

vướng mắc vào một góc cạnh nào?

Thế nào gọi là Giới? Người tu hành đã tu Tam-muội nếu không trì giới, mặc dù có tín tâm mạnh mẽ vẫn bị các ác duyên tạp nhiễm ở thế gian nó xâm phạm cướp đoạt. Bao nhiêu trần lao tai họa phá hoại pháp thân khiến kiến giải phải rơi vào tà đạo mà không được vãng sinh. Kinh nói nếu trong một ngày đêm mà ai trì giới Sa-di hoặc giới cụ túc thì liền được vãng sinh. Cho nên cần phải trì giới vậy. Sao gọi là Giải? Người tu hành tu hạnh Tam-muội này là cốt cầu sinh Cực lạc, nếu không dùng thâm tuệ diệu giải này. Biết rõ hai cõi sạch dơ, Đông Tây đối nhau, chân thật không lầm lẫn. Lại biết hai cõi tịnh uế đây đều hoàn toàn có đủ trong tâm mình, không lia đờng niệm, nên dù tu pháp nào thì cũng có thể được sinh lên cõi ấy. Kinh nói đọc tụng kinh điển Đại thừa, hiểu rõ Đệ nhất nghĩa bèn được vãng sinh, cho nên phải hiểu biết chân chánh.

Sao gọi là Hạnh? Người tu hành cầu sinh Tịnh độ, tuệ giải đã đứng đắn thì nương vào hiểu biết mà lập hạnh, sáu thời hành đạo, Tam nghiệp không sai sót, thẳng tiến không lui sụt, quyết mong được sinh vào cõi ấy. Kinh nói tu hành sáu niệm, phát nguyện hồi hướng từ một ngày cho đến bảy ngày liền được vãng sinh, cho nên cần phải lập hạnh vậy.

Sao gọi là Hưởng? Người tu hành quyết muốn được vãng sinh nên đối với các thứ giới, giải, hạnh mà có các công đức như thế. Và nay tất cả mọi lúc mọi nơi đều cùng với thiện căn lớn nhỏ từ vô thủy đến nay tất cả đều hồi hướng về Tịnh độ, nên khi lâm chung bèn quyết được vãng sinh. Kinh nói phát nguyện hồi hướng cầu vãng sinh về cõi Cực lạc, ví như làm các việc cho nhà thì về nhà được dùng. Cho nên cần phải phát nguyện hồi hướng vậy.

Một câu nói về nghĩa bốn pháp môn rộng lớn này nó bao gồm tất cả các thiện pháp. Cũng như bốn thời kỳ kết thành hạt trái, thì mỗi thời đều rất cần thiết, thiếu một sẽ không thành. Cả bốn pháp môn này cũng thế, nếu thiếu một thì Tam-muội không thành tựu. Cho nên cần phải tu đủ cả bốn nghĩa thì mới trọn thành một nguyện.

Hỏi: Chỉ một câu này mà lại thành nhiều câu sao?

Đáp: Nhiều câu tức là một câu, một câu tức là nhiều câu, nhiều câu và một câu đều bao gồm hết các nghĩa. Không thể bảo nhiều câu thì nghĩa rõ mà một câu thì nghĩa thiếu.

Hỏi: Nếu thế tại sao không chỉ nói một câu thôi?

Đáp: Nhiều câu là nói rộng, một câu là nói ngắn gọn. Rộng hay ngắn gọn tuy khác, vì mỗi thứ thì tùy theo căn cơ mà đều được sáng tỏ

đạo lý. Đâu có thể chỉ nói một câu mà bỏ đi việc nói rộng rãi.

Lại hỏi: Cả ba nhà trong thôn ấp, trai gái bình dân, ông bà đức hạnh, Đông Tây miễn luận, đậu lúa chẳng phân chia, một tiếng mà bốn nghĩa, trì giới v.v... mờ mịt không biết gì. Hoặc chỉ nhất tâm mà xưng niệm danh hiệu, hoặc chỉ chuyên cần kính lễ mà được vãng sinh, khi lâm chung thì lại có sự ứng nghiệm rất rõ ràng, là vì sao?

Đáp: Trong nhất tâm này thì pháp nào lại không đầy đủ. Đã do tuệ giải mà tin chắc có hai cõi, phát hạnh xưng niệm danh hiệu, hồi hướng cầu được vãng sinh, há lại phá bỏ giới Phật. Như thế là bốn nghĩa đã đủ, các hạnh không lập mà tự thành, bèn được vãng sinh hoàn thành nguyện đầu. Đâu có thể gọi là thóc đậu, Đông Tây không phân biệt đó ư?

Hỏi: Nếu thế người tu hành chỉ cần nhất tâm thì các hạnh đều tự đủ, không cần phải lập bốn nghĩa v.v...

Đáp: Nếu kẻ nào trước đã biết bốn nghĩa mà nhất tâm thì như đã có nền tảng vững chắc nên vĩnh viễn không bị lui sụt. Nhưng kẻ trước đã do nhất tâm mà đủ bốn nghĩa dầu được vãng sinh nhưng nửa chừng bỗng gặp bọn ác ma tà đảng thì phần nhiều bị lui sụt. Thế nên biết lại lấy bốn nghĩa là hơn cả.

Lúc chúng thưa hỏi sắp ra về thì có người chợt trình bày ý kiến thưa rằng: “Con nghe sách khuyên người phát nguyện tu Tịnh độ rất nhiều. Từ xưa đến nay số người viết cũng lắm, toàn là lời văn ý nghĩa đều lành và rất thích hợp với mọi cơ nghi khắp mọi người ở thế gian. Lại kẻ căn cứ vào lời khuyên dạy mà được vãng sinh cũng rất nhiều, có thể bảo rằng về nghĩa lý thì không có gì khác lạ mới mẽ. Vậy tại sao nay còn phải viết thêm nữa, không khéo có thể khiến người học có chỗ hiểu sai khác chẳng . Nay đọc kỹ tập sách này thì thấy nghĩa cũng thuật lại lời xưa. Những gì người xưa đã nói rồi thì đâu cần phải nhắc lại nữa làm gì. Còn nếu nêu ra nghĩa khác thì người thời nay không hiểu, e rằng trở thành những điều phỏng đoán gán bừa rằng ấy là vì danh hoặc vì lợi mà nói. Xin được nghe điều cần yếu.

Đáp: Ôi sao ông dốt lắm thế, thật khó dạy khó hiểu. Ta nói nghe lời người xưa thì đó chính là kinh của Phật của Tổ, mà đã là kinh của Phật của Tổ thì dầu chỉ là nghĩa của một câu thì giả sử như tất cả chúng sinh số nhiều như bụi cực vi ở khắp đại thiên thế giới, có trình độ như Ngài Phổ Hiền thì trải qua mấy kiếp mà luận bàn về ý nghĩa lý thú cũng không thể nào hết được. Vậy những điều người xưa đã nói thì người thời nay không thể nói được nữa sao? Và những gì Phật đã nói thì người xưa

không thể nói ư? Không biết rằng người nay không thuật lại những lời của người xưa là vì lời nói và việc làm của người xưa chưa sáng tỏ hoặc vì người xưa chưa rủ lòng thương sự chí thành của người nay, hay chí người thời nay quá lo lắng không biết nương tựa vào đâu. Vả lại dầu nghĩa có thuật lại của người xưa nhưng ý thú không trùng lặp, lời văn tuy riêng lập mà lý nào khác xưa. Nhưng chỉ vì thời gian mãi trôi mà người thì lần hồi khuất bóng, chỗ hiểu biết có trăm mối nghìn điều. Tuy vừa hết cái nghi A thì lại tăng thêm bệnh B, bệnh B vừa lành thì tật C lại sinh, lần hồi có nhiều ngả rẽ. Nhiều giòng nhiều chi phái là do sự hiểu biết nhận thức có nhiều riêng khác vậy. Vả lại kinh sách của Thánh hiền tuy nhiều như núi cao biển rộng nhưng phần nhiều đều lạc mất hết. Kẻ hậu học căn cơ chậm chạp rốt cuộc khó nghiên cứu suy tìm, cho nên trong phần văn dài rộng kia, tôi chỉ chọn lấy các nghĩa tinh hoa cốt yếu nhất để giải quyết gấp sự lầm lạc cho kẻ đương thời, soạn thành một pho cốt chữa trị hết tất cả các bệnh trầm kha, há nào phải vì lợi vì danh ư? Các điều ông hỏi thật đáng xấu hổ. Ví như biển cả nhận lấy nước từ muôn sông, đâu hề chán bỏ cái sâu rộng, đắp đất cho núi, núi nào ghét sự càng cao tốt. Vả lại cái nghi ngờ của người thời nay thì người xưa chưa từng nghe biết, còn ý riêng của người xưa thì người nay chưa thấu suốt hết được. Đời nay cách Phật đã xa nên cần phải căn cứ vào kinh mà luận thật sáng rõ cái nghi của người nay vậy, cũng như trong nhà đầy cả vàng và thuốc đều quý cả nhưng nếu không biết cách chữa bệnh mà chọn lựa cái thích ứng để xử dụng thì chẳng những tật bệnh càng nặng, phí của mà mạng sống cũng khó an toàn. Lại một nghĩa trong kinh muôn lần hiểu thì muôn lần sáng rõ hơn. Vậy có sợ gì phải nghe lại lời nói cũ, e ngại gì mà nói điều chưa ai nghe. Vậy ông cần phải đối với pháp môn Tam-muội này mà tìm hiểu tường tận, lập hạnh nguyện lớn, thẳng tiến đến đạo mâu, cầu được vãng sinh Tịnh độ. Hãy rất cẩn trọng chớ nên đợi lúc lâm chung giả biệt cõi đời thì lòng yêu mến cảnh, tiếc thân mạng giống như con rùa sống bị lột ra khỏi mai, muôn ngàn khổ sở chất chứa đầy tâm, ăn năn không kịp.

20. Trình bày nghĩa niệm Phật diệt tội.

Lại có người khách đến hỏi:

- Niệm Phật Tam-muội trực chỉ đầu tiên là cảnh y chánh Cực lạc, cuối cùng là cầu được vãng sinh, các phần hạnh nguyện đều rất đầy đủ. Nhưng trong kinh có câu nói một lần niệm danh hiệu Phật có thể diệt hết tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Đối với lời nói này con không thể không nghi ngờ. Nếu quả đúng như lý này thì xem mọi người

trong đời này từ sang đến hèn, trong suốt cuộc đời họ chưa có ai không một lần xưng niệm danh hiệu Phật. Như thế thì họ đều được diệt hết các tội nặng, tất cả đều được sinh về thế giới Cực lạc. Vì sao người đời phải nương vào nghiệp thức xa xưa mênh mang. Khi chết khổ sở như cua bị lột trong chảo nước sôi, sinh lên cõi trên hay đọa xuống cõi dưới không biết nơi nào. Vậy nghĩa diệt hết tội ở đâu. Nếu đúng là lời Phật nói không dối trá thì xin Ngài vui lòng giải thích.

Đáp: Lời ông hỏi thật xác đáng. Người chưa ngộ đạo ở thế gian này theo lời ông hỏi nếu đối với môn Tam-muội này thì quyết không lui sụt, sinh thẳng lên Tịnh độ vậy. Nhưng người tu hành đời nay đều bảo lời nói này là để phương tiện khuyên cố gắng. Chứ đâu biết là lời nói rất thành thật của Đức Phật, quyết là không dối lừa ta đâu. Ông há không nghe câu ở vô lượng kiếp trước, nhà người cùng với Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni đồng là phạm phu ư? Nhưng Đức Thích-ca của chúng ta từ khi thành đạo đến nay đã trải qua ngàn ấy số kiếp điểm trần. Về số kiếp điểm trần này trong kinh Pháp hoa có nói rất rõ. Song trong ngàn ấy ở địa vị phạm phu ta cũng trôi giạt trong lục đạo, tạo ra vô số kiết nghiệp không thể tính đếm, lâu xa đồng với Phật đến nay không khác. Số trần kiếp ấy cũng không tính đếm được. Giả sử có người trong suốt một đời, không kể các thiện pháp khác, người này chỉ niệm danh hiệu Phật, trọn đời niệm hoài không dứt. Trong mỗi tiếng niệm danh hiệu Phật ấy đều diệt hết trọng tội của tám mươi ức kiếp sinh tử. Song số lần niệm Phật trong suốt một đời và kể cả các đời khác đã diệt hết vô số kiếp trọng tội tuy nhiều thật, nhưng nếu đem sánh với số kiếp điểm trần lâu xa lớn lao kia thì không khác nào lấy đất trong đầu móng tay mà sánh với đất của đại địa. Đâu có thể bảo rằng vì niệm danh hiệu Phật đã diệt hết các tội trong nhiều kiếp, mà không còn nghiệp của kiếp nào khác ngăn ta không cho sinh lên Tịnh độ. Mà không biết rằng số tội chưa diệt hết kia ở trong vô số kiếp dài lâu từ vô thủy không bờ mé, bằng tuổi thọ của Phật, thật còn hơn số lượng của tám mươi ức kiếp gấp nhiều lần. Lại cũng như đước lửa tuy rất nóng nhưng muốn diệt hết tuyết của cả đại địa đây thì đâu có dễ dàng gì. Cho nên tuy có niệm Phật được diệt các tội nhưng chưa được vãng sinh là do nghĩa như thế. Huống là người có tâm cứng nhắc tạo nghiệp nhiều kiếp, mà tâm yếu ớt niệm Phật chỉ trong giây lát, thì lui sụt rất dễ mà tiến lên rất khó. Lại huống trước đây cùng Phật làm phạm phu trải số kiếp nhiều gấp bội. Cho đến phiên não thì từ vô thủy còn phát tâm niệm Phật thì chỉ mới đây, vậy tội làm sao diệt hết được. Sao không nghĩ điều đó? Nay nói một ngày cho đến bảy

ngày, nhất tâm bất loạn thì liền được vãng sinh đến khi lâm chung mà nhất tâm bất loạn chỉ cần niệm danh hiệu Phật một tiếng thôi thì diệt hết tám mươi ức kiếp sinh tử trọng tội. Cho đến kẻ tạo tội ngũ nghịch, khi lâm chung tướng lửa ở địa ngục hiện ra, mà có thể niệm danh hiệu Phật được mười tiếng thì đều được vãng sinh Tịnh độ. Bởi nhờ ta niệm danh hiệu Phật mà được diệt hết tội, dù oai thần công lao chỉ tí xíu, nhưng do sức của đại nguyện mà được Phật nhanh chóng cứu hộ. Ví như một chiến sĩ đang đánh trận bị lọt vào vòng vây rất nguy hiểm tính mạng. Bỗng gặp một chàng dũng sĩ với cung mạnh giáo nhọn ngựa hay chạy nhanh liền đem hết dũng khí cặp nách người này nhảy ngay lên ngựa, oai dũng chém tướng giết quân, nỗ lực dẹp tan thế trận đột nhiên thoát khỏi vòng vây, đoạt công chiến thắng võ về trăm họ thì ân bố đức, trở về dâng chiến công lên vua an hưởng thái bình vĩnh viễn. Đây cũng thế, Đức Phật kia tiếp dẫn chúng sinh về cõi Cực lạc nghĩa cũng vậy, cho nên nói niệm một tiếng Phật thì diệt hết tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Không phải như người niệm Phật thời nay hôm nay vài ba câu, sáng mai bốn, năm câu lại còn chần chờ dự dự. Hoặc thấy trước mắt chút cảnh thanh sắc thì liền bị chúng kéo dắt lôi đi, hoàn toàn không còn nắm giữ chút gì, y hệt như kẻ chưa từng niệm câu nào. Nếu muốn nhân một lần niệm danh hiệu thật sự diệt hết các tội trong nhiều kiếp, không bị gì cản ngăn khiến vãng sinh liền lên Tịnh độ, điều này có thể được. Song như việc niệm danh hiệu này thì mỗi tiếng niệm đều diệt hết tội của số kiếp như thế, nhưng chỉ hiềm tâm ban đầu chậm lại, quả báo vãng sinh cũng chậm lại chỉ có thể làm duyên để sinh vào đời khác thôi. Hoặc ai có thể niệm mãi không ngơi nghỉ thì cũng chỉ có công làm thành nhóm sương hoặc thành dòng nước nhỏ, chứ đâu thể như trước nói mà so sánh hơn kém nhanh chậm. Nếu với người luôn tinh tấn thì có thể như trước nói nhanh chóng như lật bàn tay, như tên bắn trúng đích. Cho nên biết kẻ tán tâm mà niệm Phật và kẻ dù chí thành nhưng chưa dứt hết vọng tưởng, hoặc bị các tội ở ngoài số kiếp hạn định ngăn trở thì có báo chỉ sinh vào đời khác mà không thể là công ứng nghiệm ngay liền. Nếu kẻ nào gắng hết sức lớn tiếng mà niệm với ý chí mạnh mẽ thì đã diệt hết ngần ấy kiếp tội do sức mạnh mẽ nhanh chóng thì tội của các kiếp khác cũng không thể chướng ngại bèn thành tựu được mười niệm nên được vãng sinh Tịnh độ. Nghĩa này thấy khá rõ ràng quyết định là không có chướng ngại. Đâu phải như người mơ màng niệm Phật vì dựa vào nghiệp thức mờ mịt như cũ, đến khi lâm chung thì như loài cua bị rơi vào chỗ chảo nước sôi mà nghi là Đức Phật vọng ngữ, cho đó chỉ là

lời khuyên để mọi người cố gắng, cho nên biết Phật lực rất rộng lớn, khắp trùm mọi lúc mọi nơi, hay giữ các điều thiện dù rất nhỏ của ta mà đưa vào đại nguyện, khiến cho đồng một vị cứu vớt các chúng sinh đặt vào chốn rất an lạc, khiến tội tất cả các kiếp đều được tiêu diệt hết, sao chỉ diệt có tám mươi ức kiếp tội nặng thôi ư? Như thế thì công đức niệm danh hiệu Phật thật khó tính lường. Đó là ý chỉ Đại thừa viên đốn cắt ngang vượt thẳng mà ở đây có thể thấy rõ.

Thập nghi luận có nói ví như sợi dây cột trói mười vòng cả ngàn chàng trai mạnh khỏe khó bứt đứt, một đứa bé quơ dao bén nhọn chỉ phút chốc đã cắt rời làm hai. Như trong Quán kinh ở phần hạ bối sinh nhân có nói đây là dụ vừa niệm Phật vừa trừ diệt tội liền sinh. Lại như lúc Phật còn tại thế, có người đến chúng hội cầu xin xuất gia khắp các Thánh chúng lần lượt dùng đao nhãn xem xét người này, tất cả đều bảo rằng người này xưa nay vĩnh viễn không có thiện căn, bèn không chịu độ cho. Sau cùng người này đến chỗ Phật, Phật bèn độ cho. Các thầy Tỳ-kheo đem việc này thưa hỏi Phật. Phật bảo người này tuy không có thiện căn, nhưng ở vô lượng kiếp trước thì có, vì đao nhãn của hàng nhị thừa không thể biết được. Người này kiếp trước là tiểu phu đi hái củi bị cọp rượt đuổi nên leo lên cây mà trốn, thất thanh niệm ba chữ “Nam-mô Phật” do một lần niệm đó mà ở trong hiền kiếp gặp ta được độ. Người này về sau hiểu đạo, đây là nói một đời niệm Phật nhưng chưa được báo liền. Ở đời sau này mới được vãng sinh. Nêu việc này ra đây để biết một lần niệm danh hiệu Phật tuy chưa dính dáng đến vị Phật nào còn có thể khiến người này diệt hết tội mà đắc đạo, hướng chi nguyện lực của Đức Phật Di-đà vượt ngoài mười phương. Nếu chuyên chú vào vị Phật ấy thì công đức xưng niệm danh hiệu khiến diệt hết các tội chướng có thể nghĩ bàn được sao?

Kinh có nói một lần niệm Nam-mô Phật đều đã thành Phật đạo. Lời nói này là một minh chứng vậy, cho nên biết rằng nếu hay xưng niệm danh hiệu Đức Phật Di-đà, niệm niệm không dứt thì công đức này thật khó thể kể xiết. Dầu người có chướng nặng lại có tán tâm và lui sụt thì việc vãng sinh về cõi ấy tất sẽ ứng nghiệm ở tương lai. Lại việc xưng niệm danh hiệu Phật là thuộc ở miệng thì chỉ luận về công của nó, còn việc niệm Phật ở tại tâm mình thì mới là hiện bày cái đức. Luận về công thì chính ở chỗ ta không biết mệt mỏi chán lười, còn hiện bày đức thì mới thấy được Phật hiện ra trước, hai nghĩa không đồng hơn kém thấy rõ. Miệng niệm mà còn thế hướng là tâm niệm ư? Thế nên nay nhân điều ông hỏi ta chỉ y theo kinh mà thuật lại các việc để mọi người quyết

chí đồng hạnh đều thấu suốt. Mong rằng với các nghĩa trên mà nên tu hành đúng lời chỉ dạy, vậy xin thận trọng chớ nên nghi ngờ.

21. Lược nêu hạnh của các Tổ.

Pháp môn thật rộng lớn bao gồm hết tất cả căn cơ của chúng sinh, dễ tiến nhanh mà công hiệu cao, các hạnh khác đều không sánh kịp. Thuở đầu tiên pháp môn này được Phật nói ra từ đỉnh núi Linh Thứu, là căn cơ lớn đều tụ hội về. Sau cùng là sáng rực rỡ ở Trung Quốc, Tam Thừa đồng chứng, những kẻ được hóa độ càng nhiều, thật là xưa nay chưa từng có. Có thể bảo đây là một pháp môn rộng lớn vượt trội, mẫu nhiệm cao tốt nhất khó thể nghĩ bàn. Khi Viễn tổ ở đời Đông Tấn đã cùng dựng nhà ở Lô Sơn, xướng lập giáo thuyết này. Lúc đó tập hợp được một trăm hai mươi ba người. Tổ sư ba lần thấy tướng Phật đứng như sự ước nguyện mà được vãng sinh. Ngài Lưu Di Dân là kẻ học sĩ ở triều đình đã làm văn lập thế nguyện, về sau cũng thấy được Đức Phật đích thân xoa đầu, lại lấy y đắp vào thân mình. Lại các bạn đồng chí hưởng như Khuyết Công Tắc v.v... đến khi lâm chung đều cũng có các việc như trên. Đây là chuyện thật ở đời ai cũng biết, sách vở có ghi chép rõ ràng. Đời Thạch Tấn quan Hàn lâm Trương Kháng chỉ trì chú Đại bi mười muôn biến. Đời Lưu Tống ở Giang Lăng có vị sư Đàm Giám, hằng ngày dù các việc lành bé nhỏ đều đem hồi hướng cầu sinh Tịnh độ. Đời Nam Tề ở Dương Đô có sư Tuệ Tấn nguyện tụng kinh Pháp Hoa để cầu hạnh Tịnh độ. Cả ba vị này đều được vãng sinh về Cực lạc, có thể bảo hạnh này không lường uống. Ông Trương Kháng thấy cảnh Tịnh độ hiện ra ở phía Tây nhà thật lâu cũng chưa biến mất. Sư Giám thì thấy đức Di-đà lấy nước rảy vào mặt và bảo “ta rửa sạch bụi nhơ cho ông, khiến tâm niệm ông được trong mát, khiến thân miệng ông đều được nghiêm tịnh”. Lại thấy trong bình nước Đức Phật đang bưng có hoa sen mọc lên. Việc này sư chỉ nói riêng với các sư trong chùa. Còn sư Tấn nhân tụng kinh Pháp Hoa mà thành bệnh, bèn nguyện tạo ra một trăm bộ kinh Pháp Hoa để thí cho người, nhờ người tụng dùm mình. Khi tạo kinh xong thì bệnh lành, bỗng nghe trên không trung có tiếng khen “lành thay !”, rồi liền theo đó mà vãng sinh. Công đức lớn của ba vị này thật khó thuật lại đầy đủ. Lại ở đời Hậu nguy ở Bích cốc, có sư Đàm Loan bỏ đạo tiên theo học đạo Phật, tu môn Tịnh độ coi là pháp chân trường sinh. Khi lâm chung bèn khiến đệ tử lớn tiếng niệm danh hiệu Phật, sư Loan liền quay mặt về hướng Tây cúi đầu mà viên tịch. Lúc đó trên không trung tiếng nhạc trời trỗi vang theo hướng Tây mà đi. Đời Tùy, sư Đạo Dụ lấy gỗ thơm chiên-đàn hương tạc tượng Đức Di-

đà cao ba thước, phát nguyện cầu vãng sinh. Chết rồi mà sống lại bảo rằng chính mắt thấy được điềm lành trong chốn u minh, thấy Đức Phật bảo rằng ngày mai khi sao mai mọc, ta sẽ đến tiếp dẫn ông. Quả nhiên đúng hẹn thì Ngài tịch. Về các hạnh lớn ấy thì như đời Đường, ở Kinh sư có Hòa thượng Thiện Đạo, ở Thai châu có Hoài Ngọc, ở Phần châu có Phương Quả là hai sư, ở Chơn châu có Tự Giác, ở Mục châu có Thiều Khang và ở Tinh châu có Hoài Ngạn v.v... đều không lia bỏ Đại thừa, lập thế nguyện vững chắc tu đầy đủ hạnh Tịnh độ, việc ứng nghiệm rất rõ ràng làm cảm động cả hàng trời người, mây pháp khắp che, gồm nhiếp vô cùng, mưa pháp rưới khắp thấm đượm đầy tràn tất cả. Các đức hiện bày không phải một mối, thật không thể kể hết được.

Lại đời Trần Tùy, Ngài Thiên Thai Trí Giả Quốc sư truyền pháp đến các vị Tổ như Pháp Trí, Từ Vân... đời Tống sơ các Ngài Vĩnh Minh, Trí Giác thiền sư, Ngài Trường Lư Từ Giác thiền sư... các vị đại Thánh sư này hạnh vượt hơn trời người, đức trùm khắp ba cõi, là mặt trời tuệ dẹp tan nẻo tối, là kẻ dẫn đường phá chỗ khổ nguy, đều lấy pháp môn Tam-muội này mà làm lợi mình lợi người, là đạo cứu đời kiệt xuất. Khi việc giáo hóa đã xong xuôi thì các Ngài đều được vãng sinh vào bậc thượng phẩm. Lại như đời Đường ở Trường An có ni cô Tịnh Chơn tụng kinh Kim Cang hơn mười muôn biến, trong năm tháng khi sắp lâm chung thì mười lần thấy Phật, hai lần có phép thần thông đi ngao du khắp cõi Cực lạc. Đời Đường, ông Phòng Chử nhân khuyên được một người niệm Phật mà cảm động khắp chốn u minh. Ở Trường An có Lý Tri Dao sau năm hội niệm Phật thì thấy giữa không trung có thần tăng đến tiếp dẫn và được vãng sinh Tịnh độ. Ở Thượng đàng có Diêu Bà niệm Phật đứng hóa. Ở Tinh châu có vợ của Ôn Tịnh Văn tu hành đúng hạnh nguyện. Lại như Trương Chung Quì và Trương Thiện Hòa đều chuyên nghiệp giết hại. Khi tướng địa ngục sắp hiện ra, nhờ chí tâm niệm đủ mười danh hiệu Phật liền được vãng sinh. Đời Thạch Tấn ở Phụng tướng có sư Trí Thông, đời Tống ở Minh châu, sư Khả từng nghiên cứu rất lâu các di văn của Ngài Trí Giả rồi nhất tâm tu tập, sau cũng được thần thông đi thăm chơi Tịnh độ thì thấy trên tòa sen có ghi tên mình. Sau khi xuất định đều đúng y như lời kể. Ở đời Tống các ông Kim Thái Công, Huỳnh Đả Thiết, Ngô Quỳnh... xưa kia đều làm các nghiệp ác, nhân về sau biết cải hối tinh tấn tu hành nên khi lâm chung đều có điềm lành ứng hiện. Như Kinh Vương phu nhân, còn gọi là Quan Âm huyện quân, Bằng thị phu nhân đều thuộc hàng nữ lưu, nhưng đức hạnh lại sáng rỡ nổi tiếng. Cho nên biết pháp môn cao quý này, phàm

kẻ có tâm chí đều có thể tu hành được cả. Đâu có phân biệt tăng tục, trai gái, già trẻ, kẻ trí người ngu hay các hạng người khác giai cấp, làm việc cực ác hoặc bọn Xiển-đề, bác bỏ mọi thứ. Loài chim trĩ nghe được tiếng nói pháp còn sinh vào cõi lành, người hay niệm Phật đâu lại không vãng sinh Tịnh độ ư? Như thế thì chỉ lo người mình bỏ việc tu hành, đừng nên sợ Đức Phật không thương xót tiếp dẫn. Nay căn cứ vào các truyện ký thuật lại các điều nghe thấy khiến các người đồng chí hướng lấy câu “kiến hiển tư tề” (thấy người hiền phải nghĩ cách làm sao cho bằng) mà luôn cảnh tỉnh các cử chỉ hằng ngày của mình. Đến như đất đai rộng khắp bốn bề tám hướng, từ xưa đến nay, bao nhiêu điều mắt chưa từng thấy, tai chưa từng nghe, trải qua thời gian khá lâu các việc quên mất khá nhiều, đâu thể nào kể lại đầy đủ được.

22. Chánh thức nêu lời hồi hướng, khắp khuyên vãng sinh.

Đã rõ rằng nguồn gốc của tà kiến chính là do lời dạy bảo của hàng thầy bạn bất chánh. Nhưng đâu do nghiệp đời trước chiêu cảm đâu có thể bảo chính tâm mình không mê lầm. Mê lầm mà không lìa tâm chúng ta thì quả báo ở khổ thú tất khó trốn được. Hướng là một khi thức đã bị ô nhiễm thì muôn lời dạy cũng khó quay đầu. Vì thế quyển Bảo Vương Tam-muội Niệm Phật Trực Chỉ do đây mà được soạn ra. Tôi vừa lập chí này liền lấy tâm này mà duyên với khổ lớn của nghiệp ràng buộc cõi Ta-bà, mà nhớ nghĩ cảnh tiêu dao tự tại y chánh cõi Cực lạc. Sạch và dơ giao nhau, chúng sinh và Phật cùng sáng rõ. Vô lượng nghĩa lý đều tụ họp ở tâm, tràn đầy niềm pháp hỷ. Bấy giờ tôi không còn thấy có mình nữa, tất cả lý sự đều vô ngại, thân và cõi đều viên dung, không còn bị vướng mắc câu thúc của câu văn lời nói nữa như là đã sinh về Tịnh độ rồi vậy. Tất cả công đức như thế nhiều vô lượng vô biên. Hôm nay tôi nguyện đem tất cả công đức như trên, xem xét và tập họp tất cả thiện căn có được từ nay đến suốt kiếp vị lai đều phát tâm hồi hướng cầu vãng sinh Tịnh độ, đúng lý pháp tánh dần dà mở rộng đến vô cùng. Từ quả đến nhân đều là hạnh là nguyện đây khắp cả vô số cõi nước, đều đem hồi hướng khắp thí cho chúng sinh, tất cả đều trọn thành, đồng vãng sinh về Tịnh độ. Tôi lại nguyện nhờ niệm lực này đều khiến tất cả chúng sinh ở khắp vô số cõi nước ở mười phương và ở thế giới Ta-bà, đúng như sự mong ước của tôi, tất cả chúng sinh ấy có y chánh sắc tâm hoặc giống hay khác đều cùng lúc vào trong ánh hào quang vô lượng sáng suốt của đấng giáo chủ cõi Cực lạc. Bấy giờ trong mỗi đầu sợi lông nơi nơi đều là Cực lạc, ai nấy biến hiện tự nhiên, đều có thần thông du hý, vĩnh viễn không thiếu sót thứ gì, giống y như cõi của Phật

ở, thì nguyện tôi mới trọn vẹn. Do đó tôi lại càng thêm nhất tâm gồm nhiếp tất cả vô lượng thiện căn do Tam nghiệp đã tu dù nhiều ít lớn nhỏ, từ vô thủy đến nay và suốt cả bờ mé vị lai, tất cả thiện căn ấy đều hiện ra trước khắp cho chúng sinh ở cõi Cực lạc đều một lòng hồi hướng. Ngưỡng mong thần lực của chư Phật, nguyện lực của Phật A-di-đà cùng sức công đức của hai vị đại sĩ, nguyện xin pháp môn này, nguyện các thiện căn này biến khắp lục căn của tôi và đầy khắp thân thể, khiến lục căn của tôi đối với cảnh và trí rất tự tại. Đầy khắp cõi hư không đều là sắc thân, đều có thể tuyên nói về pháp môn như thế. Do thân căn này ở trước tất cả chúng sinh đến suốt cả bờ mé đời vị lai cũng không bao giờ lười chán, mà luôn luôn cúng dường cung kính thờ phượng hầu hạ tất cả chúng sinh như hầu hạ Đức Thế Tôn, năm vóc sát đất, quỳ gối chấp tay, chí thành kính khuyên, xin dùng lời kệ khuyên rằng:

*Thế giới Cực lạc rất thanh tịnh
Trang nghiêm đẹp mầu vượt thế gian
Nguyện lực Di-đà khắp hư không
Tướng đẹp sáng rõ cũng như thế
Từng niệm không lìa cõi thế gian
Khắp cứu bọn ta về cõi ấy
Bọn ta đành chịu trong sinh tử
Trải bao đăm chìm không thoát ra.
Phật đã đưa tay đợi từ lâu
Phút giây than thở thật ân cần
Ánh sáng phát ra sen liền nở.
Nay chính lúc nguyện sinh cõi ấy
Thân luôn vô thường, thời qua nhanh
Các khổ nung nấu, phải lìa mau
Hãy tu nhanh lên cùng niệm Phật
Hết báo thân này sinh Tây phương.*

Lại nguyện tập pháp môn này luôn tồn tại ở thế gian như pháp thân Phật, không cần người mời thỉnh vẫn làm lợi lạc tất cả chúng sinh và đồng được sinh về nước An dưỡng. Nguyện Thiên long bát bộ thường hiện đến giúp đỡ hộ trì pháp môn này, đừng để nó bị diệt mất, đúng như lý pháp tánh cùng Phật pháp vĩnh viễn truyền bá khắp nơi, luôn được tồn tại.

THUYẾT PHÁ VỌNG NIỆM PHẬT (TRỰC CHỈ TÂM YẾU)

Tam-muội niệm Phật, Đấng Đại Hùng thấy các nỗi khổ sinh, già, bệnh, chết do các nghiệp ràng buộc ở cõi Ta-bà này nên đã dạy mọi người pháp niệm Phật A-di-đà cầu sinh về thế giới Cực lạc. Do thân Phật và cõi nước trong sạch không đau bằng, đứng đầu trang nghiêm và y chánh báo vô cùng đẹp đẽ mầu nhiệm nên có tên như vậy. Chúng Bồ-tát có tâm rộng lớn trong hội của Đức Phật ấy và những chúng sinh nghe ngôn giáo của Phật mà được sinh về cõi ấy số đông vô kể. Từ khi giáo pháp này lưu hành trong thiên hạ, từ Đông sang Tây, xưa đến nay, những người vâng theo giáo pháp được vãng sinh rất đông, dù lấy số cát sông Hằng hay số bụi nhỏ cũng không lường được. Cách xa thời Thánh hiền, người đời đầy phiền toái, chẳng biết cõi Cực lạc Tây phương thật đang tồn tại, lại hiểu lầm câu các pháp duy tâm, cho đó là huyền diệu nên đã dối nhận tướng duyên ảnh lục trần điên đảo trong ngực làm tâm, cho rằng cõi Cực lạc trong lòng mình nên không cầu sinh chỗ khác, thật là điên đảo vậy. Duyên ảnh lục trần này đều thuộc tiền trần vốn không có bản thể riêng. Nếu tiền trần không có thì tâm này liền mất thì sao nói có cõi đó trong tâm này? Ông lại nói tâm này vốn trong ngực, tâm nhỏ xíu trong ngực sao có thể chứa cõi Phật rộng lớn được? Dù nói rằng một khi ngộ đạo thì cõi Phật trong tâm thì cũng chỉ có thể nói rằng thấy tánh mà ngộ đạo chứ sao có thể nói Tịnh độ trong tâm? Kẻ có kiến chấp như vậy quả thật là tà kiến. Dù là chủng tánh của thiên ma, giặc ác, ngoại đạo cũng đã vượt hơn kiến chấp này, ở thế gian cũng chẳng có kiến chấp vô cùng thấp kém này. Thật đáng thương xót thay! Ông nay nếu muốn ngộ tâm chân thật bản nhiên thì trước tiên nên quán sát tâm nhận duyên ảnh lục trần vốn ở trong ngực người, ngực ở trên thân, thân ở trong cõi nước, cõi nước và tất cả sát hải tịnh ược đều ở trong hư không, mà cõi hư không này không có biên giới, bao trùm tất cả, tất cả y báo chánh báo của mười cõi đều ở trong đó, nó rộng lớn khó nghĩ lường. Hư không này tuy lớn, bảo tâm tự nhiên chân thật bất động của ta chẳng phải chỉ lớn mà là cực lớn, lại có thể bao trùm cả hư không lớn lao nhất kia. Hư không kia nằm trong chân tâm của ta chỉ như một vẩn mây nhỏ chợt bay ngang bầu trời thì tất cả sát hải tịnh ược như Ta-bà, Cực lạc sao lại không ở trong tâm bản nhiên của ta? Đức Phật nói các pháp đều ở trong tâm đó thật ra chẳng phải trong tâm vọng tưởng ảnh duyên trong ngực người, mà ở trong một tâm niệm hiện tiền vốn chân thật của người.

Tâm chân thật này hoàn toàn tách rời tri giác, vượt khỏi thấy nghe, hoàn toàn chấm dứt tất cả tướng sinh diệt, tăng giảm, không xưa không nay, tánh vốn chân như bao hàm mọi sự mâu nhiệm. Mười cõi gốc của mê ngộ vốn không thể suy nghĩ bàn luận được sự rộng lớn của nó. Tất cả thân, độ đều nằm trong chân tâm đại giác bất động của ông, chứng ngộ đồng như Phật mới biết các cõi Ta-bà, Cực lạc... tuy là cảnh thật nhưng toàn ở trong tâm ta. Nếu đã trong tâm ta, vậy tâm ý bỏ Đông chọn Tây, ghét ư ưa tịnh, ghét Ta-bà cầu sinh Cực lạc cho đến ghét chúng sinh ưa thích Phật, buông thả tâm ý chấp cầu nơi tướng, những tâm ý đó đều không ngoài tâm ta. Nếu cầu như vậy là không ngoài tâm ta thì khi tướng tốt của Đức Di-đà thế giới Cực lạc hiện ra chính là tự tâm ta hiện. Khi tự tâm ta hiện chính là Đức Phật ấy hiện, hơn nữa tâm ta tức là tâm của Đức Phật kia, Đức Phật kia chính là Đức Phật trong tâm ta, chỉ một thể không hai nên nói rằng duy tâm Tịnh độ, bản tánh Di-đà, chứ không có nghĩa rằng không có cõi Tây phương, không có Phật cõi đó, không cần cầu vãng sinh, chỉ trong tâm duyên ảnh sinh diệt của người mà gọi là duy tâm bản tánh. Lại nói: Cầu Đức Phật kia tức cầu tự tâm, cầu tự tâm nên cầu Đức Phật kia, nghĩa này rất rõ ràng, vì sao thời nay lại có hạng phá pháp, chia rẽ tăng, bỏ đạo theo Nho, hiểu qua loa Thiền lý, chẳng biết gì lý tức cảnh tức tâm, cầu không ngăn ngại, chân thật, trở lại phân chia pháp bất nhị, phân biệt tâm cảnh, dạy người bỏ ngoài lấy trong, quay lưng với cảnh, hướng vào trong tâm khiến cho Sự ghét yêu thêm nhiều, tâm phân biệt thêm sâu, trái xa với lý thú. Vừa phân chia cảnh xong liền cho Cực lạc là ngoài, dạy người không cần cầu sinh về; vừa phân chia tâm xong thì đối chỉ duyên ảnh lục trần vọng tưởng giả dối là tâm, nói Cực lạc ở trong. Nhân suy nghĩ thấy tâm này không có thể chất nên nói vốn không có pháp nhân quả, thiện ác, tu chứng, do đây buông lỏng theo duyên đời, dạy người không cần lạy Phật, đốt hương, thấp đèn, tụng kinh, sám nguyện... vì cho đó là chấp tướng. Ít thì nói những việc đó ràng buộc tâm bất động như tảng đá vô tri làm hư loạn pháp thiền. Nhiều thì buông thả tự do, nói nghiệp sát, đạo, dâm như hoa đốm hư không, không làm trở ngại đạo. Nhân tà kiến này mà đọa lạc trong sinh tử, rơi thẳng vào tầng cuối nhất của ngục A-tỳ, tội này còn nặng hơn tội sát sinh, bán rước. Đến khi biết hối hận thì địa ngục này mới mất, mới được ra khỏi. Lại đối với cảnh y báo ruộng, nhà, núi sông, đất đai ngoài thân tuy thấy có thật, không dám nói không có, đều gọi là vật ngoài tâm, phân thành hai phần, không thể tạo thành một khối để tâm và cảnh như nhất. Chỉ đối với việc mặc áo, ăn cơm,

nhân lòng tham đối với miệng và thân nặng nên không dám hô hào là bên ngoài, còn đối với trần sát các cõi Cực lạc, thiên đường, địa ngục tuy từng nghe tên nhưng vì không thấy nên thẳng thừng nói không có. Trở lại nói người A xứ B khoái lạc chính là thiên đường; người X xứ Y khổ sở chính là địa ngục mà chưa từng biết rằng chân tâm không hư huyền này mới thật có đủ sát hải thiên đường địa ngục. Lấy đây để dạy người không cần cầu vãng sinh thì thật là ngu si vậy. Ô hô ông đã không biết chân tâm bất sinh bất diệt này hàm chứa cả thái hư, lại nhận tác vuông duyên ảnh trong thân này là tâm thì đó là nhận giặc làm con, không cầu nơi Phật thì kiến chấp đó thật là thấp kém. Kinh nói: “Ví như vứt bỏ trăm ngàn biển lớn trong xanh, chỉ nhận một hòn bọt nước cho là toàn bộ sóng nước, cùng tận biển khơi thì Như Lai gọi đó là kẻ đáng thương xót.” Chính là hạng này vậy. Vì tâm ta và tâm Phật thật đồng một lý nên ánh sáng, oai đức và nguyện lực của Phật A-di-đà ở trong tâm ta, và lực ngu si của tâm ta mà làm tất cả Phật sự, không lúc nào không dẫn dắt nơi ta, tâm ta ở trong đại tâm nguyện lực của Phật A-di-đà mà tu các hạnh lành niệm Phật cầu sinh. Không có một hạnh lành nào không chứa đủ đức của Phật, có đủ đức của Phật thì ta thành tựu Tam-muội. Do vậy nguyện lực của Phật A-di-đà ban đầu nằm ở phát tâm, sau cùng nằm ở cứu cánh, không một pháp nào không đi thẳng đến tâm ta vì tâm ta tức là tâm Phật. Tâm ta từ vô thủy đến nay tận đời vị lai tu tất cả Tam-muội, không một pháp nào không thu nhiếp về biển Phật, thành Phật xưa nay vì tâm Phật tức là tâm ta vậy. Vậy sắc tâm y chánh, nhân quả tịnh uế tuy đồng một tâm mà thật không ngăn ngại nhau, mỗi một tự phân ở vị trí mình trong cùng một tâm. Do cùng một tâm nên tuy tịnh uế khác nhau, mà điều mong cầu không nằm ngoài chân tâm. Do tự phân nên tuy nhất tâm mà ắt sẽ bỏ uế lấy tịnh. Bỏ uế lấy tịnh thì tịnh uế tự phân ra, có thể ngộ được duy tâm Tịnh độ. Tu tập như vậy ví như một giọt nước rơi vào biển bèn cùng một vị, mới biết biển lớn tức chính mình, há có một hạnh nào vô ích không thành công đức sao? Nay những kẻ ngu đại trong ba nhà đó tuy không biết lý nhưng nhờ lòng tin rằng thật có cõi kia. Khi mạng chung sẽ được vãng sinh. Còn kẻ sợ sa bẫy hư không, nhân nhận duyên ảnh là tâm, nói rằng không có cõi nước nằm ngoài thì tuy tu đạo hạnh mà vẫn bị sinh tử. Do đây mà biết rằng ánh sáng, oai đức, nguyện lực của Phật A-di-đà thường còn ở thế gian, việc giáo hóa không bao giờ ngừng, Ngài vẫn muốn thâm nhiếp cả chúng sinh trốn tránh cái chết, chuyên quên, hướng chỉ người nhớ niệm Phật lại không được vãng sinh ư? Cõi nước đó thù thắng thì người cầu vãng

sinh về đó thâm tâm cũng phải phát khởi hạnh nguyện thù thắng. Hoặc chỉ xưng danh hiệu, chuyên trì một chú và chỉ kinh thành, lễ lạy, cho đến đốt hương rải hoa sáu thời sám hối, bỏ hết duyên đời, một lòng chuyên chú quán hình dung và tướng bạch hào của Phật, tâm không lười nhác ngưng bỏ thì khi mạng chung nhất định vãng sinh. Nếu lại hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm từ mẫn không giết hại, tu thập thiện nghiệp, nhận giữ tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi, tin sâu nhân quả, không bài bác Đại thừa, khuyến khích người tu, tu những pháp như vậy cũng sẽ sinh về cõi nước kia. Nếu được sinh về đó, không chỉ được sinh lại rõ biết như trên, khi thật sự nỗ lực niệm vô cầu vô sinh. Vì sao? Tức tinh tấn là vô tu, chứ không phải không tu là vô tu. Nếu nói buông bỏ tất cả, không bám víu thiện ác, rộng mở không trở ngại là vô tu thì có khác gì đoạn kiến của ngoại đạo, không phải ngu si là gì? Sao không nghe người xưa cho sắc tướng là vô tướng, lấy thân tu làm vô tu, lấy kia nêu đây, mọi pháp đều vậy, sao không thẩm xét. Nay nghĩ mạng người vô thường, chuyển hơi thở đã thành đời khác, hướng gì việc đời liên miên như dây câu không đứt đoạn, nếu không bị ràng rịt thì khi trần lao tích tụ và chính khi đương đắc ý, ngừng tay không được mà có thể một dao chặt đứt, phát nguyện lập hạnh, hết sức nhảy thoát thì có thể như niệm mà vãng sinh. Do đó, tôi nay làm lễ xin khuyến hàng Phật tử đều phải nhất tâm tinh tấn tu hành.

(Bạn tôi là Lý cư sĩ viết bài khuyên niệm Phật, nhờ tôi viết vài lời nên có thuyết này.)

Ngày 20 tháng 9 năm Ất Hợi niên hiệu Hồng Vũ.

LỜI BẠT

Tịnh trực xem pháp ngữ của Đại sư Vân Thê mà biết có pháp môn Tịnh độ. Trong đó nói Tịnh nghiệp và Thiền như lan mùa xuân, cúc mùa thu, mỗi loại có nét đẹp riêng không trở ngại nhau mà chưa biết Tịnh nghiệp tức là Thiền vô thượng sâu xa mầu nhiệm. Mùa đông năm Đinh Hợi, lên Tổ đường làm lễ Đại sư Ngẫu Ích, nghe bàn Thiền tịnh không hai, nói rằng không những không thể tách rời mà cũng không cần hợp lại. Tuy hâm mộ lời nói đó nhưng lại thâm nghi ngờ. Nay đọc “Trực chỉ niệm Phật” này mới tin Đại sư Ngẫu Ích quả thật không chủ quan và tin “Tứ liệu giản” của Đại sư Vĩnh Minh thẳng thẳng không gạt người, do đó ra sức kêu gọi các duyên khắc in lưu hành, các bạn bè cũng vui vẻ trợ giúp, thế mới biết nguyện lực và hồng thệ của Đức Phật A-di-đà đã quán triệt tâm người từ lâu. Khắc xong kính ghi vài lời bạt để biết niềm vui của pháp.

Ngày rằm trung thu năm Tân Dậu. Đệ tử Tịnh nghiệp là Xa Tịnh Trực viết tại Tứ Liên Cư năm sáu mươi tuổi.



